

trang số

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

Rút

KINH - NGHIỆM

ICH-SỬ tiến-triển của
văn-học Việt-nam hồi

HỌC PHIỆT

tiền bán thế-kỷ đã để lại cho chúng ta một bài học.

Từ 1918 đến 1938, giữa hai cuộc Thế-giới Đại-chiến, trên lĩnh-vực văn-học nước ta đã kế-tiếp nhau ngự-trị hai nhóm Văn-phiệt : NAM-PHONG TẠP-CHÍ và TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN.

Được may-mắn chứng-kiến rõ-rệt những hoạt-động của hai nhóm này, với những nhận-xét hoàn-toàn khách-quan về ảnh-hưởng của họ, chúng ta có thể rút một vài kinh-nghiệm có lợi-ích cho công việc xây-dựng văn-học ngày nay, và cố-gắng tránh những sai-lầm có thể di-hại nặng-nề cho sự phát-huy văn-hóa.

Từ 1918 đến 1932, nhóm NAM-PHONG của Phạm-Quỳnh đã gây được một khởi-hùng mới mẻ cho Văn-học, đã đem vào cho thế-hệ trí-thức lúc bấy giờ làn gió mát dịu và bổ-khoẻ của Văn-hóa Tây-phương. Họ đã điều-hòa được cái dưỡng-khí tinh-khiết và thơm-thoắt với tinh-thần Hán-học còn đang mạnh-mẽ. Đó là công-on của Nhóm NAM-PHONG, một công-on lớn-lao.

Nhưng, đồng-thời, Phạm-Quỳnh lại còn đeo-đuổi một tham-vọng quan-liêu với sự nâng-đỡ và thúc-đẩy của nhà cầm-quyền thuộc-địa muốn tạo ra một lớp trí-thức hậu-thuần. Phạm-Quỳnh là người kiêu-căng, đối với uy-quyền đương thời thì ông phụng-hạ trung-thành, mà đối với các tầng lớp trí-thức nhân-dân thì lại lên mặt học-giả tự-cao tự-đại. Do đó mà ông đã có thái-độ một nhà HỌC-PHIỆT PHONG-

KIẾN muốn chiếm địa-vị độc-đáo trên Văn-đàn Việt-nam. Ông khinh-miệt, hoặc thù-hằn và gạt bỏ các lớp Nho-sĩ Kỳ-cựu và Văn-ngệ thanh-niên tân-tiến mà hầu hết lại có tư-tưởng cách-mạng.

Vì vậy phong-trào văn-học của ông có một xu-hướng rất tốt-đẹp, mở một chân trời rộng-rãi cao xa, đáng lẽ phải được bộc-phát mãnh-liệt với sự hợp-tác nồng-nhiệt của các lớp trí-thức, thì lại bị gài như thu-hẹp vào phạm-vi hoạt-động của một cá-nhân Phạm-Quỳnh.

Hoạt-động Văn-ngệ của ông lại còn đề phụng-sự mục-phiêu (hình-trị của chế-độ thuộc-địa đương-thời : chủ-trương làm u-âm Dân trí (RÉ-GIME DE L'OBSCURANTISME), cho nên không bành-trướng được mấy.

Trong một dịp khác tôi sẽ xin nói rõ hậu quả không tốt đẹp của thái-độ học-giả vụ-lợi của Phạm-Quỳnh trên lịch trình tiến triển của văn học Việt-Nam hồi tiền bán thế kỷ. Thật là một điều rất đáng tiếc, vì nếu Phạm Quỳnh đem hết sở học và tài năng của mình mà phụng sự triệt để cho Văn học Nước nhà, thì ông đâu có để lại một số tác phẩm sơ sài và nông nổi, không có tác dụng xứng đáng với trách vụ tiên phong của một nhà văn đại tài.

VĂN PHIỆT

Phạm-Quỳnh đã mất hết uy tín rồi, tức là phái học-phiệt phong kiến đã suy tàn, thì một nhóm

Văn sĩ khác tranh giành «địa vị» của ông. Đó là nhóm PHONG-HÓA của Nguyễn-tường-Tam, bút hiệu là Nhất-Linh. Nguyễn-tường-Tam đồ cử - nhân Khoa - học ở Pháp về, trước tiên chỉ làm giáo sư dạy học trường Thăng-Long. Ông xuất bản tờ tuần báo PHONG-HÓA, chỉ có mục đích làm tờ báo hài hước, chứ thoát tiền không có một chủ trương Văn học nào cả. Bằng chứng là chính ông viết Việt-văn còn rất lủng củng, câu văn không gọn gàng, và không lưu loát. Ông không có cái tài nghệ gì riêng biệt của một tiểu-thuyết gia như Khái-Hưng, lại không có tâm hồn Thi sĩ, và khi tờ tuần báo PHONG HÓA ra đời, ông cũng không có ý-định dùng nó làm cơ quan văn nghệ. Nhưng Nguyễn-tường-Tam có hai khả năng đặc biệt, là vẽ khô hài và nói khô hài. Tờ PHONG-HÓA bán chạy là nhờ hai môn đó. Ông dùng nét vẽ và lời văn điệu cợt đề ngạo hầu hết mọi lớp người, gần như tờ «CANARD ENCHAINÉ» của Pháp vậy.

Trước hết, báo PHONG-HÓA đã kích ngay lớp bình dân Việt nam.

Nhất-linh chọn hai nhân vật «LÝ-TOÉT» và «XÃ-XỆ» tượng trưng cho cấp Bình-dân ; để làm mục phiêu chế riều một cách hết sức tàn nhẫn. LÝ-TOÉT với XÃ-XỆ là hai người « quê mùa » tiêu biểu cho tất cả các lớp cha, chú, và đại chúng nhân dân của thế hệ thời bấy giờ. Luôn luôn trong mỗi số báo, Nhất-linh đem hai nhân vật ấy ra để bêu xấu, làm trò cười cho lớp người trưởng giả học làm khôn. Dĩ nhiên công chúng dễ dãi thấy ai chọc cho tức cười thì xúm nhau cười, không nghĩ rằng LÝ-TOÉT, XÃ-XỆ chính là họ, là chúng ta, là ông, cha, chú, bác của chúng ta. Cái cười đó là cái cười của những ông Tây bà Đầm bày ra trò «An-nam-mít» leo cột mỡ, và bịt mắt liếm đồng bạc dán dưới đít nồi đầy lọ nghệ, trong các ngày lễ « cát-tó duy-dê ». Công chúng « An nam » thời bấy giờ vẫn tụm lại đồng đảo chung quanh các trò hề ấy để vỗ tay cười với ông Tây bà Đầm. Cười để mà cười, không cần suy nghĩ.

Nhóm PHONG-HÓA biết lợi dụng ngay cái khuynh-hướng của đồng bào « thích vui » như thế, mới bày ra hai ông LÝ-TOÉT và XÃ-X làm trò cười trên mặt báo « hài hước » của họ. Họ gọi đó là « CAI LƯƠNG PHONG-HÓA ».

Nhưng, những kẻ có đôi chút lương tâm quốc gia và lòng tự ái dân tộc, thấy các báo Pháp ở xứ ta hồi đó trích đăng những hình vẽ và những câu chế nhạo « người nhà quê An-nam » của báo PHONG-HÓA ; đều tự lấy làm hồ thẹn cho cả nòi giống mình. Nhóm VĂN-SĨ của báo PHONG-HÓA tự cho rằng họ đã học đòi được văn minh của Pháp rồi, nên họ quay lại dùng ngòi bút mỉa mai để chế riều đồng bào « quê mùa », nghĩa là đại đa số bình dân Việt-nam.

Chúng ta không quên rằng thời kỳ đó, người Pháp vẫn gọi người Việt-nam là « nhà quê ». Họ lại còn đặt ra một thứ tiếng Pháp mới là « nhaque » mà họ đọc theo giọng Pháp là « nắc-cờ », để khinh-bĩ người Việt nói chung. Trước mắt họ, trừ một số ít « thượng-lưu trí thức » phục vụ cho họ, còn thì tất cả dân Việt-nam là... CE SONT DES NHAQUES ! (họ đọc là nắc-cờ).

Các anh Văn-sĩ ở báo PHONG-HÓA phụ-họa theo thói ngoạ-mạn

khinh-khi của kẻ thống-trị đang mạnh, bêu xấu người dân Việt-nam để cho « Ông Tây bà Đầm » cười thêm.

Họ đã gây ra một trận cười hoàn-toàn VÔ-Ý-THỨC, bêu xấu chung cả Dân-tộc Việt-Nam, lại còn cười-cợt đả-dân-dân-nghèo, lao-động, và tàn-tật. Họ cười những người mù đi không khéo bị sụp-hố, họ cười những người buồn thúm bán mẹt chợ gà-vịt một cách khổ-sở trên các xe đồ cho đồ tổn tiền. Họ cười tất cả những cử chỉ vụng-về của người dân Việt trước cảnh tượng văn minh của Pháp.

Đó là chủ-trương bài-xích của nhóm NHÀ-VĂN « tiên-phong » của báo PHONG-HÓA, trên phương-diện xã-hội.

Trên địa-hạt Văn-ngệ, họ công-kích và chê-bai hầu hết những nhà văn nào không nịnh-bợ họ, không tùng-phục a-dua. PHAN-KHÔI, NGUYỄN-CÔNG-HOAN, TRƯƠNG-TỬU, LƯU-TRỌNG-LU, LÊ-VĂN-TRƯƠNG, VŨ-ĐÌNH-LONG, v.v... đều bị họ chàm-biếm, chế-nhạo bằng một lối trò hề rẻ tiền. Những kẻ không có giá-trị văn-học nào hết, những kẻ chuyên ăn-cắp kịch của Pháp để viết ra Việt-ngữ (mà giấu tên các tác giả Pháp để độc giả tưởng là của tự mình viết ra) như ĐOÀN-PHÚ-TỬ, những kẻ làm thơ vô giá trị như VŨ-ĐÌNH-LIÊN v.v... mà a-dua theo họ, theo che tàn họ, thì họ đề cao lên.

Họ chế-nhạo từ những người học-giả lão-thành như cụ Nguyễn-văn-Tố, ông LÊ-DƯ, ông PHAN-KHÔI, ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, những thanh-niên anh-tuấn có Tây-học giỏi, có khả-năng, có thiện-chí, như nhà khoa-học NGUYỄN-CÔNG-TIỂU, chủ-nhiệm « Khoa-học Tạp-chí », ông LÊ-THĂNG, Tiến-sĩ Luật-khoa, ông LÊ-CÔNG-ĐẮC, giáo-sư cổ-ngữ Hy-lạp La-mã, v.v... cho đến những người thường-dân như bà Bé-Tý ở Hàng-Bạc, ông PHẠM-LÊ-BÔNG, nhà buôn pháo, ở Hàng-Bò v.v.. họ đều vẽ hình và đặt ra những câu chuyện khôi hài để chế-riều. Đám bình-dân thì có LÝ-TOÉT và XÃ-XỆ, là tiêu-biểu để cho họ làm thứ trò cười rẻ tiền, được số người ít học và người ngoạ-quốc phụ-họa cười theo.

Báo PHONG-HÓA đã thành-công riêng trong việc bán-báo với tiếng cười phẫn-dân-tộc ấy, tiếng cười không xây-dựng được gì cho xã-hội cả.

Rồi sau đó họ mới bày ra Tự-Lực Văn-Đoàn.

KỲ SAU : Tính cách Văn-Phiệt của Tự-Lực Văn-Đoàn



Ông Đàm Quang Thiện

HIỆU CHÍNH TRUYỆN KIỀU

★ THIẾU SƠN

Tôi thường có mặt trong những buổi diễn-thuyết do Mặt Trận bảo - vệ tỵ - do Văn - Hóa tổ - chức. Nhưng chưa lần nào có số thỉnh-giả đông-đúc như chiều chúa-nhật 5-7. Chưa tới giờ khai-diễn mà không còn một chiếc ghế trống. Người đến sau phải đứng đông nghẹt cả căn phòng rộng-rãi của Trường Quốc-gia âm-nhạc. Và còn vô-số người đứng ra cả ngoài sân để ngóng chờ nghe câu được, câu mất. Diễn-giả hôm đó là ông Đàm-quang-Thiện. Ông nói về một phương-pháp để thử giải-quyết những nghi-vấn trong truyện Kiều.

Những buổi diễn-thuyết trước luôn luôn còn ghế trống. Đó chỉ là một nhận xét chứ tôi không có ý so-sánh về giá-trị giữa các diễn-giả và giữa các bài diễn-văn. Hơn nữa chính có những buổi thuyết-trình rất hứng-thú mà tôi tiếc rằng không có người tới nghe đông như buổi thuyết-trình của ông Đàm-quang-Thiện. Cái hiện-tượng đó cố-nhiên phải có nhiều lý-do. Nhưng lý-do chánh mà tôi biết

chắc là phần đông ai cũng thích nghe nói tới Truyện Kiều mà những người đã quen biết diễn-giả đều tha-thiết muốn được nghe. Ông Đàm-quang-Thiện nói về Kiều. Đã có nhiều người bạn thân của ông nói với tôi rằng chưa từng thấy một người nào thích Kiều, yêu Kiều, hiểu Kiều và nhớ Kiều bằng ông. Ông có thể đọc hết cuốn Kiều mà không cần phải coi sách. Mà một người đã dụng-công đến mức đó từ buổi tóc còn xanh cho tới nay đã lốm-đốm bạc, người đó không thể nói một cách hời-hợt về một danh-sơn kiệt-tác của kho-tàng văn-học Việt-Nam.

Đàm-quân nêu ra vấn-đề là nguyên-cảo của Truyện Kiều do chính tay cụ Nguyễn-Du viết ra đã mất hẳn và tất cả những bản Kiều bằng chữ nôm hay quốc-ngữ mà ta có từ trước đến nay đều do hai bản nôm nguyên-thủy là bản Phương của cụ Phạm-quí-Thích và bản kinh của vua Dục-Tôn.

Cả hai người, cụ Phạm-quí-Thích và vua Dục-Tôn đều đã sửa văn của cụ Nguyễn-Du theo ý riêng của các cụ. Rồi những người

xuất-bản sau cũng cứ theo ý riêng của họ mà sửa mãi. Vì thế mà Truyện Kiều bị «tam sao, thất bản» càng ngày càng xa với bản chính, xa với nguyên-văn.

Đàm-quân nêu ra những câu không ổn, những nghĩa không thông để làm chứng cho lời nói của mình.

Rồi ông đưa ra một giải-pháp là tìm cho ra một lẽ-lối hành-văn đặc biệt của Nguyễn Du, kiểm ra những đặc tính, rút ra những định-luật rồi căn-cứ vào đó mà hiệu chỉnh lại những điểm «tam sao thất bản» ấy. Phương-pháp của ông Đàm là một phương - pháp rất táo-bạo, ngược hẳn với phương-pháp người ta thường dùng để hiệu-chỉnh cổ - văn. Phương - pháp thường dùng là phương-pháp qui-nạp tìm chora nguyên-văn của tác-giả hay ít nhất cũng tìm những tài-liệu đầu tay để xây cất lại những cái gì của cổ-nhân còn sót lại mà không được toàn-vẹn và tinh-khiết. Sự suy-diễn có lúc cũng phải dùng, nhưng qui-nạp vẫn là chánh.

Nhưng theo như diễn-giả trình bày thì không còn có thể nào tìm ra nguyên-văn của tác-giả nên ông phải dùng tới cái phương-pháp của ông như đã nói ở trên.

Phương-pháp này rất nguy-hiễm vì rất có thể người hiệu-chỉnh lại để thêm một ít chủ-quan của mình vào nữa mà thành « Tứ sao thất bản » thì càng ngày Truyện Kiều

càng xa với nguyên-tắc, nguyên-văn.

Nhưng Đàm-quân đã trình bày ra được tất cả cái công-phu tìm tòi và đưa ra những định-luật cho cái phương-pháp của ông mà tôi không tìm ra được một cái gì để chống đối thì tôi không có quyền cản-trở ông đi trên con đường ông đi.

Hơn nữa, một người đã tâm-đắc Truyện Kiều như ông phải được coi như là một người chuyên-môn có những cái tế-nhị ở con mắt, lỗ tai, ở tâm-hồn, tinh-cảm mà người thường không thể lãnh-hội được. Dầu tôi không đồng-ý về phương pháp ông dùng, tôi vẫn phải nhận rằng ông nhớ Kiều hơn tôi, ông hiểu Kiều hơn tôi, ông thấy rõ hơn tôi cái Văn-phong và Văn-pháp của cụ Nguyễn Du, ông có thể thành-công được phần nào trong cái công-việc mà người khác cho là táo-bạo và nguy-hiễm.

Tôi mong rằng ông sẽ cho xuất-bản bài thuyết-trình của ông để nêu vấn-đề ra trước một công-chúng rộng-rãi hơn, để cuộc thảo-luận sẽ có thêm người tham-gia, tạo nên một không-khí sôi-nổi và hào-hứng trong văn-giới và học-giới toàn-quốc.

Riêng về cuộc diễn-thuyết của ông ở Trường Quốc-gia âm-nhạc ông đã được sự tán-thưởng và tin-cậy của một cử-tọa đông-đảo. Đó là một khích-lệ xứng-đáng và ông cũng xứng-đáng được sự khích-lệ đó.

BÊN LỀ LỊCH-SỬ CẬN-ĐẠI

Lớp học cuối cùng của Thầy giáo

PHẠM-TUẤN-TÀI

★ Hồi ký

TRẦN-QUAN-BẢO

MỘT sớm mùa Đông, cách đây đã trên 30 năm, tại Thành Tuyên đã ghi lại một biến cố của lịch-sử vào giờ phút đau thương nhất của nhà cách-mạng **PHẠM-TUẤN-TÀI** bị thực-dân bắt đi trong khi ông đang lên lớp giảng dạy.

Từ khi trống vào lớp, thầy giáo Phạm-Tuấn-Tài vẫn giữ thái độ bình tĩnh bề ngoài làm bồn phận giảng dạy các học sinh như thường lệ. Trái với các buổi học khác, người ta chú ý đến thầy vận y phục chỉnh tề hơn với chiếc nơ đen, bộ ni xám và cặp kính rắng thông minh, luôn luôn mắt thầy tỏ vẻ dăm chiêu suy nghĩ. Hai tay chấp ra sau lưng với quyền sách nhỏ. Thầy đi đi lại lại quanh lớp không biết bao nhiêu vòng như tỏ vẻ đặc biệt sẵn sóc đến

học sinh, cố làm phấn khởi các em trong giờ học. Tuy nhiên giọng Thầy từ chỗ nghe sang sang dần dần lắng xuống buồn trầm đầy sự cảm xúc. Thỉnh thoảng Thầy lại ngừng giảng nhìn ra đường hình như chờ đón một sự quan trọng sắp đến mà Thầy đã có chủ định đối phó.

Đã trên một năm nay, từ lúc dời lên Tuyên-Quang, người ta chỉ biết Thầy dạy học lớp Ba, ngày hai buổi sớm tối đi về đều đặn. Hình như Thầy không biết chơi bời gì ngoài cái thú đóng cửa đọc sách và viết lách thâu đêm. Thầy cũng ít có bạn bè giao du trong tỉnh, trừ một số khách lạ qua lại bất thường. Đời sống có vẻ dãn dật và thanh bạch của một giáo chức cấp dưới như Thầy được thể hiện quá rõ ràng.

Về hình dáng, trông Thầy mảnh khảnh nhưng lanh lợi. Thầy có một đặc điểm mà ai cũng biết là làm việc tận tụy. Cũng vì thế mà trông Thầy không bao giờ có hồng sắc tượng trưng cho cả một sự yếu đuối, đôi khi như lạnh lùng ít nói và kín đáo về tư tưởng lẫn hành động. Cho nên Thầy đã cố kiếm được một căn nhà biệt lập ngoài thành phố, bên cạnh sườn núi để thuận tiện cho mọi công việc hoạt động riêng hoặc xúc tiếp với bạn bè bí mật. Nơi đây, ngoài vợ và một con gái nhỏ, Thầy có thêm một người học trò đã lớn tuổi mà Thầy tìm kiếm được ở địa phương làm chân tay tin cậy với đức tính thật thà và trung thành được bảo đảm chắc chắn của người bạn trẻ ấy. Thế rồi dần dần được sáng tỏ thêm qua một vài dư luận trong giáo-giới, về quá-khứ Thầy đã từng viết sách, viết báo, tranh đấu cho lý-tưởng «tự do» của xứ-sở bằng cách phản-đối kia khác. Thầy cũng là tác giả «của cuốn» Ce que disent les grands hommes với cái tên biệt-hiệu «Phạm-mộng-Tiên. Trước đây Thầy là một giáo-viên cao-cấp tại Trường Sinh-Từ Hà-nội rồi bị nhiều lần giảng-chức vì tình-nghị chính-trị buộc vào các lỗi vi-

phạm kỹ-luật nặng nề đến nay phải thuyên-chuyển lên mạn ngược cũng không ngoài lý-do trên.

Mặc dầu bao sự bạc đãi trả lại, Thầy rất yêu nghề, yêu trẻ, vẫn cố lợi-dụng mọi hoàn-cảnh có thể hoạt-dộng cho các việc ích quốc lợi dân. Từ các em học-sinh đến đồng-bào các giới đã tìm hiểu Thầy và mến phục qua các cuộc diễn - thuyết, nói chuyện, soạn giảng các bài quốc-văn bằng lối nghị-luận, thi-ca đầy ý nghĩa, kích-thích thâm-trầm làm thức tỉnh mọi người trong cái nhục vong quốc. Tôi còn nhớ nhân dịp một đám tang của một bạn đồng nghiệp là Ông «Giáo-Bảng» mà Thầy đến kể vị, đã chết vì bệnh lao bởi sự quá hi-sinh với chức-vụ. Lúc hạ huyệt, Thầy đã mặc lễ - phục Việt-Nam trịnh-trọng đứng đọc một bài diếu-văn rất bi-thiết làm xúc-dộng sâu-xa tất cả mọi người có mặt, ngay đến cả học-sinh nam nữ cũng phải nhỏ lệ sụt-sùi, gây nên ảnh hưởng quan-trọng, bắt nguồn cho một tình thần yêu nước chồm nở mạnh-mẽ từ đấy.

Vì được mật-tin từ đêm trước, Thầy đã biết tình thế không thể nào cứu vãn nổi với sự bao vây quá chặt-chế của

chính-quyền thực-dân nên Thầy đã tự liệu đề đón các việc xảy đến không cần phải lẩn tránh, hoang-mang làm mất khí-phách hiên-ngang của con người đã mang danh cách-mạng đấu-tranh, khinh thường mọi trường-hợp nguy-nan sinh-tử. Thầy đã kịp thời đốt hết các tài-liệu quan-trọng có liên - hệ đến công-cuộc đấu tranh và cho phép tên học-trò trung-kiên trở về quê cho khỏi bị liên-lụy. Sáng hôm sau Thầy vẫn đi làm như không có việc gì xảy ra. Cho đến bước đường cùng hôm nay, Thầy phải làm cho lũ thực-dân kiêu-bạo cảm-phục về tinh-thần bất-khuất sẵn có của truyền-thống oanh-liệt dân tộc Việt-Nam.

Cái việc sẽ đến đã đến. Thầy đang sang sảng đều đều làm nổi bật những điểm chính của bài quốc-văn mà Thầy tự soạn lấy cho học-trò học từ bao năm nay như thế. Đáng thương hại cho lũ trò ngây thơ trong trắng đang say sưa với điệu-bộ và lời luận-giảng của Thầy hình như đã quên hết mọi ám-ảnh vừa qua xâm-chiếm một phần lớn tinh thần của chúng. Thầy cũng vừa ngẩng đầu lên thì « Xích » một chiếc xe kiệu nhà binh buông mui kín đổ sát cổng trường, đáp xuống hai toán lính

khố-xanh võ - trang đầy-đủ đã được lệnh tản ra hai bên bao vây quanh lớp. Một viên cầm Tây bước xuống sau kèm theo bốn viên cảnh-sát đều nai-nịt súng đạn hung-hãn tiến vào. Cả lớp học hoảng-hốt lặng nhìn như nín thở vậy. Như cần giữ một phần nào thể-diện của Mẫu Quốc với chút ít lịch-sự, viên cầm vừa lấy tờ « trát lệnh » đưa ra vừa dơ tay chào và nói tiếng Pháp : « Xin lỗi Ông, Ông là Thầy giáo Phạm-Tuấn-Tài ? »

— Thưa ngài phải, chính tôi ! Thầy ung dung đáp lại và không cần nhìn mảnh giấy.

— Vậy xin Ông cho phép tôi được làm phận sự theo lệnh của Thượng cấp.

— Tôi đã hiểu và xin sẵn sàng theo lệnh Ngài. Tuy nhiên Ngài có thể rộng quyền cho phép tôi được giảng xong bài học cuối cùng cho các em.

— Được ! tôi xin vui lòng đợi Ông. Viên Cầm gật gù tỏ vẻ khâm-phục.

Tiếng Thầy lại tiếp tục luận giảng trước sự hồi-hợp ngạc-nhiên của lũ học sinh yêu mến đứng nhìn Thầy ứa lệ, vì chúng không thể kiềm- chế nổi những cảm-xúc hồn-nhiên, đột-ngột, và

cũng không còn đủ can-đảm ngồi nghe hay ngó thẳng vào nét mặt Ông Thầy đáng kính mến bấy lâu. Câu giảng cuối cùng vừa chấm dứt. Thầy cảm ơn viên Cầm và đưa thẳng hai tay ra đằng trước cho chiếc khóa vòng xích sắt bấm « tách » lại. Tức thì lớp học cũng bị tan rã trước giờ nối đuôi thành hai hàng nam nữ lặng lẽ đưa Thầy theo sát cho tới cổng nhà lao rồi đứng bao quanh bên ngoài như không nỡ dứt tình « sư phụ ».

Bằng một cử chỉ « khoát tay » thân mến, Thầy quay mặt lại một lần chót nhìn các bạn bè và đồng bào rải rác đứng xa xa, nhất là đám học sinh yêu quý đưa tiễn. Thầy nói qua nước mắt giữa giờ phút vĩnh biệt thương đau của người anh hùng vừa bị sa cơ thất thế không còn tự trấn tĩnh nổi nổi lòng sốt sa trước cảnh chia ly, bại vong của thế cuộc. Tiếng thầy hùng trầm phát ra từ trong tâm huyết, can đảm lũ đàn em trong phút cuối cùng mà tôi còn ghi nhớ mãi mãi :

— « Thôi Thầy cảm ơn các em đã có lòng tiễn đưa như thế là đủ. Các em hãy nghe Thầy trở về trọng trật tự, miễn cố ghi nhớ lấy ngày hôm nay, học tập sao nên

người hữu ích cho nhà, cho nước sau này. Đó là các em đã biết ơn và thương Thầy vậy ! Thầy thấy không còn gì đáng nói nữa. Cho Thầy gửi lời chào tất cả... ». Thế rồi cánh cửa nặng nề khép lại, giam kín người cách mạng đàn anh từ thuở ấy. Tiếng Thầy vẫn còn văng vẳng bên tai như một nguồn sinh lực tiếp dẫn vô biên vậy.

Đã hơn 30 năm nay, nhà cách mạng Phạm-Tuấn-Tài không còn nữa để chứng kiến sự Trưởng Thành của lớp học sinh hôm ấy. Và cũng trên 30 năm nay, đã có biết bao lớp người noi theo lý tưởng tranh đấu của Thầy — ngã gục cho màu sắc vinh quang và sự trường-tồn của dân tộc.

Và cũng hôm nay, nước nhà đã được hân hoan nhìn thấy sự Độc Lập sau bao cuộc thăng trầm thử thách lớn lao. Mỗi khi nhớ đến người quá cố tôi không khỏi bồi ngùi thương tiếc và khâm phục tinh thần hy sinh cao cả của bóng dáng người xưa...

Viết tại La-Hà-Thôn, 26-6-59
TRẦN-QUÁN-BẢO

Văn-chương

TRÀO LỘNG VIỆT - NAM

Ở khắp các nước trên thế giới—kể cả các nước đồng văn với Việt-Nam, như Trung-hoa, Nhật-bồn, Triều-tiên—có lẽ không một nước nào có một thứ ngôn ngữ dồi dào, đầy đủ, và một nền văn-chương điêu luyện, phong phú về mặt trào-lộng, châm biếm, hoạt kê, hài-hước, như nước Việt-Nam ta. Và có lẽ trên thế giới, chỉ có ngôn ngữ Việt-Nam là giàu danh từ mỉa mai, châm chích, biếm-nhê, hơn cả.

Dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc vui tánh, lạc quan, dí-dỏm, nên bất cứ trong trường-hợp nào, cũng có thể tìm cách nô đùa, bỡn cợt, chế-diệu, để tìm cái cười hả-hê, cho thỏa thích cái thiên-tánh của mình.

Hình như chỉ riêng có dân Việt-Nam ta, mới có biệt-tài về môn trào-phúng, mỉa mai, một đặc-diểm rất ít gặp trong văn-chương các nước khác. Có thể nói rằng: Văn-chương trào-lộng là một thể văn riêng biệt, độc-

★ MINH-KHA

đáo và kỳ thú trong nền văn-học nước ta, và nói như vậy không có gì là quá đáng.

Trong những cuộc hội-hợp, nhân những buổi quan, hôn, tang, tế, hay những giờ làm việc vất vả ở các công-xưởng hay đồng-áng, người ta thường bày ra những câu chuyện nô đùa, tiểu-lâm, hài-dâm v.v... để cùng nhau cười vui, quên cả nhọc-mệt và đề-hăng hái làm việc.

Những câu chuyện có tánh cách tiêu-sầu, giải-muộn ấy, biểu-lộ tài-hoạt bát, trong việc khen-chê, châm-biếm của dân ta.

Ai đã từng chứng-kiến cuộc hò «đổi-đáp» ở thôn-quê trong các-vụ cấy hái, mới nhận thấy tài-ứng-đối, báo-biến mau-lẹ, dễ-dàng của các «nhà-văn-bình-dân» này, khi họ vấn-đáp, xô-xiêng, châm-chọc lẫn nhau bằng những vãn-thơ «trug-khâu» rất tế-nhị và linh-động.

I-ếu những trung-thần, liệt-nữ-

hào-kiệt, anh-hùng được người đời tán-dương, ca-tụng, thì trái lại những phần tử thối-tha, nhơ-nhớp, làm trái luân-thường đạo-lý, cũng bị miệng-thể-nguyên rửa, chê-bai, mặt-sát không-tiết-lời:

*Trăm năm bia đá để mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*

Những trạng-thái bất-thường trong xã-hội, đều «bị» đem-ra chế-diệu, cười cợt:

*Bà già đã tám mươi tư,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư kén chồng.*

Và:
*Ví dầu chồng thấp, vợ cao
Qua sông nước lớn công tao
bố mầy.*

Đó là chế-nhạo những cặp vợ-chồng không «xứng-đôi-vừa-lứa» đến như cười-chê những cô-gái «vô» phải-chồng-hèn, thì:

*Tiếc con gái khờn lấy
thằng chồng dại,
Tiếc ông hoa lại, cặm bắt
cút trâu.*

hay là:
*Lấy chồng say như trong
chạy, ngoài bội,
Ngó vô trong nhà như hội Tàn-
vương.*

hoặc:
*Lòy chồng ghềnh như ông
tiên nho nhỏ,*

*Ngó vô trong nhà đèn đỏ lơ
sao.*

Điều-nên-chú-ý là trong ngôn-ngữ ta, có rất nhiều danh-từ trào-lộng, châm-biếm, như người-sợ-vợ được gọi là «thờ bà» dân-bà ghen là «*Sư-tử Hà-đông*», người hay gheo-gái là người có «*máu 35*», người hà-tiện là «*Ngô-Công-rít-chúa*» v.v... Ngoài ra còn có vô-số câu ca-dao, câu hát, câu hò, mang một tánh-chất trào-lộng.

Ông TÚ-XƯƠNG đã phải vận-dụng đến tài-trào-phúng, khi thấy người ta đua nhau mặc-mới, trong ngày Tết:

«*Khăn là bác nọ to tẩy rế,
Váy lĩnh cô kia quét sạch hê.*»

và:
«*Chí cha, chí chết đua giày
dép.*»

«*Đen thúi, đen thui cũng
lượt là.*»

Ông-lại-này-ra cái óc «đầu-cơ-thương-mãi» khi nghe người ta chúc-nhau ngày Tết:

«*Phen này ông quyết đi buôn
cốt.*»

«*Thiên hạ nhieu bao đũa
giả trâu.*»

và:
«*Phen này ông quyết đi
buôn lộng.*»

Vừa chữ, vừa rao cũng đắt hàng.»

Nghĩ đến thói đời đen bạc, hay xu-phụ kẻ sang giàu, cụ NGUYỄN-KHUYẾN đã viết mấy câu cay đắng:

« Thót có tanh tao, ruồi đồ đến,

« Gan không mật mỡ, kiến bò chi ?

Nhút là cô HỒ - XUÂN - HUƠNG, thường hay châm-chọc người đời bằng những vần thơ bất hủ. Cô vẽ đúng cái cảnh « lê mọn » vì chính cô cũng là người ở vào hoàn cảnh này :

« Cổ ấm ăn xối, xối lại hồng.

« Cầm bằng làm mướn, mướn không công... »

Đến như con gái « không chồng mà chữa », cô HỒ cũng chẳng buông tha cho :

« Duyên thiên chưa thấy nhỏ đầu dọc,

« Phận liễu đã đành này nét ngang.

« Những kẻ không chồng, chưa một neoan.

Câu sau này là do câu ca dao, biếm nhẽ người con gái « chữa hoang » :

« Không chồng mà chữa một ngoan.

« Có chồng mà chữa, thế gian sự thường. »

Một nhà văn có tiếng về môn hài hước trong Nam, ông HỌC-LẠC, đã phải mượn các đầu đề như *Vịnh con trâu*.

Vịnh ông làng hát bội, đề ngao báng mấy ông hương-chức ngu dốt mà hống-hách thời xưa :

« Trong bụng lem-nhem ba lá sách,

« Ngoài hàm lém - đém một chòm râu.

và ;
« Trong bụng trống trơn, mang cò-giữa (áo)

« Trên đầu trọc-lóc, bịch khăn ngang... »

Thật là một lối văn tả-chân siêu - thực đúng nguyên - vẹn đến trăm phần trăm.

Những quan-lại « sâu dân một nước » cũng bị các ông tồ hoạt-kê lôi ra làm bia để chế diễu, nê đùa.

Nhân ngày lễ thất-tuần hạ thọ của HOÀNG-THÁI-HẬU triều NGUYỄN, một ông quan địa-phương bắt-buộc dân chúng phải đóng góp đề đi lễ, nhưng ông đã khôn-ngoaan dứt tui hết một phần. Một nhà văn « vô danh » đã làm đôi câu đối, đến nay còn truyền tụng :

« Tuổi thọ bảy mươi mừng mẹ nước.

« Tuổi tham chục một chết cha dân. »

Tại tỉnh Ninh-Bình (Bắc-Việt) có núi Dục-Thúy là một thắng cảnh nổi tiếng. Một ông tổng-đốc đến trấn nhậm tỉnh này có tật sính làm thơ và hay ăn của lột. Ông ta cho đục mấy vần thơ và luôn cả hai bàn chân mình vào đá, trên núi Dục-Thúy. Một thi-sĩ « vô danh » khác đã tặng ông mấy vần thơ, mà đến nay còn nhiều người nhắc nhở, cho là một giai-thoại văn-chương :

« Năm trước ông toan đục mấy vần,

« Năm nay lại đục cả hai chân.

« Khen cho đá cũng bền gan nhĩ.

« Đứng mãi cho ông đục lăm lăm. »

Cái khéo là ở chỗ tác-giả xử-dụng danh-từ « đục » để ám-chỉ tài « đục khoét » nhân dân, của ông quan kia.

Nói đến tài « khinh nhân ngao vật », ta không thể bỏ quên ông CAO-BÁ-QUÁT, một tài hoa lỗi-lạc thời xưa. Lúc ấy, ở đê-dô có các tay văn-hào thi-bá lừng danh như TÙNG - THIỆN-VƯƠNG, TUY-LÝ-VƯƠNG, đến đôi vua Tự -

Đức phải khen tặng : « Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường. »

(thơ của Tùng, Tuy hơn cả thơ Thịnh - Đường). Họ họp nhau lại thành « thi-xã » để ngâm thi vịnh phú. Có người đọc mấy bài thơ xướng-họa của các ông trong « thi-xã » cho ông Cao-bá-Quát nghe. Nghe xong, ông Cao lật-đật bịt mũi mà đọc rằng : « Ngán cho cái mũi vô duyên,

« Cấu thơ thi-xã, con thuyền Nghệ-An. »

Ai cũng biết thuyền Nghệ-An chơ nước mằm, xông ra một mùi hôi thúi khó thở. Thế mà ông Quát lại đem so-sánh với câu thơ « thi-xã », chua-chát đến thế là cùng. Khi được bỏ làm Huấn-đạo ở một tỉnh miền thượng-du, ông Quát có làm đôi câu đối dán trường học :

« Nhà dột một hạt gian, một thầy, một cô, một chó cái.

« Học trò năm bảy đứa, nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi. »

Tuy ông tả đúng tình cảnh của ông lúc bấy giờ, nhưng cũng không lột bỏ được tánh cách trào-phúng, ngạo-mạn, hàm súc trong đôi câu đối ấy.

Gần đây, trong mùa chinh-chiến vừa qua, kinh thành

Huế đã trải qua một cuộc tang-thương, cũng như hầu hết các đô-thị trong nước. Một nhà văn, nhân ghé qua Huế, tức cảnh bằng hai câu thơ sau đây, vừa "tả chân" vừa dí-dỏm khiến ai đọc đến cũng bất phỉ cười: "Nút Ngự không cây, chìm ngủ đất,

"Sông Hương vắng khách, dĩ kêu trời."

Ở Hà-nội mấy mươi năm về trước, còn ai không nghe tên tuổi cô tư Hồng, tay trắng làm nên sự-nghiệp hàng trăm vạn bạc. Khi đã giàu sang, cô bèn vận-dộng mua hàm cửu phẩm cho cha ruột mình, để hãnh-dện cùng làng nước. Khi mở tiệc ăn-khao, có vô số thân bằng quyến thuộc đến lễ mừng. Một ông đại-khoa đã đi hạ cha con cô Hồng bằng đôi câu đối như sau:

"Cửu phẩm sắc phong hàm cụ lớn.

"Trăm năm danh giá của bà to."

Cha con nhà ấy trịnh trọng đem treo câu đối này vào một chỗ tốt nhất trong nhà lấy làm vinh dự vì được một nhà khoa-bảng đại danh đề tặng. Họ có biết đâu rằng: ông ấy đã "xỏ ngọt" nhà mình, một "vố" hết sức sâu-sắc, chua cay, bằng văn - chương, chữ nghĩa. Thật vậy, mấy chữ "hàm cụ lớn"

"của bà to", hàm súc một nghĩa mỉa-mai thâm-độc vì chữ "hàm" ở đây phải hiểu theo nghĩa đen của nó và chữ "của" ở đây lại có một nghĩa thô-tục vô cùng. Sau đây là một chuyện dùng chữ rất tài tình nữa:

Một anh học trò khó vào nhà một quan-viên sang trọng, đề xin tiền. Ông này ra câu đối, bắt anh học trò đối được mới cho tiền. Câu ra như vậy:

"Miệng kẻ sang, có gang, có thép."

Không cần nghĩ ngợi, anh học trò đã đối lại là:

"Đồ nhà khó, vừa nhẹ, vừa thóm."

Cũng như câu chuyện trên kia, đây là một lối "chơi chữ" rất tinh-vi và tế-nhị. Chữ "đồ" ở đây có một nghĩa rất thô-tục (theo một danh - từ thông-dụng ở Bắc) và cố-nhiên anh học trò khó đã chơi xỏ, bằng cách đem "cái ấy" ra đối với "miệng kẻ sang".

CÔNG - QUỲNH cũng đã từng nghịch - ngợm, ranh mãnh với câu:

"Lại đứng đầu bờ xin xỏ chi."

"Chị nở lòng nào chị chẳng cho."

Cố-nhiên ông đã bắt người

đọc hiểu chữ "xin xỏ" ra một nghĩa khác hơn nghĩa thật của nó.

Người Tàu — ông thầy văn hóa của ta — cũng không khỏi bị ta cho những bài học đau-đớn. Họ tự-phụ đã từng dõ họ ta với câu:

"Đồng trụ chí kim đài vị lục." (Cột đồng chia ranh giới, đến nay rêu vẫn còn xanh).

Thì đây là câu trả lời:

"Đằng - giang tự cổ huyết đo hồng."

(Sông Bạch-Đằng từ xưa đến nay, máu vẫn còn đỏ).

Bà ĐOÀN THỊ ĐIỀM cũng đã từng cho người Tàu một vố đau điếng khi bà giả làm người hàng nước, bị quân Tàu đến trêu ghẹo. Chúng đã bảo nhau là:

"An nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh."

(Ở nước Nam, một tấc đất không biết bao nhiêu là người cày)

"nghĩa bóng." Bà đáp lại:

"Bắc triều sĩ đại phu, giai do thử đồ xuất."

(Bên Tàu các quan lớn nhỏ, đều do đồ ấy mà ra).

Bà Điềm đã làm cho quân Tàu thấy rõ tài ứng đối mau lẹ và tài châm biếm sâu cay của người mình.

Đề chấm dứt bài này, chúng tôi xin kể thêm một chuyện, xảy ra hồi Lê mạt, Nguyễn sơ, để chứng minh một lần nữa, tánh chất trào lộng, tiếm tàng trong tâm não dân ta. Nguyên khi vua Lê Chiêu Thống thất quốc chạy sang Tàu cầu viện, bầy tôi nhà Lê, người thì tòng vong, khừ quốc, người thì lui về ở ẩn, đều cho trọn nghĩa với vua Lê. Đến khi vua Gia Long thống nhất Nam Bắc, lên ngôi Hoàng đế, bèn xuống chiếu triệu các cựu thần nhà Lê. Lúc ấy có một số người cương quyết từ chối đề giữ vững tiết tháo mình, một số người khác, lục tục kéo ra, thọ trước lộ của tân triều, mong được phong thê, ấm tử. Một danh sĩ đương thời, thuộc phái "bất hợp tác" đã chế diễu mấy nhà "cộng-tác" ấy bằng mấy câu thơ, đau như búa vồ vào đầu:

"Nhất đôi Di, Tề hạ Thú-Dương."

"Cộng ngôn vi khỗ, bất kham thường."

(Một lũ Bá Di, Thúc Tề đồng kéo nhau xuống núi Thú dương, và đồng bảo rằng rau vi đắng quá, ăn không nổi nữa) ở đời có nhiều cách mặt sát, mạ lỵ người ta, những cách "chửi xéo" trên đây, xem ra có phần thích thú và hào-hứng lắm vậy.

M. K.



TÌM NHÀU

Ta thắp đèn xanh trên đất nâu
Nằm im nghe gió khởi cung đầu
Run run mạch đất hài thu dậy
Phấn lạ thơm lòng đáy mắt sâu

Hơi thở phương nào thoang-thoảng quen,
Xôn-xao mây trắng xuống lâm tuyền.
Chờ em hiện đến tìm hương cũ,
Còn vẹn mùa xuân trong cánh xiêm.

Da thịt em về thơm bẻ khơi,
Hồn nghe tỉnh tú rụng toi bời.
Đàn khuya lạc tiếng chìm đêm vắng,
Nhịp thở hai lòng chuyển nhịp môi...

Trời bỗng tung bùng tỉnh tú xanh,
Em xưa xiêm áo vội thay hình.
Âm ba trở gió bùng xao động,
Sờ soạn ta đi lạc thị thành.

TRƯƠNG-NGUYỆT
(Huế)

TRUYỆN NGẮN

QUỐC

TẾ

NGỌN

ĐÈN XU'A

HOÀNG-TRÚC-LY

lược dịch

TÔI trở về đây, nơi quê cũ đã mười tám năm xa cách, theo ánh nắng mờ dần một buổi chiều. Cảnh vật bên đường bắt đầu ẩn mình trước mắt tôi, như trốn tránh người bạn cũ cách mặt lâu năm. Dù sao, những bộ mặt đổi thay ấy, đối với tôi vẫn còn quen thuộc. Tôi đã quen như quen biết với chính mình. Ôi những con đường rộng... ngôi nhà cao lớn... Con sư tử đá mà ngày nào chúng tôi vẫn thường làm ngựa cỡi nay đã đi biệt vào khu rừng hoang nào rồi. Nhưng bên trong cánh cửa, bốn chữ đại tự, ngụ ý cầu chúc «con cháu bình yên và nên danh phận» vẫn còn đó, cả màu

sắc chưa phai qua mưa gió cuộc đời...

Người gác cửa nhìn tôi bằng đôi mắt hoài nghi. Hẳn không hiểu lòng tôi, hẳn cũng không nhận ra đứa trẻ mười tám năm về trước.

Màn đêm đã về. Trong cái hoang lạnh giữa lòng đô thị, tôi chợt thấy một ngọn đèn — vàng, một ngọn đèn — như có ai thắp lên từ hoang đảo xa xôi nào... Phải chăng đây ánh đèn của nàng Ái Kha: những đêm mong chờ bên cửa sổ, nàng thắp đèn lên để soi đường cho mấy người thân từ phương

xa trở về. Ngày chờ mãi, chờ mãi đến chết. Bao nhiêu thất vọng đã theo nàng về đây huyết.

Mười tám năm xưa... Một sớm mai, khi tôi già biệt đô thị này, con đường này, tôi cũng có một người chị, và tôi cũng hẹn ngày về thăm sẽ kể chị nghe những chuyện xa lạ bên xứ người. Bấy giờ chị tôi vừa đi lấy chồng. Chị đã yêu một chàng trai hiền hậu. Chúng tôi đều hy vọng chị sẽ gặp hạnh phúc bên người chồng mới.

Nhưng cái an bài của loài người cuối cùng vẫn bị những «bất ngờ» làm tiêu tan mất. Có nhiên chỉ là chuyện bất ngờ, nhưng cái «bất ngờ» ấy tàn nhẫn làm sao!

Tôi xa nhà mới hơn một năm đã nhận thư báo tang người chị. Qua ngòi bút, anh tôi đã khóc ròng, kể cho tôi nghe cái chết bi thảm của một thiếu phụ hiền lành. Từ đó, người anh rể của tôi đổi hẳn tính nết, nghiện cả thuốc phiện, lê kiếp sống bên chuôi ngày vô dụng.

Khi chị tôi còn sống, tôi chưa một lần tỏ ra âu yếm cho người vừa lòng. Chị sống trong cô đơn, rồi cũng chết trong cô đơn.

Hơn mười tám năm lưu lạc, tôi không hề kể chuyện chị Á Kha cho một người nào. Tôi chỉ nhớ đến chị, khi muông tượng thấy ngọn đèn xưa trong những giấc chiêm bao. Ngọn đèn như réo gọi tôi. Tôi muốn bay bổng đến nơi ấy lập tức. Nhưng đường về sao quá xa xôi, tôi lại không mọc cánh, chỉ biết nhìn ánh đèn mà tuyệt vọng...

Nhưng rồi một ngày kia, tôi đã trở về. Cảnh vật vẫn như xưa, vẫn không có gì thay đổi... Phải chăng hơn mười tám năm nay, tôi đã lãng phí cuộc sống rồi ư? Phải chăng hơn mười tám năm nay, con người tôi chỉ thay đổi tên họ và cách ăn mặc thôi ư? Tôi tự hỏi như vậy, và lòng bỗng dậy đau xót. Tôi xoa

tay xoa đầu ý nghĩ, chứ không dám trả lời.

...Ngày tôi về vào một sáng mùa xuân. Vẫn những người thuở trước đưa tôi vào ngôi nhà xưa kia... Cũng như dạo trước, tôi không thấy hình dáng chị Á Kha hiền lành. Khi ra đi, tôi không chờ đợi chị, ngày về, tôi không tìm thấy nắm mồ chị ở đâu!...

Tôi hân hoan trở về, rồi buồn bã bước đi. Khi xe rời bến, lòng tôi mang mang lưu luyến vô cùng... Nhưng hơi gió hiền hòa buổi sáng, cát bụi mù mịt dọc đường, tiếng chuyển động không ngừng của bốn bánh xe, vùng hoa cải nở vàng trong nội cỏ, tất cả như che kín nỗi chua xót trong tôi. Tôi ngoài đầu ra xe, hít lấy không khí tươi đẹp của đất trời...

Bỗng nhiên, tôi nhìn thấy tia sáng rực lên trong những luống cải vàng. Chính là ánh sáng từ lâu tôi vẫn thấy.

Ánh sáng này chưa hẳn là ánh sáng ngọn đèn xưa của Á Kha, vì nàng giờ đây không còn nữa. Đây chắc là ánh sáng trong lòng tôi, từ bao giờ vẫn ở mãi trong tôi, để soi sáng giùm tôi một ngã đường...

(Phỏng theo tạp-văn của BA-KIM)

HỒI KÝ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

★ THIẾU-SƠN

CHƯƠNG IX

TÌM HIỂU NGƯỜI XƯA VÀ TRỞ VỀ NGUỒN CỘI

(Tiếp theo P. T. số 16)

TRONG khi văn nghệ ở-ạt này nở ở ngoài Bắc thì trong Nam đã có sự hưởng-ứng dề dặt, nhưng với những cảm tình nồng thắm biết bao nhiều!

Những báo Phong-Hóa, Ngày Nay, Tiểu thuyết thứ bảy, Tao Đàn, Tri Tân, Thanh Nghị và những sách của các nhà xuất bản Đời Nay, Tân Dân, Đời Mới, Nam Ký, Cộng Lực, Mai-Linh... được tiêu thụ rất nhiều ở miền Nam.

Làng báo lần lần vắng bóng những bậc đàn anh thì đã có lớp đàn em mọc lên xen kẽ với những

cây viết của lớp trước như Văn-Trình, Văn-Hoàn, Viên-Hoành, Nam-Đình, Chí-Thành, Bút-Trà, Hồng-Tiêu, v.v...

Nhưng đặc biệt nhất là có những nhóm người rải rác ở khắp nơi qui tụ lại với nhau để nghiên cứu học thuật, thảo luận văn chương, dịch sách xưa và làm thơ mới. Những nhóm này cũng có nhóm hợp tác với các hội Khuyển-Học địa-phương lúc này đã tỏ ra hoạt động.

Ở Saigon Hội Khuyển-Học được giao cho ông Đoàn-quan-Tấn, một ông cử nhưn Tây không khinh tiếng mẹ đẻ. Hợp tác với ông có nhiều nhà tây học

cùng chung một hoài bão với ông cũng hăng say và kiên trì như ông.

Đặc biệt nhất là nhóm Thọ-Xuân Khuông Việt, Ngọc Xuyên, Miến Trai... những người sống với người sống mà ư là bạn với hồn ma. Tôi muốn nói các anh đã bỏ rất nhiều công phu để nghiên cứu sách xưa, tìm kiếm những ngôi mộ, chép mộ bia và đọc gia-phả của những danh-nhân đã khuất-bóng để làm sống lại những người đã có công xây - dựng văn - hiến ở Miền Nam như Nguyễn-Thông, Võ-trường-Toản, Phan-thanh-Giản, Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Định, Ngô-nhân-Tĩnh, v. v... Lâu lâu có những nhân viên trường Bác-Cồ Hà Nội, những nhà học-giả ở Bắc, ở Trung vào như những ông Đào-duy-Anh, Trần - văn - Giáp, là để gặp các bạn ở nhóm này, để trao-đổi tài-liệu và cũng là đặt đường liên-lạc cho những người không chịu bỏ gốc, quên nguồn, những người đã tìm được những tổ-tiên chung để thờ-phượng mặc dầu đã bị thực-dân chia rẽ thành 2 chế-độ thuộc-địa và bảo-hộ khác nhau. Nhóm này thường là những người cộng-sự của tạp-chí Tri-Tân ở Miền Nam.

Tôi quen anh Thọ-Xuân từ ngày anh còn dạy học tại trường Hương-Điền ở Bến Tre là quê-hương của anh.

Trong thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng anh đã hạn-chế sự chi-tiêu, trong nhà, nhìn-nhúc gói quâ Pháp đỡ-dần cho người em, đương học y-khoa.

Người em đó là Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn, sau khi thành-tài về nước cũng noi gương anh mà trau-dồi quốc-ngữ.

Hồi Bác-sĩ mở phòng coi mạch ở Càn-thơ chính ông đã đảm-nhiệm chức hội - trưởng Hội Khuyến-Học ở tỉnh này và cùng một số trí-thức thành-lập Nhóm Tây-Đô trong đó có giáo-sư Nguyễn-văn-Kiệt tự là Tây-Đô Cát-sĩ, có anh Tố-hong nay là thi-sĩ Thuần-Phong, có anh Tam-Đức nay đã trở thành một ký-giả chuyên-nghiep. Chính Bác-sĩ Ngôn với bút-hiệu Bảo-Hương cũng đã viết được nhiều sách có giá - trị về y - khoa bằng tiếng mẹ đẻ.

Anh Thọ - Xuân hiện nay đã thôi hẳn nghề thầy giáo, lên Saigon mở được một trường Trung-Học tư-thực. Anh không còn ngày giờ để tìm dấu người xưa nhưng anh vẫn hăng-hái lo tròn nhiệm-vụ đối với thanh-niên của thế-hệ hiện-tại.

Anh Khuông-Việt xuất - thân là một tham-tá ngạch kế - toán hành - chánh. Có lẽ do tình bạn mà anh gia-nhập làng văn. Anh có lối làm việc ngăn - nắp kỷ-lưỡng và cũng có lối chơi phóng-túg hào-hoa. Do anh em đốc-thúc và cũng có sự hợp - tác của anh em, anh đã viết cuốn « Tôn-thọ-Tường » nói được nỗi lòng của những người coi đình-chung nặng hơn tiết-tháo, nhưng tâm-hồn còn chưa dứt hết băn-khoăn. Ấu cũng là tâm-sự của anh, của tôi, của một số đông người làm việc cho Pháp mà vẫn biết thương yêu và kính-trọng những kẻ có tiết-tháo hơn mình. Sau này anh Khuông-Việt còn hoạt-động với tôi trong đảng Xã-Hội Pháp và còn ở chung với tôi ít lâu trong Đề-Lao Gia-định. Tôi sẽ còn dịp nhắc tới anh.

Cũng thời kỳ này tôi được đọc sách của ông Phan-văn-Hùm, những loại sách về văn-chương và học-thuật như « Nỗi lòng Đồ-Chiêu », « Vương-dương-Minh », « Luận-tùng », v. v...

Từ lâu tôi đã nghe danh ông, Ông với ông Nguyễn-an-Ninh, hai tên gắn liền với nhau, cặp-kề với nhau như hình với bóng. Ông

Ninh bị thực-dân theo dõi thì ông cũng bị theo dõi. Người ta tính bắt ông Ninh rồi người ta bắt ông và vu cho ông tội đánh lính ở Bến-Lức. Bắt được ông rồi người ta kiếm có bắt ông Ninh luôn. Hai ông ở tù chung với nhau ở Khám lớn Saigon. Ở khám ra ông viết Cuốn « Ngồi tù khám lớn », một cuốn sách hay nhất trong những sách nói về chuyện ở tù.

Rồi ông qua Pháp học thêm. Ông học chữ nho với thầy Pháp và học triết-lý ở Ba-Lê. Về nước ông lại làm chánh-trị và lại ở tù. Những ngày không ở tù và không làm chánh - trị thì ông nghiên-cứu sách-vở và viết-văn.

Tôi chỉ thân với ông là ở những năm ông bị an-trị tại Tân-Uyên (Biên-hòa). Ở đây ông chủ-quận là một bạn văn-chương tri-kỷ của ông. Ông chủ quận là ông phủ Nguyễn - văn - Quý tự Thân-Văn, một ông quan biết tôn-hiền, trọng-sĩ và cũng thính-thoảng có bài gởi đăng các tuần-báo văn chương. Viên chủ tỉnh Biên-hòa, dĩ nhiên là người Pháp, hồi đó cũng có biệt nhỡn đối với ông Hùm nên đời ông ở Tân-Uyên cũng tương đối thông thả và dễ chịu. Lâu lâu ông khai sừng ruết hay nhúc răng và xin

về điều trị ở Saigon thì chủ quân và chủ tỉnh liền sẵn sàng cho phép. Ngày giờ ông ở bên bác-sĩ ít hơn ngày giờ ông ở bên vợ con ông ở Gia-định, gần nhà tôi. Vợ ông là nữ sĩ Huỳnh-Hoa.

Vì thế mà lần nào ông về là chúng tôi đều có gặp. Và những ngày đó chúng tôi sung sướng như bây em được anh cả về thăm cho quà bánh ăn không muốn hết.

Hoặc ở nhà Miến-Trai, hoặc ở nhà Trúc Chi, chúng tôi bao vây anh để nghe anh nói chuyện, nhờ anh giải đáp cho những thắc mắc về tư tưởng hay thời cuộc hoặc khai thông cho biết về những học thuyết nọ kia. Những cuộc họp bạn như thế nhiều khi kéo dài tới khuya mà khi chia tay lòng còn thấy thèm thèm chưa đã. Thật vậy anh Phan-văn-Hùm quả là người quảng kiến, đa văn lại thêm thái độ mềm mỏng khiêm cung, dễ thương đáo dề. Anh tỏ ra rất rộng rãi khi phê bình cô nhân và khoan hồng với các bạn. Chúng tôi thường nói với nhau : « Anh Hùm đã lời chánh trị mà trở về với văn hóa. »

Tôi còn giữ được nhiều kỷ niệm về anh.

Một hôm chúng tôi hùn nhau làm một bữa cơm đãi anh. Tôi lãnh nhiệm vụ đi mời và

nói với anh : « Chiều nay vào giờ X xin mời anh đến uống rượu với chúng tôi. » Anh vui vẻ nhận lời. Nhưng khi nhập tiệc, anh chỉ uống mà không ăn. Chúng tôi hỏi anh sao không ăn thì anh đáp : « Vì anh Thiếu mời tôi tới uống rượu chứ không nói cho ăn nên tôi đã làm một bụng ở nhà rồi. »

Anh không khách sáo. Anh rất thật-tình. Nhưng thật-tình như đếm phải chăng là cái thật-tình của nhà học-giả họ Phan ?

Một lần nữa, sau một cuộc họp bạn hơi khuya, tôi đưa anh về nhà. Đi qua một trại lính Nhứt-bồn, nghe tiếng lên cò và thấy người lính Nhứt chia súng về phía chúng tôi mà hô chát-chúa. Tôi đứng lại. Anh thụt-lùi núp vào một gốc cây, gọn-gàng và lẹ-làng như chớp. Sau lúc đó, anh nói : « Tôi tập tánh kỷ-lương đã quen. Không nên hững hờ cái chết vô lối. Chết mà vô ích sống còn hơn. »

Sau hồi Nhứt đảo - chánh Pháp, anh thoát khỏi vòng lưu-trú cưỡng-bách ở Tân-Uyên. Anh có thuật cho tôi nghe câu chuyện giữa anh với viên Đại-sứ Nhứt lên tận Tân-Uyên mời anh ra họp tác. Anh hỏi viên đại-sứ : « Tôi muốn biết cái chủ tâm người Nhứt

trong công-việc hạ người Pháp ở Đông-Dương. » Viên đại - sứ tránh không trả-lời câu đó và đã nói với anh đại-khái như sau : « Những người như ông không hề bàng - quan trong lúc này. Hãy xếp đặt chuyện nhà của các ông cho gọn-gàng trật-tự. Bất-kể nước nào sẽ tới đây mà thấy các ông đảng-hoàng cũng phải kính-trọng các ông. »

Anh Hùm cảm ơn và từ-chối khéo bằng một câu nguyên-văn tiếng Pháp như sau : « Je me réserve pour l'avenir ». (Tôi xin lưu tôi lại cho tương-lai).

Nhưng than ôi ! trong một tương lai rất gần, bọn Việt Cộng đã hạ sát ông đề Tồ quốc mất một người con ưu tú, để tôi mất một bậc đàn anh thân mến mà hể nhắc tới là thấy chua xót trong lòng.



Tôi quen anh Trúc-Chi từ khi anh chưa là Trúc Chi, nghĩa là từ khi anh chưa viết văn, chưa thích văn và chưa thèm đọc sách quốc văn. Anh thích đọc sách Pháp, nói tiếng Pháp, viết chữ Pháp và sống theo lối của người Pháp nhiều hơn. Anh làm Giám Đốc một Ngân Hàng Tín Dụng nông nghiệp khi ở Mỹ tho, khi ở Bentre. Về Saigon anh được

sở mượn cho một biệt thự khá phong quang ở Gia-định. Khi anh quen chúng tôi rồi anh thấy có hứng thú đọc sách quốc văn và viết văn quốc ngữ. Anh viết thao thao bất tuyệt rồi gởi nhờ tôi sửa chữa. Tôi đã làm việc đó không hứng thú vì anh phong phú cho tới dài giòng, dài-dào tới mức lộn-xộn nên tôi phần nhiều phải chặt bớt, khâu ngắn hơn là sửa văn. Lúc đó anh giận tôi lắm nhưng rồi sau anh cũng thương lại tôi. Anh nhiều tự ái, hay giận hờn nhưng biết phục-thiện và nhẫn-nại vô-cùng. Có lần anh nói với tôi : « Tôi xuất-thân làm một tên cu-li. » Mà anh đã nói thật. Anh phải bỏ ghế nhà trường rất sớm để đi kiếm ăn nên tất cả cái gì anh sở đắc được đều do công-phu tự-học. Anh tự-học mà có được một trình-độ Pháp học khá cao, tự-học mà biết rành về khoa kinh-tế, tự-học mà thành nên một nhà văn bằng tiếng mẹ đẻ, tác-giả nhiều bộ sách nói về kinh-tế, xã-hội, văn-học và triết-học nữa. Chỉ tiếc rằng sự-nghiệp của anh có phần thiếu sâu-rộng và không biểu-lộ được một sắc-thái đặc biệt của anh.

Anh tham - gia kháng-chiến ngay từ lúc đầu và cũng bị bắt ngay từ buổi đầu. Thực-dân đã tra tấn

anh cho thành bệnh. Bình-phục rồi anh lại tiếp tục làm ăn " lương thiện " ở Saigon và thỉnh-thoảng vẫn có bài đăng báo và có sách xuất-bản.

Nào ngờ những vết thương cũ chưa thật lành và tới khi tái-phát lại biến-chứng thành bệnh ung-thư phá-hoại cơ-thể của anh. Thế rồi anh chết, chết vào tuổi 51, một năm trước ngày tôi thoát vòng lao-lý. Tôi là bạn đồng-niên của anh, nhưng may-mắn hơn anh nên mới còn viết được những hàng này để nhắc-nhớ tới anh.

Tôi còn người bạn thân nữa là anh Vita nay đã ra người thiên cổ. Anh tên thật là Vi. Anh có người bạn lòng sau thành bạn đời của anh. Anh ghép tên anh vào tên vợ và thành tên Vita bút hiệu của anh. Anh đã từng du-học bên Pháp, say mê những nhà văn lãng mạn Pháp và say mê luôn những mối tình lãng mạn của họ. Bởi anh cũng vương-vít một mối tình và muốn ca ngợi mối tình đó bằng ngọn bút đa tình của anh. Nhưng anh thuộc vào loại những người ít được hiểu biết và cũng thiếu nhiều yếu tố để thành công. Anh lại là con người đa bệnh mà vợ anh cũng bệnh não liên miên. Mỗi lần gặp

anh là mỗi lần phải nghe anh than thở. Nhưng than thở mà vẫn phần dẫu để làm việc đặng nuôi con và nuôi hai cuộc đời bệnh hoạn. Anh là giáo sư tư thực và tôi đã thấy anh trùu mền để sửa bài cho học trò, vừa sửa vừa rên hừ hừ.

Con người như vậy mà chẳng chịu sống riêng cho mình. Trong những ngày tôi kháng chiến xa nhà, anh là một trong những người chăm sóc cho lũ con tôi nhiều nhứt. Anh đã bắt chúng nó ra học với anh để đỡ tiền học-phí và cũng là để xây-xựng phần hồn cho mấy cháu của anh. Con anh và mấy đứa con tôi được anh đào-luyện sẽ là những đứa con tinh-thần của anh nếu sự-nghiệp văn-chương của anh không bị chìm-dắm trong sự lãng quên của người đời. Chính những đứa con tinh-thần này mới nói ra được tất cả những cái gì cao-quí nhứt trong đời anh. Anh đã dịch bài "Le Lac" của Lamartine. Hình như anh đặc-ý nhứt về mấy câu này :

Một chiều nọ trên gương hồ phẳng,
Hồ nhớ chẳng ? Thuyền lẳng lặng trôi.

Xa xa, mặt nước, bầu trời,
Chỉ nghe rơi mái chèo... rơi nhịp nhàng.

Nhưng cũng trong bài "Cái Hồ" anh còn dịch những câu :
*Hãy dừng lại, giờ hên, phút tốt,
Khoan trôi đi ! đừng cắt cánh bay !*

Không biết trong đời anh có bao nhiêu giờ hên, phút tốt, nhưng ngay trong những giờ không hên, phút không tốt, anh vẫn tha-thiết với sự sống của anh vì có bao giờ anh muốn xa vợ, xa con, có bao giờ anh không

trông đợi được gặp lại những người bạn mà anh đã thương-yêu với một mối chân-tình ? Trong những người bạn đó có tôi. Tôi đã vắng mặt trong giờ phút lâm-chung của anh. Nhưng trước khi viết những hàng này tôi đã thấp nhang khấn vái trước bàn thờ của anh, coi lại hình anh mà không cảm được giọt lệ.

Anh chết năm 1956, tuổi chưa đầy 50.

(còn nữa)

* RAO VẶT.

Một tờ báo nọ có đăng mấy câu rao vặt sau đây của một người đã đánh rơi mất một hàm răng giả : " Ôi ơi mất một hàm ăn ả. Ai bắt được, em ại à ôi, in ậu ả ".

Hai hôm sau, có một người bắt được một hàm răng giả, nhưng muốn nhả ai có mất đến nhà ông mà lấy, nên ông cũng đăng trên tờ báo nọ mấy câu sau đây :

" Ôi bắt được một hàm ăn ả. Ai mất ỉ ới à ôi mà ấy ".

Độc giả tờ báo kia được hai trận cười vỡ bụng !

BA-TÈO

* QUẢNG-CÁO.

Trước cửa một tiệm bán đồ cũ ở ngoại-ô Saigon, tôi có thấy một tấm bảng quảng-cáo sau đây :

" Chúng tôi mua những đồ cũ. Chúng tôi bán những đồ không mới "

BA-BÚA

Một hòn đảo bé nhỏ

✱ PRITCHETT

TRONG kịch Richard đệ Nhị nhà văn hào Shakespeare tả Anh quốc một cách dẫn dụ là « một hòn đảo bé nhỏ ». Mà đúng vậy, Anh-quốc là một hòn đảo bé nhỏ, bé đến nỗi có lẽ dân Anh

Sau bài « Văn-chương Thái-lan » của bà Giáo-sư Kasem Siburuang, ở Đại học đương Chulalongkors, hôm nay chúng tôi xin đăng-tải bài « Một hòn đảo bé nhỏ » của ông V. S. PRITCHETT, một ký giả Anh, cộng-sự viên tạp-chí « Holiday » ở Luân-đôn. Do tòa Đại-sứ Anh vừa có nhũ-ý gởi đến chúng tôi.

Lần lượt, PHỒ-THÔNG Tạp-chí sẽ đăng các bài của các Văn - hữu các Nước bạn : Ấn-độ, Nhật-bồn, Úc, Ý, Pháp, Nam-dương, Đức, Mỹ, Phi-lật-tân, v. v... Về các đề-tài Văn-hóa, cũng như các bài trong PHỒ-THÔNG được dịch đăng trong các tạp-chí Văn-hóa Quốc-tế.

N. V.

phải lo sợ toàn thể nước họ có thể bị tiêu tan nếu bị tấn công bằng bom khinh khí.

Hòn đảo ấy bé nhỏ như là một món đồ chơi với hàng triệu ngôi nhà xinh xắn, có những đám rừng xanh nhỏ bé, những con sông nhỏ, những tỉnh thành làng mạc nhỏ, cả đến những núi cũng không có hòn nào cao hơn 1.000 thước. Trên đảo có những xe hơi nhỏ chạy trên những con đường hẹp quanh co.

Hòn đảo dài không đầy 1.000 cây số ; bề ngang chỗ rộng nhất không được 500 cây số, mà cách đây mới 50 năm là nước hùng cường, thịnh vượng nhất thế giới.

Đất đai thì hẹp mà dân số thì đông, dân Anh phải sống chen chúc gần nhau nên thường họ muốn có một đời sống cá nhân riêng biệt, và không thích làm quen với kẻ lạ. Trước khi bước chân tới đất Anh các du khách nên thông cảm điều đó.

Sau khi CHRISTOPHE COLOMB khám phá ra Mỹ Châu, nước Anh đứng vào trung tâm các mối giao thông giữa tân và

cựu thế giới, và trở nên một nước thịnh vượng về thương mại. Người Anh là một dân tộc rất ái quốc và đoàn kết chặt chẽ vì trong lịch sử từ xưa đến nay họ luôn luôn sợ bị xâm chiếm. Trong 400 năm qua họ lo sợ hàng ngày vì bị những nhà độc tài như PHILIPPE đệ II, nước I-Pha-Nho, Vua LOUIS đệ XIV, và Hoàng đế NÃ-PHA-LUÂN đệ I, và gần đây có HITLER làm họ lo sợ bị xâm chiếm nên họ có tính háo chiến và hay tấn công lên lục địa để phòng ngừa khỏi bị địch quân đổ bộ lên đảo của họ. Không trằn lên lục địa Âu Châu được, họ mới hướng sang Mỹ Châu. Và trong thời bình người dân Anh cũng cảm thấy thịnh thoảng phải rời khỏi hòn đảo bé nhỏ của họ. Một người bồi bàn thường cũng một năm một lần ăn mặc thật bảnh bao, xách va-li đi du lịch và nghỉ ngơi ở Monte Carlo hoặc một nơi danh lam thắng cảnh nào ở Âu-Châu. Một đặc điểm khác về nước Anh là không có một nơi nào xa biển quá 130 cây số. Ranh giới của Anh là biển.

Nước Anh có hai miền khác biệt nhau nhiều nhất là miền Bắc và miền Nam, phân chia bởi con sông Trent. Phía bắc là vùng kỹ nghệ nặng. Miền nam là miền có Nữ Hoàng và các cơ quan chính phủ Trung ương. Nữ Hoàng nói giọng của dân miền nam, và những trường đại học có tiếng như Oxford và Cambridge đều ở

miền nam. Dân miền nam nước Anh tình tình hiền hòa, kín đáo, cử chỉ thanh nhã, khôn khéo và coi bộ nghiêm trang hơn người miền Bắc. Nhưng về địa dư và phong cảnh thì có thể chia nước Anh ra hai phần Đông và Tây, phân ranh bởi một đường kẻ từ cửa sông Tweed ở phía Đông bắc chạy tới mồm Lands End ở phía Tây Nam. Miền Tây thì có nhiều núi đồi, còn miền đông thì đồi thấp hơn, có nhiều đồng bằng xanh tươi. Nhưng dù là ở miền nào đi nữa đi du lịch tại Anh thấy quang cảnh thay đổi liên liên, và mỗi một quận có một phong cảnh đặc biệt. Ở phía Nam đi từ Đông sang Tây trước hết gặp Kent ở phía Đông Nam là cái vườn của nước Anh đầy những cây có trái như lê, táo, đào, mơ, mận, v.v... Kế đó tới vùng Surrey là nơi có nhiều người đi làm ở Luân Đôn có biệt thự và vườn đất. Đây là vùng đã gây cảm hứng cho nhà thi sĩ JOHN BETJAMAN viết một bài thơ về những thiếu nữ xinh đẹp có những cánh tay khỏe mạnh vì chơi quần vợt. Kế đó tới vùng Hampshire có những đồi hoang vu rộng bát ngát, những ngôi nhà cổ xưa rất đẹp. Đây là vùng hoang vu lặng lẽ của Nữ-sĩ JANE AUSTEN. Suốt dọc theo các quận Kent, Hampshire, Sussex, Wiltshire và Dorset có một dãy đồi bao phủ bởi đồng cỏ với những đám rừng con xinh xắn. Ra tới bờ biển thì những đồi đá vôi ấy bị sóng biển từ bao nhiêu thế kỷ đánh lở cắt ngang

thành những bức tường trắng cao ngất và đứng dựng như một bức thành trì vĩ đại. Đất ở vùng Somerset thì màu hồng và ở vùng Devon thì nâu xám như sô-cô-la. Đây là mới kể vài quận toàn ở miền nam nước Anh. Mà giọng nói ở mỗi vùng cũng khác nhau. Đi từ miền đông sang miền tây, các bạn để ý sẽ thấy dân chúng đọc chữ I (ai) đổi thành âm (oi), và đặc biệt dân vùng Durham đọc chữ «r» uốn lưỡi. Dân vùng Somerset đọc chữ «cider» (rượu táo) thành «zoider». Trong vùng Devonshire, những cô thiếu nữ bán hàng, da hồng hào như vỏ đào tơ, mắt xanh thắm, má núng đồng tiền, gọi bạn là «dear» và «love» khi bạn vào mua hàng, làm bạn có cảm tưởng như những cô ấy là những người yêu của bạn.

Muốn biết người thường dân Anh, chúng ta hãy vào một quán rượu trong làng. Đây là một quán nhỏ trong vùng Whiltshire, trong một thung lũng có đồng cỏ xanh tốt, nhưng mùa đông hay bị nhiều sương mù. Buổi chiều là lúc dân làng hay tụ họp nhau trong quán để uống rượu bia, hút thuốc và trò chuyện với nhau. Người đầu tiên bước vào quán là một ông già làm nghề lợp mái rơm, một nghề còn rất ít người biết làm. Thời niên thiếu ông đã đi bộ đây đó trong khắp nước Anh làm hết việc này đến việc khác, và đã từng đánh lộn nhau nhiều lần trên các đường lộ. Nay ông già cả, bị vợ

điều khiển và những lúc nhàn rỗi hai vợ chồng hay ngồi xem vô tuyến truyền hình. Nhưng tuy sợ vợ, ông cũng không chịu bỏ cái tật đi ra quán uống một hai ly la-ve vào khoảng từ 5 đến 6 giờ. Kể đó là một người thợ rừng, mảnh mẽ và cao, đẹp trai, có sáu con và tiền bạc sung túc. Rồi đến một người làm vườn trước kia đã ở Nam Mỹ và biết tiếng I-Pha-Nho. Một đội ban cricket mặc quần áo flanel trắng vào giải khát trong lúc nghỉ chơi, mấy người thợ máy garage chơi billards, bốn người tài xế xe vận tải chơi phóng tên, và trong mùa gặt có những người lái máy gặt, thỉnh thoảng ghé vào uống nước. Chủ quán rượu này là một người vùng Cumberland, vợ ông trẻ đẹp và là người nhây đầm giời nhất trong làng. Và đây là cô gái già chưa chồng, thường mặc quần như đàn ông với áo pullover và bao giờ cũng dẫn theo một con chó to lớn.

Bên phòng kế bên có trưng bày bông hoa và có những khách phong lưu hơn. Hai bà nhân viên ty bưu điện ngồi uống bia một cách trịnh trọng và làm lơ giả bộ như không nghe mà cũng không bao giờ để ý đến một viên đại-tá kỵ-mã đang trò chuyện với một viên phi-công bảnh bao. Đây là những nhân vật Anh thường hay gặp, và có thể tượng trưng cho dân tộc Anh.



S UỐT miền nam nước Anh có những thành phố thịnh vượng như Canterbury, Winchester, Salisbury, Wells và Exeter. Những thành phố thường xây chung quanh một ngôi nhà thờ cổ xưa, ở ngoại ô là những khu nhà máy và những dãy nhà mới làm bằng gạch đỏ, gần trung tâm hơn có những công viên xanh tốt lập thời Nữ Hoàng Victoria và những sân cỏ mịn-màng rộng rãi để chơi cricket. Trung tâm các thành phố là những đường phố nhỏ hẹp với những cửa tiệm bé nhỏ trang hoàng với đèn néon và những sắt mạ kền bóng lộn. Những tiệm nước tối tân làm kế bên những tiệm trà lối cổ xưa là nơi mỗi buổi chiều có những bà giới trung lưu đến uống trà ăn bánh. Trên những mái ngói lợp từ thế kỷ thứ XVII có nhiều giây ăng-tên vô-tuyến truyền-hình. Những ngày có phiên chợ trong tỉnh, dân chúng mặc áo mưa đi lại chật đường phố. Đến khoảng 5, 6 giờ chiều các cửa tiệm đóng cửa, hàng ngàn xe máy và những chiếc xe ô-tô-buýt có hai tầng chạy tập nập đưa ai về nhà nấy. Từ 6 giờ đến 9 giờ tối, đường phố ở các tỉnh thành Anh vắng tanh, trông như là những tỉnh thành chết, chỉ có vài thiếu nữ đi khiêu vũ ở phòng khánh tiết của thành phố hoặc vài thanh niên «cao bồi» mặc áo dài lưng thụng, quần ống túm và những lính thủy đi lang thang ngoài đường. Đây là giờ phần đông dân Anh tụ họp trong gia đình, Các đường phố vắng tanh cho

đến 10 giờ 30 là lúc các rạp chớp bóng và các tiệm rượu đóng cửa. Giờ đó các xe ô-tô-buýt lại đông khách, xe hơi, xe máy dầu chạy rầm đường và trước cửa những cửa tiệm khoai rán, cá rán, có đông người đứng xếp hàng đợi mua những gói cá rán và khoai rán vàng giòn, nóng hổi, ăn với hành ngâm dấm.

Sau 11 giờ tối, các bạn muốn ăn hoặc uống gì phải tìm đến những quán nhỏ ở ngoại ô là nơi các tài xế xe vận tải ghé uống chén cà phê hoặc nước trà nóng cho ấm bụng và tĩnh ngữ, trước khi tiếp tục lái xe trên những con đường dài lạnh lẽo. Nhưng quán này trông không được sạch sẽ lắm và thường là chỗ nghỉ chân của giới lao động.

Chúng ta hãy rời các tỉnh thành tiến về phía Tây thăm vùng Devon Cornwall. Ở đây khí hậu ẩm áp hơn nhờ có những giòng nước ấm chảy ở Đại Tây Dương. Càng tiến về phía tây núi non càng hiểm trở hơn. Đường xe hơi nhỏ hẹp chạy quanh co bên những sườn đồi cheo leo nguy hiểm. Bờ biển phía bắc Cornwall có rất nhiều mỏm đá nhọn, những bờ biển cao đứng dựng lên như tường. Đây là mỏm của không biết bao nhiêu tàu bè đã bị gió bão đập vào đá vỡ tan, nay còn thấy những tấm sắt rỉ, những thủy lôi và những mìn cũ trôi rạt vào những hốc đá. Devon Cornwall đều trở nên những nơi du-lich. Devon có đất phì nhiêu hơn với những vườn táo, những vườn hoa rực rỡ. Vùng

Cornwall thì phần lớn là núi đá hoang vu. Nhà cửa trong vùng này làm bằng đá màu xám. Đây là nơi sản xuất ra những thủy thủ và những dân mạo hiểm đã từng đi làm ăn ở các nơi xa xôi như Nam Phi, Nam Mỹ. Dân xứ Cornwall đặc biệt có tính vui vẻ, hay nói đùa nói dờn. Nhưng chúng ta hãy dời vùng Cornwall với phong cảnh núi non vắng vẻ để đi thăm những thành phố kỹ nghệ của nước Anh. Có đến 90 phần trăm dân Anh sống trong các thành thị và có đến 40 phần trăm sống tại những thành phố kỹ nghệ. Nhưng dân Anh thông minh, lanh lợi nhất là những kỹ nghệ gia. Những sinh viên tại Oxford không phải toàn là con những nhà quý phái hoặc giới thượng lưu nhưng phần đông là những thanh niên nghèo nhưng thông minh tự các gia đình thợ thuyền sống tại các vùng ngoại ô những thành phố kỹ nghệ. Họ nghèo nhưng học cao được nhờ có trợ cấp thông minh và được học bổng. Các bạn nên đi thăm vùng các nhà máy ở Midland lúc ban đêm mới thấy dân chúng vùng này làm việc cần mẫn. Buổi tối các lò nấu thép phun khói lửa lên sáng trời. Ban ngày thì khói đen mù mịt. Thợ thuyền làm việc thay phiên nhau, ngày đêm không lúc nào nhà máy nghỉ. Các thành phố chi chít sát nhau, đi chưa hết tỉnh này đã đến ngoại ô tỉnh khác và đâu đâu cũng thấy những ống khói nhà máy. Trung tâm của vùng này

là thành phố Birmingham. Nếu bạn đi xe hơi từ Derby là tỉnh sản xuất ra xe hơi Roll Royce tiến về hướng Manchester và hỏi thăm một người bán xăng về đời sống trong tỉnh này ra sao ; người đó sẽ trả lời « Chán lắm, người ta đến vùng này chỉ để kiếm tiền và làm việc ». Câu đó đủ diễn tả tinh thần chỉ cần mẫn của dân miền bắc. Khí hậu vùng này cũng lạnh lẽo hơn ở miền nam. Mùa đông có khi những đường lộ bị tuyết rơi xuống nhiều quá không đi lại được. Ngoài những khu kỹ nghệ thì đồng không mông quạnh, đồi núi hoang vu. Dân miền bắc chất phác, thẳng thắn hơn dân miền nam nước Anh. Và họ có tinh thần dân chủ hơn. Ở đây bạn không còn được gọi là « Ông », « Bà » như ở miền nam, mà được gọi là « Anh », « Chị ».

Dân vùng này chăm chỉ, trong khi các ông chồng đi làm thì các bà nội trợ làm việc ở nhà không nghỉ tay lâu chúi đánh bóng nhà cửa, không để một góc xô nào có một hạt bụi, và những tay nắm cửa bằng đồng đều sáng bóng. Ở vùng núi Pennine những đồi núi và những cánh đồng hoang tràn lan đến tận bên những thành phố. Đây là vùng có những cánh đồng thạch thảo xanh thắm, đến mùa thu thì nở hoa tím bao phủ hết cả những khoảng rộng bao la đi hàng cây số không thấy một ngôi nhà.

TRÈO qua những dãy núi vùng Westmoreland các bạn sẽ thấy diễn ra trước mắt một trong những phong cảnh ngoạn mục nhất ở nước Anh. Từ trên ngọn núi cao cheo leo nhìn xuống dưới chân những đồi núi quanh hiu thấy những hồ xin xắn, nước trong xanh biếc. Thời tiết vùng này nắng mưa thất thường, nhiều khi trời đang âm u, mưa rơi trút ất, vài phút sau đã quang đãng và ánh sáng mặt trời tươi đẹp, êm dịu lại rơi xuống cảnh núi hồ nên thơ ; chính sự thay đổi mau lẹ ấy càng làm cho người du khách thường thức thấy hết cái đẹp rực rỡ của cảnh núi đồi tuyệt diệu dưới ánh nắng tươi sáng của một bầu trời xanh thắm. Thỉnh thoảng thấy những đàn hươu nai ăn cỏ trên sườn đồi và xuống bờ lội dưới nước hồ trong vắt. Các du khách thường hay đến leo núi và đi bộ để tận hưởng những cảnh thanh tao tĩnh mịch của vùng hồ núi ngoạn mục này. Dân chúng trong vùng có tính tình hiền lành, chất phác và trầm lặng.

Nếu bạn chú ý sẽ thấy ở miền bắc Anh Quốc có nhiều những quán trọ lấy tên là « the lamb » (trừu con), « the fleece » (dông cừu) hoặc « Woolpack » (bó len), v.v... vì nhiều dân miền này chuyên nghề nuôi cừu, và trên những cánh đồng cỏ xanh tốt thấy có những đàn cừu hiền lành làm cảnh đồng quê càng thêm vẻ dịu dàng tĩnh mịch. Tiến về phía đông, bạn đi

tới vùng York và Lincoln rồi đến vùng East Anglia cũng vẫn thấy khắp đồng quê đâu cũng có nuôi cừu để lấy len, là một nguồn lợi lớn của nước Anh trong quá khứ.

Khi dân Anh bắt đầu biết dệt len hồi thế kỷ thứ XIV, vùng này trở nên thịnh vượng và bắt đầu xây dựng những thành phố xinh đẹp sống về kỹ nghệ len.

Trong những buổi chiều mùa hạ, trong khi xe hơi và xe máy dầu chạy ở ngoài đường, khu vườn các tu viện là những nơi tĩnh mịch riêng biệt. Dân trong tỉnh đi bỏ vào xem vườn hồng tuyệt đẹp ở đây, phần đông họ là những người rất sành về bông hoa, biết phân biệt và biết tên của hàng trăm giống loại hoa hồng được trồng tỉa vun xới kỹ lưỡng trong vườn này. Kế bên là một con sông nhỏ có trẻ con xuống bơi lội nô đùa vui vẻ, các thanh niên chơi quần vợt trên những sân gần đó, và trên một bãi cỏ có vài người đứng tuổi chơi « boule ». Những sân cỏ người Anh dành để chơi boule là những kỹ công trong ngành trồng tỉa. Mặt cỏ bằng phẳng mịn màng xanh mượt màu lá chuối non hàng ngày được cắt xén và tưới, những quả « boule » bằng gỗ đen lán trơn tru như trên mặt bàn billard vậy. Quang cảnh thanh nhàn yên tĩnh của khu vườn này, những mùi thơm của hoa cỏ tỏa ra trong bầu trời buổi hoàng hôn, những đôi uyên ương

âu yếm ngồi yên lặng cạnh nhau, bóng rập mát của những cây dù làm bạn quên hẳn những phi cơ phản lực bay cao vút trên trời xanh thẳm không còn nghe thấy tiếng động cơ.

Nhiều người cho rằng dân Anh trầm tĩnh và dè dặt ít nói. Nhưng nhà Văn Hào pháp HIPPOLYTE TAINÉ khi sang Anh hồi giữa thế kỷ trước nhận thấy người Anh nhanh nhẹn, lịch thiệp, và nói chuyện nhiều. Cử chỉ của họ khoan thai và luôn luôn tự chủ. Người Anh vừa thích có một đời sống cá nhân riêng biệt vừa biết đoàn kết chặt chẽ với nhau. Có một lần tôi đứng trong vườn hồng ở Minster nhìn lên gác chuông nhà thờ tỉnh này trong lúc chuông ngân vang một cách oai nghiêm lúc trầm lúc bổng. Đây là tiếng hai cái chuông to lớn, một cái tiếng trầm, nghe rất hùng mạnh như tiếng đàn ông. Một cái tiếng trong hơn, cao hơn, như tiếng của người đàn bà.



★ ĐÔI Ý KIẾN

— Vâng, tôi định cưới cô con gái ông triệu - phú đó, mặc dầu cô không đẹp, nhưng khi tôi được biết rằng tháng nào cô cũng đến cô thợ may đẹp kia để may áo mới, mỗi tháng năm sáu ngàn đồng, thì tôi nhất định cưới cô thợ may.

H. HOÀNG

Hai âm thanh đó như là đối đáp nhau và có thể tượng trưng cho tính tình người Anh, một mặt thì thâm kín giữ riêng những tư tưởng và cảm tình, một mặt thì bộc lộ ra sự hùng cường và tính lịch thiệp, nhã nhặn.

Nói chung về dân tộc Anh, thì có thể nói rằng người Anh khác nhau tùy từng vùng từng tỉnh, nhiều hơn là tùy từng giai cấp. Thời thế kỷ thứ XIX họ có khuynh hướng rời khỏi quê hương bành trướng đế quốc Anh trên khắp năm châu bốn biển, nay họ trở nên chín chắn và tự biết trọng kỷ luật hơn. Ngày xưa họ thịnh vượng nhờ ở len cừu, sau nhờ ở than đá và thép với tàu bè, nay họ dùng tài sức để bành trướng kỹ nghệ hàng không và nguyên tử lực. Đối với họ quá khứ và lịch sử Anh quốc là một phần tâm hồn của họ. Số phận của họ là phải sống trên một hòn đảo bé nhỏ nhưng họ hoạt động trong một thế giới rộng lớn hơn nhiều.

ĐÍNH CHÍNH VỀ MỘT TÀI LIỆU VỀ LƯU TRỌNG-LƯ

★ NGUYỄN-HỮU-THỨ

Ông Nguyễn - hữu - Thứ, hiện làm Dự-thẩm tòa Sơ-thẩm Huế, là một bạn thân-niên của PHỒ - THÔNG tạp-chí. Ông đã cộng-sự với PHỒ-THÔNG từ bộ cũ, số 1. Từ lâu, chúng tôi mất liên-lạc, nhưng luôn luôn vẫn nhớ đến ông bạn tài cao học rộng, trước kia lại là Hiệu-trưởng trường Trung - học Khải - Định, Huế. Nhưng ông bạn vẫn ân-cần theo dõi P. T. bộ mới, và vừa rồi có gởi đến chúng tôi bài sau đây với những tài-liệu rất có giá-trị về một quảng đời của Thi-sĩ Lưu-trọng-Lư. Chúng tôi rất hoan-hỉ đăng bài của bạn và thành thật cảm ơn.
N. V.

Trong quyển Phồ thông số 14, chúng tôi thấy có bài «THÊM TÀI LIỆU VỀ LƯU TRỌNG LƯ» của cô Linh-Phượng ở Nha

Trang. Trong bài đó, tác giả nói đến một người đàn bà thứ hai đã đóng một vai trò nào trong đời của Lưu trọng Lư : đó là Lệ Mừng, đã từng chiếm giải nhất về cuộc đua thuyền trên sông Hương, đã từng dạy Nam-Phượng Hoàng hậu về tỳ-bà, đã từng đính hôn với một kỹ sư Thủy Lâm, song năm 1944, lúc làm lễ cưới, nàng lại theo chàng thi sĩ họ Lưu đến bến yêu đương.

Tôi không lạc quan như cô Linh Phượng về giá trị các tác phẩm văn chương của Lưu trọng Lư, vì cô có viết rằng «... Có Lưu trọng Lư ra đời, Việt Nam hãnh diện một phần với thế giới. Giá trị của ông không ai dám ngang nhiên phủ nhận...». Dẫu sao, Lưu trọng Lư đã có tên trong nền văn học Việt Nam hiện nay; thế hệ mai sau thế nào cũng sẽ nói đến ; vì thế, chúng tôi nghĩ nên đính chính một vài điểm về tài liệu mà cô Linh Phượng có nhạ ý hiển độc giả.

Tôi là bạn cùng lớp (trong những năm học cao đẳng tiểu học) của nhân vật mà cô Linh Phượng gọi là kỹ sư Thủy Lâm; tôi cũng không xa lạ gì với nhân vật mà cô Linh Phượng gọi là Lê Mừng; hiện nay, song thân của nàng đã qua đời, tổ phụ cũng vậy, song nàng còn chú, bác gái cùng anh, em họ không phải ít đang ở tại Huế. Tôi lại có mặt tại tòa án lúc vụ ly dị xảy ra giữa chàng và nàng... Chúng tôi viết bài này chỉ vì muốn tôn trọng sự thật thôi chứ không có một ý gì khác.

Người đàn bà thứ hai trong đời sống của Lưu Trọng Lư là người thường được gọi là Mừng; trong giấy tờ lại lấy tên là LÊ-MINH, TÔN NỮ LÊ-MINH. Gia đình nàng thuộc về trung lưu; có một điểm đáng chú ý là nhờ công của tổ phụ (trước đây ở tại bến đò Trường Sung, con đường Huyền Trân Công Chúa), trong gia đình ai cũng biết đàn ít nhiều cả, đàn ông cũng như đàn bà. Gia đình nàng ở bên cạnh chùa Linh Quang, trên con đường nối liền Giốc Bến Ngự (chỗ có nhà thờ cụ Phan bội Châu) đến Phú Cam (chỗ có lăng cụ Ngô đình-Khả). Ngày nay ngôi nhà đó tan

nát và cảnh trở nên điêu tàn, không ai ở cả.

Lê Minh đẹp, đẹp thật, với nét mặt đều đặn, mái tóc cùng tóc mai rất xinh, đủ làm tim nhiều thanh-niên rung động. Họa sĩ Mai trung Thứ (hiện nay ở Pháp) có vẽ nhiều bức tranh dầu, nhất là tranh lụa về nàng, đem triển lãm ở nhiều nơi như Ba-Lê. Nàng biết nhiều cây đàn, song chỉ giỏi về thập-lục-cầm mà thôi. Nàng không dạy ai về cây tỳ-bà cả (vì không giỏi) và cũng không dạy Nam Phương Hoàng Hậu về cây đàn tranh nữa. Nàng cũng không giỏi về đua thuyền nên cũng không chiếm giải nhất về đua thuyền trên sông Hương.

Tóm lại, nàng là một cô gái Huế gần như điển hình, có vẻ đẹp nên thơ. Thế mà có một điểm đáng đề ý là số người phục tãi nàng, khen sắc đẹp nàng thì nhiều mà số người đến hỏi nàng làm vợ không nhiều. Vì thế, năm 1944. Lúc nàng đã trên hai mươi tuổi, tổ phụ nàng tỏ ý muốn thấy Lê-Minh có gia đình lúc ông sắp qua đời (ông đã trên 80 tuổi rồi); vì thế, gia đình nàng nhận lời gả cho KIỀU KIM-CHI (không phải là một kỹ-sư Thủy-Lâm; và thời đó

cũng như bây giờ, chưa có ngành kỹ-sư Thủy-Lâm.)

Kiều Kim-Chi có tên đã đẹp, hay rồi mà người cũng rất dễ thương, hiền-lành như con gái nên lúc còn học tại trường Khải-Định (nay là QUỐC-HỌC, HUẾ), các bạn thường gọi là Cô Kiều Kim-Chi. Lúc bấy giờ Chi đang tòng-sự tại Vinh. Mặc dầu thời-cuộc, lễ cưới cũng được tổ-chức tại nhà song thân Lê-Minh, bên cạnh chùa Linh-Quang tại Huế, đúng vào hôm mồng chín tháng ba năm 194, hôm Nhật-bản đảo-chính tại đông-dương. Các người đi họ đã với khôi hài là hai họ không dùng pháo, sao mà pháo nổ nhiều vậy. Đó là lúc vào khoảng hơn 8 giờ đêm, lúc quân Nhật bắt đầu bắn. Sau đó, hai họ phải tìm cách về nhà yên-ôn chứ không dám khôi hài nữa. Lúc đám cưới Kiều Kim-Chi — vì công-vụ — không về được. Đám cưới xong, nàng vẫn ở nhà cha mẹ, tuy vẫn qua lại nhà chồng (cách nhà cha, mẹ cũng không bao xa), gọi là thi hành bổn-phận làm dâu. Tuy ít quen nhau, nàng vẫn cố gắng tìm tình yêu nên có biên thư cho Kim-Chi; còn chàng, thì, không cần phải nói nữa, rất

sung-sướng vì chính lúc còn học ở Khải-Định, bạn học đã lắm lúc khen ngợi Lê-Minh rồi.

Mọi công việc sẽ đem đến kết-quả tốt nếu không có Lưu-trọng-Lư xen vào. Nhà thi-sĩ đa tình (thi-sĩ nào mà chẳng đa tình dầu là về phái cổ-diễn hay thi-son, nghĩa là phái khách-quan) đã xuất hiện trong đời của Lê-Minh như thế nào?

Lê-Minh có một người chị ruột tên là Tôn-nữ-thị-Oanh lấy một người khác tên là Lưu-trọng-Úy nh, lấy một cách không thương tình lắm. Úy nh là cháu gọi bằng chú của Lưu-trọng-Lư (ông thân sinh ra y cùng cha khác mẹ với nhà thi-sĩ), nhân đó mà Lưu-trọng-Lư đến nhà Lê-Minh chơi. Thường thi-sĩ hay đàm đạo cùng thân sinh của Lê-Minh vì ông này chơi được nhiều cây đàn, rất mến ả phủ-dung, cũng thích thơ nên đã cùng nhà thi-sĩ nằm bên cạnh bàn đèn nhiều lần. Trong nhà cũng thường gọi Lư là «chú» và mong rằng «chú» sẽ dùng uy-tín của mình mà làm cho Lê-Minh yêu thật Kiều Kim-Chi, qua nhà chồng mà ở, hay ra Vinh, theo chồng.

Lưu-trọng-Lưu nhân đó mà quen thân cùng Lê-Minh và từ đó đến chỗ yêu cũng không xa. Lúc Kiều Kim-Chi được phép về nhà thăm, Lê-Minh lần này nói thật tất cả ; vẫn giữ thái độ tử-tế đối với Chi, song chỉ là tình bạn : Chi không làm gì được theo ý muốn của mình. Chàng thấy tình-thế như vậy mà kéo dài thì không tiện nên đành đưa vụ này ra tòa-án Tỉnh Thừa - Thiên, năm 1946 đóng tại trụ-sở của Tòa Tỉnh-trưởng Thừa - thiên bấy giờ. Sau vụ hòa-giải bất thành, Kim - Chi phải từ Vinh vào đề ra phiên tòa. Chúng tôi còn nhớ rằng ngày ấy, lúc Kim-Chi và Lê-Minh ra trước mặt ông chánh án (một người thuộc gia - đình Phan-thanh-Giản), Lưu - trọng - Lưu mặc áo sơ-mi cặp một quyền sách mỏng và đi lui tới

ngoài tòa-án một cách bần-khoăn, nóng lòng mong phiên tòa chóng xong. Phiên tòa xong, nàng và chàng (Lưu trọng Lưu) lên ngồi chung trên một xe kéo, có lẽ để đi đến bến yêu đương.

Phiên tòa xong, tôi có gặp lại Kiều Kim-Chi ; tôi nhắc lại các chuyện cũ trong thời cùng học tại trường Khải-Định mà không nhớ đã động đến câu chuyện riêng của bạn. Song chính Chi đã nói đến trước một cách tự nhiên : "Thứ có tin đạo Phật không ? Mình tin chỉ là duyên số. Không rõ kiếp trước mình tu như thế nào mà lúc đầu tưởng là đầy hạnh phúc không ngờ có ngày nay. Nhưng thôi, mình cũng nên có can đảm mà kết luận như những anh chàng trong quyển « Đời mưa gió » : Tuyệt ấy chết thì có những Tuyệt khác, trẻ hơn, đẹp hơn."

* Ô ! CHÀNG CHIẾN-SĨ ĐẸP TRAI !

Trong một cuộc duyệt-binh đoàn quân bước rầm-rập ngang qua một đường phố lớn. Một ông già đứng trên bao lơn từng lầu nhà ông, muốn chụp hình. Ông tìm đủ cách để làm sao cho một người binh-sĩ ngược đầu lên ngó ông, để ông chụp một pose nhưng tất cả đoàn quân đều nghiêm-nghị nhìn thẳng phía trước mà đi rập nhịp kèn. Cô gái lớn của ông, 20 tuổi, yêu kiều diễm-lệ, thấy vậy, bèn lấy hai tay làm loa gọi lớn lên :

— Ô ! Chàng chiến-sĩ đẹp trai !

Tức thì toàn-thể đoàn quân, y như một người, đều ngừng mặt lên bao lơn đề ngó cô. Nhờ vậy mà ông già chụp được tám hình tuyệt đẹp.

M. B.

Chiều

Mơ



Sương mơ chiều áp ủ khóm dừa xanh
Tóc vương mây em đến đáng thơ lành
Hoa vôi mở dâng ngàn ly rượu thắm
Ta băng khuâng lặng nhìn em say đắm
Lối đào nguyên nhẹ mở đón người tiên
Làn xiêm y tha-thướt đẹp nhưng huyền
Ta nghe tiếng sáo chiều buông lá lướt
Mái tóc đẹp bên giòng lưng óng chuốt
Dáng em đi say nắng giữa hoàng hôn
Chiều mây bay hoa lá thắm tươi non
Anh lặng lẽ nhìn dáng em say đắm
Chiều lên xanh. Chiều lên xanh thắm thắm
Đưa hồn nhau vào cõi mộng êm đêm
Đưa hồn nhau vào thế giới thần tiên
Anh ngây ngất lặng nhìn em đắm đuối
Mái tóc đẹp êm đêm như áng suối
Làn mi em diễm ảo như liễu buồn
Anh lạc vào một thế-giới mờ sương
Mà ánh mắt là vì sao trang nhã
Anh mê say đầy tình cho hoa lá
Của trần-gian bỗng lộng lẫy như hoa
Của hương lan phơi phới trắng nõn nà
Ta ngược mắt hào quang ngồi lóng lánh
Môi e-ấp run mình ương ướp lạnh
Dầm chân hoa, đất mộng mở lên hương
Ta nhìn em trong phút dậy yêu đương
Tim rạo-rực và tơ lòng bến lên.

CHIÊM-ĐÀM
(Huế)

TRUYỆN-NGẮN

Bức tranh Thu-Loan

★ THÙY-HƯƠNG



Thế là Quang, người họa sĩ tài ba ấy đã vĩnh viễn rời khỏi cuộc sống để trở về nằm trong lòng đất. Đạo gần chết, anh hay nói đi nói lại một câu :

— Tôi tiếc rằng chưa làm được gì để giúp ích cho đời, cho các bạn hữu của tôi.

Quang chết vì bệnh lao trong nhà thương thí, trong cảnh nghèo túng cô độc. Bên cạnh chỉ có vài người bạn thân và một bà mẹ già nghèo xơ xác. Bạn bè chẳng có gì để giúp đỡ anh. Đám ma Quang cử hành trong một buổi chiều cuối Thu lạnh lẽo, lá vàng rụng rơi phủ kín cả các mặt đường đưa ra phần nghĩa địa làm phúc. Chiếc xe một ngựa ưỡi oải xiết đôi bánh gỗ trên con lộ gập ghềnh chen chúc sỏi đá. Chiếc quan tài mộc cũng lắc lư và có lẽ Quang nằm trong đó cũng không yên nữa.

Một vài đứa trẻ đang chơi đùa trên đường thấy xe tránh dạt ra, chúng thì thảo với nhau :

— Đám ma làm phúc mày ư.

Người ta chôn Quang ở một góc nghĩa địa, nơi có nhiều bóng cây râm mát. Có lẽ điều này làm linh hồn Quang mãn nguyện hơn hết, lúc còn sống anh vẫn ham về phong cảnh và những lúc vui vẽ, anh thường hay nói đùa rằng :

— Sau này tôi sẽ chết dưới những gốc cây của tôi.

Tôi còn nhớ như in trong óc

lúc gần chết, Quang ra dấu cho chúng tôi tới gần, anh ra hiệu cho tôi ghé sát xuống anh. Tôi cúi xuống và chỉ nghe loáng thoáng được một câu :

— Cả sự nghiệp tôi chỉ còn vài chục bức tranh. Nhờ cô trông nom dùm và đừng bao giờ hát hủi chúng nó như... người đời đã hát hủi tôi. Còn bức tranh Thu-Loan, bức tranh cuối-cùng, tôi xin tặng cô, mong không bao giờ cô để lọt sang tay người khác.

★
NH Ữ N G nét chấm phá mạnh, những phết sơn đắp lên nền vài một cách ngạo nghễ, tất cả những điều đó đã cho tôi biết Quang là con người cương quyết thẳng thắn, nhiều nghị lực. Ngay từ lúc đầu mới được quen anh trong một phòng triển lãm hội họa, chúng của mấy họa sĩ. Quang không theo đường lối lập thể của Picasso, bán lập thể của Tạ Tỵ, cũng không vẽ theo lối nhà nghề của mấy ông họa sĩ chuyên vẽ com măng mà anh có một lối vẽ riêng biệt, màu sắc dùng pha lối Tây phương nhưng nét vẽ thì gần với Đông phương tài nghệ của anh, giới nghệ thuật ai cũng phải công nhận là khá vững — Chỉ tiếc rằng tranh anh

bán được rất ít. Kề thì mới nghe nói ai cũng nhận thấy hai sự việc trên đây là mâu thuẫn với nhau nhưng nếu xét đi xét lại, người ta sẽ thấy rằng : chân tài và thành công về tiền bạc chưa chắc đã đi được song song. Quang thất bại chỉ vì anh không chiều theo thị hiếu thấp kém của một số quần chúng. Bao giờ Quang cũng muốn tác phẩm của anh có giá trị trường cửu, không giai đoạn.

Cuộc đời tình cảm của Quang cũng đau buồn như chuỗi ngày sống của anh. Trong tất cả tác phẩm, Quang chỉ vẽ, duy nhất một người con gái Thu - Loan. Loan đến với Quang vì tài nghệ của anh. Mãi cho đến sau khi Quang chết, tôi mới được biết thiên tình sử bi đát này nhờ quyền nhật ký cũ rách của anh dấu kín dưới đáy chiếc va li. Quyền sở đã sờn hết bốn góc, giấy cũng đã long, chỉ còn vài trang rõ chữ, còn thì nét đã mờ.

Một tờ ở tập trên đầu viết :

Ngày...

Từ trước tới nay, mình vẫn mang mặc cảm là các cô thiếu nữ thời nguyên tử này đều trọng tiền hơn tài, bề ngoài hơn

tư cách. Ba mươi mùa Đông qua; bây giờ cái mặc cảm ấy của mình bỗng dưng bị lung lay chỉ vì một người con gái đáng kính. Đã bốn hôm liền từ khi phòng tranh mở cửa, hôm nào nàng cũng rẽ vào và đặc biệt nhất trong mấy khu họa phẩm nàng chỉ dừng chân ngắm các bức tranh của mình.

Đôi lúc mình muốn ra đi sống đôi với nàng để nói chuyện với con người duyên dáng ấy nhưng... buồn quá, nhìn lại thì thấy chiếc áo của mình đã sờn sờ, cà-vạt cũng chẳng có, giày thì gần há mồm mà, trong lúc đó nàng ăn mặc thật sang trọng nên lại thôi.

Kề ý nghĩ ấy của mình cũng đến hèn thật và tại sao mình lại tự hạ mình xuống đến như thế. Mình tự hỏi như vậy và cuối cùng chẳng làm sao trả lời được. Có lẽ như vậy là tự mình phân giai cấp trước đây chứ nhỉ?

Nhưng chiều nay cũng như thường lệ, nàng rẽ vào phòng tranh của mình và thay vì đi thẳng tới các bức tranh, nàng tiến tới gần mình ngáp ngừng hỏi:

— Dạ tôi hỏi thể này không

phải, ông là họa sĩ Trần Quang phải không ạ?

Mình lúng túng gật đầu.

Bằng một hành động rất tự nhiên, nàng từ từ tiến ra những họa phẩm treo ở góc phòng, vì lịch sự, tất nhiên mình cũng phải đi theo nàng. Nàng hỏi mình tỷ mỉ về các bức vẽ, cả thời gian và không gian tạo nên các bức vẽ ấy khiến mình linh cảm thấy rằng nàng là một kẻ rất yêu nghệ thuật và khá hiểu biết.

Cuối cùng, sau khi khen tặng mình bằng những câu khôn khéo nhưng cũng chân thành, nàng đã chọn mua ngay bức tranh mà từ khi bắt đầu thai nghén nó mình đã ưng ý nhất. Lần đầu tiên đứng trước một người con gái, mình ngạc nhiên và cảm phục. Mình tự nghĩ: trong cái thế giới này mà có một nàng thông-cảm với mình nhiều đến thế ư?...

Ngày...

Chỉ mấy ngày sau thôi, mình đã quen Loan, Thu-Loan tên nàng. Loan có những cử chỉ rất tự nhiên nhưng rất đúng mực. Đặc biệt nhất Loan không có cử chỉ kèn kệu như một số con nhà giàu khác. Nàng mời mình về nhà chơi và giới thiệu

với ba mẹ nàng... Tất cả đều được tốt đẹp.

Đoạn giữa cuốn nhật ký đã mờ đi rất nhiều, tôi không đọc nổi nữa. Tôi giờ đến đoạn cuối cùng và đọc nốt:

Ngày...

Đau đớn quá, giữa ngày Loan và mình tuyên bố đính hôn thì Loan chết. Chiếc xe nhà đưa Loan từ Đà Lạt về Sài Gòn đã ác nghiệt lao xuống đèo Blao. Thế là hết, mình và Loan không được nhìn nhau phút chót. Mình còn ghi lại hình ảnh thân yêu của Loan qua một bức tranh thuở nước. Nhưng trong tư tâm Anh, Loan ơi, em sẽ mãi mãi ngự trị, không một hình ảnh nào nữa có thể thay thế được.

Suốt đời anh sẽ cô độc...

Cuốn nhật ký chấm dứt ở đây, đằng sau còn đến 5, 6 tờ giấy trắng. Có lẽ Quang đã không viết nhật ký nữa từ khi Loan chết. Cuộc đời tình cảm của anh cũng đã khép lại, anh chỉ còn biết sống với nghệ thuật, với cái nghèo nàn cổ hữu, với một căn bệnh hiểm nghèo đã tiềm tàng trong cơ thể anh từ lâu chỉ còn chờ dịp là bộc phát.

Phòng tranh của cố họa sĩ Trần-Quang đóng ngậm người.

Có lẽ từ xưa tới nay chưa có một cuộc triển lãm nghệ thuật nào mà lại thu hút một số khách xem đông đảo đến như thế. Thiên hạ chen chúc như đi dự một buổi Dạ Hội hiếm có và chẳng hiểu sao trước kia Trần-Quang triển lãm khá nhiều mà người ta có đề ý đến nhiều đâu. Mãi cho tới nay, cũng vẫn những bức tranh ấy mà thiên hạ xì xào bàn tán:

— Nét vẽ thần tình điêu luyện thật.

— Chắc tác giả nhiều nghị lực, cương quyết lắm cứ trông những nét chấm phá cũng đủ biết.

— Đáng thương cho con người tài hoa sớm mệnh một v.v. và v.v...

Chỉ năm ngày sau thôi, ngót năm chục bức tranh của Quang đã bán được hết, không những thế tôi còn có cảm tưởng giá còn vài trăm bức nữa có lẽ bán cũng vẫn hết như thường.

Buổi chiều hôm bán hết tranh, bà mẹ thân sinh ra Quang nắm chặt tay tôi khóc rất nhiều, vừa khóc vừa kể lể:

— Ngày xưa hai mẹ con tôi sống nghèo khổ thì có cả, hai bữa rau cháo nuôi nhau, bây giờ đến phút sung sướng nhất; thì nó lại bỏ tôi sống bơ-vơ một mình.

Rồi bà lăm bằm như nói riêng với linh hồn Quang :

— Quang ơi, con bỏ mẹ ở lại một mình, sao con không sống lại để nhìn thấy mọi người đều yêu mến con. Ngày trước bao giờ con cũng cầu mong bán được tranh thì bây giờ tranh đã bán được hết rồi đây, mẹ hãnh diện với thiên hạ nhưng mẹ đã mất con vĩnh viễn.

Đứng nhìn bà mẹ Quang khóc, nhìn thiên hạ hớn-hở sau khi tranh dành mua được bức tranh, nhìn những mảnh giấy chữ nhật có đậm nét chữ Réserve dính vào những bức tranh còn treo trên tường phòng triển lãm, tôi không ngăn nổi giòng nước mắt tự dưng trào ra vì cảm động, sung sướng. Nhưng bên sự cảm động ấy, tôi cảm thấy ở cổ họng tôi, bỗng nhiên ứ nghẹn một niềm chua xót. Những mùi vị cay đắng từ đầu đưa đến làm tôi gần như bị nghẹt thở.

Tôi nghĩ rằng giá trước đây chỉ chừng một năm thôi, anh Quang nổi tiếng, thiên hạ thương anh mua cho anh nhiều tranh như thế này thì chắc chắn anh không phải chết dần mòn trên giường bệnh của nhà thương thí. Và cũng nếu thiên hạ biết thưởng thức sớm ra một chút nữa thì nhất định là họ không mất Quang. Nghệ-thuật không mất một đệ tử

trung thành, đầy năng lực và chúng tôi không mất một người bạn nghệ sĩ chân thành. Nhưng đến khi nghĩ ngược lại thì tôi lại thấy : biết đâu nếu không chết trần trụi không cơm áo thì chưa chắc tên anh Quang đã chóng nổi như vậy. Biết đâu nếu còn sống anh vẫn chỉ là một con số không trước muôn ngàn cái có của thiên hạ và vẫn nghèo nàn sống lần mòn như một ngọn đèn dầu lạc trước gió.

Nếu vậy thì cái chết của Quang là một sự may mắn là một lối thoát vinh hạnh cho anh ? Tôi không dám nghĩ hoàn toàn như thế nhưng ít ra trong đầu óc tôi, cái chết của anh cũng để lại cho tôi hay cho tất cả những con người sống kiếp tạm nhà thơ một hình ảnh không lấy gì làm sung-sướng lắm.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn giữ bức tranh Thu-Loan như lời anh Quang dối dăng lại. Tôi không có một bức ảnh nào của Quang nhưng mỗi khi nhìn tranh Thu-Loan, tôi như thấy Quang đã hiện ra rõ quá trên đôi mắt, suối tóc của Loan. Vì hai người là một, nhất là từ khi Quang chết đi, tôi chắc rằng ở bên kia thế giới, hai kẻ chung tình đã gặp nhau và cùng xây lại nhíp cầu bên suối...

★ Văn sĩ ★ Thi sĩ ★ Tiền Chiến ★

8- Khái-Hưng

TÔI chỉ gặp Khái-Hưng có một lần. Một buổi sáng cùng đi với Từ-Bộ-Hứa, nhà thi-sĩ ho lao, tác giả tập thơ bằng Pháp văn «POÉSIES GRISES» mà báo PHONG-HÓA ngạo là «THƠ SÁM XỊT», chúng tôi đến tòa soạn báo PHONG-HÓA, ở phố QUAN-THÁNH.

Tôi cũng muốn nhân dịp đó đến gặp ông Khái-Hưng để nói chuyện chơi. Trong nhóm văn-sĩ của PHONG-HÓA thành thật tôi chỉ có cảm tình với KHÁI-HUNG mà thôi, mặc dù chưa gặp lần nào.

Nguyễn Tường Tam, thì tôi đã gặp một lần, sau một cuộc hội họp chính trị buổi tối tại tòa báo LA REPUBLIQUE của Jean Lang, một nhà bào thanh niên cách mạng Pháp dưới thời «Mặt trận Bình dân» ở Hà nội.

hất Linh, tôi, và vài ba anh bạn làng Báo, ra về. Dọc đường

Nhất Linh hỏi tôi, với giọng căm-khị :

— Tại sao N. V. viết sách chống Nhựt ? Nhựt, nó làm gì anh mà anh chống nó ?

Tôi chỉ hỏi lại :

— Thế tại sao anh thân Nhựt ?

Câu chuyện đến đó rồi thôi, và rồi cũng không ai gặp ai nữa.

Thế Lữ, tôi cũng đã gặp hai lần với Trương Tửu Duy có Khái-Hưng, thì chưa có dịp biết nhau.

Cho nên, khi Từ-Bộ-Hứa rủ tôi đến thăm Khái-Hưng, tôi đi ngay.

Tòa báo PHONG-HÓA ở góc đường Quan-Thánh và đường Hàng-Bún (nếu tôi không lầm), một biệt-thự thì đúng hơn, vì có vẻ trường-giả lắm.

Qua một cái sân trồng các thứ hoa, chúng tôi vào phòng khách. Nơi đây cách bài trí cũng có vẻ trường-giả. Giữa

★ NGUYỄN-VỸ

xa-lông, có đặt một cái kệ thấp, trên để một chiếc mâm đồng lớn, chạm - trổ theo lối mỹ-thuật Bắc. Chúng tôi đưa danh-thiệp cho một người tùy-phái, thì vài phút sau, một người đã lớn tuổi ra vui - vẻ bắt tay chúng tôi. Đó là Khái-Hung.

Người gầy ốm, đôi má hơi cốp và nước da hơi tái, nhưng nụ cười rất tươi.

Nụ cười vẫn ngượng hóm-hỉnh, nhưng hiền-lành, khả-ái, chứ không hơi-hợt như Thế-Lữ và không trào - lộng như Nguyễn-tường-Tam.

Khái-Hung cũng không tự kiêu tự-đắc, tính điềm và tao-nhã, câu chuyện có vẻ thành thật và lịch-sự. Tôi không đồng ý với anh về một vài quan-niệm của anh đối với tiểu-thuyết, nhưng cuộc thảo-luận vẫn thân-thiện, vui-vẻ. Có điều tôi phục anh, là anh vẫn thẳng-thắn nhìn-nhận rằng anh viết tiểu-thuyết tùy theo nhu-cầu và điều-kiện Văn-ngệ của một thời-dại thôi. Anh bảo :

— Những *Romans à thèse* của tôi, (câu này, anh dùng tiếng Pháp), chỉ có mục đích cải cách một vài tập-tục trong xã hội Việt Nam hiện nay, những tập tục mà

chúng ta thấy rõ ảnh hưởng không tốt cho xã-hội.

Tôi bảo :

— Có lẽ vì anh chủ trương cải tạo xã-hội nhất thời, nên tôi có cảm tưởng hình như anh không đi sâu vào tâm lý các nhân vật trong truyện.

— Tôi không có ý định viết một quyển "LE DISCIPLE" như P. Bourget. Trái lại, tôi thấy trong quyển "Đứa con Hoang" của anh, anh muốn phân tách tâm lý của người trong truyện, cho nên anh gạt bỏ ra nhiều thực tế quá.

— Quyển "Đứa con hoang" của tôi chỉ là một thí nghiệm sơ khởi. Dù sao, tôi rất thích quyển "HỒN BUỐM MƠ TIÊN" của anh hơn cả các quyển khác.

Khái-Hung lấy một quyển "Hồn bướm mơ Tiên", tặng tôi, để làm kỷ-niệm cuộc gặp-gỡ lần đầu. Anh viết lời tặng bằng Pháp-Văn :

« Au poète N.V.

Hommage cordial de l'auteur ».

Tên Ký của anh đầy-dủ, rõ-ràng và giản-dị.



Lần gặp-gỡ đầu tiên, tiếc thay,

là lần gặp-gỡ độc nhất. Khi chiến tranh bùng nổ, tôi được tin anh em trong lao Mật-thám Hà-nội, cho biết là Khái-Hung và Lưu-trọng-Lư đã bị bắt trước tôi.

Anh em cho biết là Khái-Hung bị đi an-trí ở Vũ-Bản, tỉnh Thái-Bình hay Nam-Định gì đó.

Sau này, tôi lại nghe tin

anh bị Việt-Minh thủ-tiêu trên một đường làng gần quê anh. Tin ấy có đúng hay không, tôi không được biết, và thủ-tiêu trong trường-hợp nào, mong bạn nào đã chứng kiến được, cho biết thì rất cảm ơn.

Giờ đây, tôi lại buồn bã nhớ đến khuôn mặt xanh - xao và khả-ái của tác-giả *Hồn Bướm Mơ Tiên*..



* CẨM HỌC TRÒ TẮM

Một cô gái 40 xuân-xanh chưa có chồng, có nhà lầu ở gần một bờ sông, cạnh trường học. Một hôm, mết với ông Hiệu-trưởng rằng học-trò cứ tắm tràn-trường trên sông trước nhà cô, và cô yêu-cầu ông Hiệu-trưởng nghiêm-cấm. Ông Hiệu-trưởng chịu ý cô, và bảo học-trò đi tắm xa hơn một chút. Vài hôm sau, cô lại đến phàn-nàn với ông Hiệu-trưởng :

— Thưa ông, học trò lần này tắm xa hơn bữa trước, nhưng tôi lên gác lầu ngó ra sông, cũng còn thấy họ tắm.

Ông Hiệu-trưởng liền căn dặn học trò đi tắm thật xa hơn nữa. Nhưng ba hôm sau, cô lại đến kỳ-kêu với ông Hiệu-trưởng :

— Thưa ông, mấy hôm nay họ tắm đã thật xa rồi, nhưng tôi lấy ống-dòm ngó cũng còn thấy rõ như ở gần vậy.

Ông Hiệu-trưởng phì cười :

— Nếu vậy thì tôi bảo họ ngồi thụp xuống nước mà tắm thì chắc cô không còn thấy nữa nhỉ ?

TRẦN-KHÁNH-VÂN
(P. Ký)

Toàn dân tham gia bầu cử Quốc Hội

NƯỚC GIẾNG CỒ LOA

★ NGUYỄN-TRIỆU



Hồi thời Bắc thuộc, nước ta còn ở dưới ách thống trị của vua Tàu, các thổ-sản trong nước có gì lạ,

quý đều phải hàng năm cho Sứ đưa sang cống tiến cho họ : như quế Thanh, ngà voi chẳng hạn và ngoài ra, lại còn có lệ phải đưa cống tiến cả nước giếng thành Cồ-loa nữa !

Năm Mậu-tuất (1718) tức năm Vĩnh-thịnh thứ 14 đời vua DỤ-TÔN nhà LỄ, ngày giáp-dần, mùa xuân, tháng Ba, cụ NGUYỄN-CÔNG-HĂNG phụng mạng đi sứ sang Tàu để tranh-dấu với vua KHANG - HI nhà MÃN-THANH về việc tiến cống nước giếng ấy.

Nước giếng này đâu có phải là một khoáng-chất quý-giá như vàng hay bạc mà họ ham muốn, nhưng chỉ vì một truyện «hoang đường» tự đời thượng-cổ, tính đến đời

nhà Lê ngoài 1900 năm, là truyện « Kim Quy » mà ta thường đọc trong sử sách :

Năm giáp-thìn (257 trước J-C), AN-DƯƠNG-VƯƠNG (tức Thục Phán), sau khi đánh bại Vua HÙNG-TUYỀN-VƯƠNG, (1) lấy được nước Văn-Lang đổi quốc hiệu là Âu Lạc, (tức là nước Âu Lạc gồm cả nước Thục và nước Văn lang) đóng đô ở Phong Khê. (2). Cách hai năm sau là năm bính ngọ (255 trước J. C.), An dương Vương xây Loa thành. Thành này rất cao và từ ngoài vào, thì «xoáy tròn ốc» nên mới gọi là

(1) Xưa nay ta vẫn quen gọi Hùng-Vương thứ XVIII là Hùng-Tuấn-Vương, nhưng theo trong «An-nam thông sử» thì là Hùng - Tuyền - Vương, vậy ta cũng nên chữa lại cho đúng.

(2) Nay thuộc huyện Đông-Anh, tỉnh Phúc-Yên (Bắc-phần)

Loa thành (3).

Tục truyền rằng trong khi An dương Vương xây đắp thành này có nhiều những yêu quái quấy nhiễu, xây mãi không được. Nhà vua phải lập đàn cầu khấn thì có thần «Kim Quy» (4) hiện lên bày phép giúp sức cho nhà vua trừ những yêu quái kia, bấy giờ mới xây được thành.

Thần Kim Quy lại tặng cho An dương Vương một cái móng chân, đề dùng làm «lẫy» nổ và dặn rằng khi có giặc đến đánh phá thì cứ đem cái nổ thần bắn một phát thì quân địch chết vạn người.

Nhờ có nổ thần này, nên khi TRIỆU ĐÀ kéo quân sang đánh An dương Vương mãi không thắng được.

Sau Đà phải dùng kế : cho TRỌNG THỦY giả danh sang cầu thân lấy MỸ CHÂU là con gái An dương Vương và làm gián điệp ... Sau khi đã thành thân với Mỹ-Châu rồi, Trọng-Thủy vờ hỏi vợ : «BÊN NƯỚC ÂU LẠC CÓ TÀI GÌ MÀ KHÔNG AI ĐÁNH ĐƯỢC ?». Mỹ-Châu thật tình, nói hết lại lịch về cái nổ thần cho chồng nghe và rồi lại lấy ra cho xem.. Được cơ hội, Trọng Thủy bèn

tháo lấy mất cái móng kim qui đi, làm cái lẫy khác ráp thay vào rồi thông tin về cho cha biết.

Triệu Đà liền đem quân sang đánh nước Âu lạc An dương Vương chắc ý có cái nổ thần nên không phòng bị chi cả, đến khi quân địch đã đến gần chân thành mới đem nổ thần ra bắn thì không thấy linh nghiệm như trước nữa. Vì đã thất thế, An-dương-Vương mới đem Mỹ-Châu lên ngựa chạy về hướng Nam. Chạy đến núi Mộ-Dạ (5) gần bờ biển, nhà Vua thấy địch đuổi kịp quá, bèn khấn vái đề cầu cứu thần Kim-Quy... Thần liền hiện lên và nói với Vua rằng : «GIẶC NGỒI SAU LUNG NHÀ VUA ĐẤY !», An-dương-Vương tức giận quá rút gươm ra chém chết Mỹ-Châu rồi nhảy xuống bể mà

(3) Hiện nay ở làng Cồ-loa, huyện Đông-Anh, tỉnh Phúc-Yên cũng còn di tích và Miếu thờ An-dương-Vương làm thành hoàng. (Đi xe hỏa lên Phúc-Yên, ta còn thấy những thành này về phía tay trái, coi như những bờ đê).

(4) Kim-Quy là Rùa Vàng.

(5) Thuộc huyện Đông-Thành tỉnh Nghệ-An (Trung-phần).

tự tận (6).

Khi Trọng-Thủy đem quân đến Núi Mộ-Dạ, thấy xác vợ chết nằm đó, thương xót vô cùng, an táng xong rồi, chàng về nhảy xuống cái giếng ở trong Loa-Thành mà tự tử.

Hiện nay ở làng Cồ - Loa trước đền thờ Vua An-dương Vương còn có cái giếng, tục truyền Trọng-Thủy chết ở giếng ấy, và sau khi Mị - Châu bị Vua cha giết rồi, vì nỗi tình thực mà phải thác oan, cho nên máu nàng chảy xuống bề, những con trai ăn phải, hóa ra có ngọc trên-châu; ai lấy được ngọc ấy đem về rửa vào nước giếng ở trong Loa-thành là nơi Trọng-Thủy đã tự tận thì ngọc ấy sẽ được trong trắng và đẹp thêm ra.

Câu truyện về nước giếng thành Cồ-loa, đại để cũng chỉ có thế. Trừ những truyện thần-kỳ ra không kể, lịch-sử đời Hùng-Vương, ta cũng chỉ biết đại-khái vậy mà thôi thực-hư chưa ai có thể biết một cách đích-xác được! Vì chưa ai đã đi đến tận nơi tận chốn mà tìm tòi theo phép "KHẢO-CỒ" được! Theo những tài-liệu trong một số nhiều sách của Pháp thì bất quá họ

cũng chỉ theo những truyền-thuyết của ta hay dịch theo những tài liệu của Tàu, nên những truyện hoang-đường kỳ-quái, không thể cho là thực được, như những truyện "QUẢ DƯA ĐỎ", "RỪA VÀNG", "BÁNH CHUNG", "TRẦU CAU", "SƠN TINH", "THỦY TINH", vân vân.

Thế mà bọn Vua quan Tàu, từ nhà Tống, Nguyên, Minh, đến Thanh cứ nằng nặc đòi bắt nước ta phải tiến cống nước giếng của Loa-thành mãi thì thực tham tàn vô hạn.

Cụ Nguyễn công Hãng cũng đã nhấn mạnh vào những điểm dị-đoan và huyền-bí mà trả lời cứng cỏi cho Vua Khang-Hi nhà Mãn Thanh rằng nước giếng Loa-thành hết thiêng rồi và trong thời-gian qua, trải bao biến-chuyển của Thời-cuộc: giếng ấy cạn rồi.

Kết cục vụ tiến cống này đã phải bãi bỏ.

(6) Hiện nay ở núi Mộ-Dạ, gần làng Cao-Ái, huyện Đông-thành (Nghệ-an) cũng còn có đền thờ An-dương-Vương.

Bài « NGỌA LONG CƯƠNG » của Đào-Duy-Từ

★ PHONG-CẦM

 HỒ một bài văn hay, Đào-Duy-Từ được trong dụng, coi như Khổng-Minh Gia-Cát tái sanh.

Khổng - Minh phục từ Nam dương xuất,

Dực tán cơ đồ ức vạn niên.
dịch nghĩa :

Gia-Cát trời Nam nay tái hiện;
Nghìn thu chống đỡ vững âu vàng.

Nhưng bài «Ngọ-Long-Cương» lời lẽ thế nào mà có một sức mạnh gây niềm tin yêu nơi chúa Sải đối với Đào-Duy-Từ? Bài này gồm có 134 câu, làm theo thể thơ lục bát, lời lẽ vừa hùng tráng vừa thanh lịch gói ghém cả một tấm lòng sru ái đối với nước non. Nguyên văn như sau:

Ngựa xe chân giẫm ban lò,
Thầy Thiên Võ Tử ngày xưa
luyện rằng :

An nguy trị loạn đạo hằng,
Biết thời-sự ấy ở chừng sĩ hiền.
Hán, từ tộ răn vận truyền,
Ba phân chừn vạc, bốn bên tranh hùng.

Nhân tài tuy khắp đời dùng,
Đưa chen trường lợi, áng công với giành.

Nào ai lấy đạo giữ mình?
Kẻ đua tời Ngụy người đánh về Ngô.

Nam dương có kẻ ần nho,
Khổng-Minh là chữ, trượng phu khác loài;

Ở mình đều vẹn năm tài,
Phúc ta ngẫm ắt ý trời hậu vay.
Điềm lành thụy lạ đã hay,
Đời này sinh có tài này ắt nên.
Rằng xem phẳng lặng một hiền,
Nhà tranh, lều cỏ tỉnh quen bờ thờ.

Ba căn phong nguyệt hưng thừa
Bốn mùa đều có xuân tra bốn mùa;
Nước non khéo vẽ nên đồ,
Thấp cao phượng múa, quanh co rồng nằm.

Vững bền chủ khách chào thăm
Minh đường rộng mở thiên tâm
phẳng bằng.

Tri âm những đấng khác hàng,
Cát thung bầu bạn, mây trang
láng diêng.

Đất lành cầu khí linh thiêng,
Một bầu thế giới thiên nhiên hữu
tinh.

Lâm tuyền trong có thị thành,
Phàm trần tựa ít, cảnh thanh
thêm nhiều.

Thú vui bốn thú thêm yên,
Kìa ngư, nọ mục, ấy tiều, này
canh.

Hạc già chực cửa nghe kinh,
Trái dăng màu thắm, thức xanh
vườn quý.

Gác tường bóng trúc thưa che,
Nỏ đua hạnh tía, hiền khoe cúc
vàng.

Khúc cầm cổ nguyệt xuê-xang,
Ca ngâm Lương phủ dạo càng
hừng mau.

Cửa kho vô tận xiết đầu (!)
Thú vui nửa thú, ai đâu mặc ai.

Thanh nhàn dưỡng tính hôm
mai,

Ghềnh trong cuộc nguyệt, bãi
ngoài cây mây.

Lợi danh nào chứt nhúng tay,
Chẳng hiềm tạo vật, không say
thế tình.

Dựa song hể bức màn mờ mờ,
Gấm chung đời trước công danh
mấy người,

Doãn chưa dặng lễ Thang mời,
Cây kia chưa dễ buông nơi nội
sông,

Lữ dư chưa gặp xe Văn,
Cần kia chưa dễ gác cầu Bàn-
khê,

Gấm xem thánh nọ hiền kia:
Tôi nay nào có khác gì tài xưa,
Nẻo mầu, mối nhiệm binh cơ,
Lược thao đã đọc, thất thư lại
bàn.

Huyền-vi lão biết cơ quan,
Lẽ trong trời đất, tuần hoàn
Tây-Đông.

Thảo lư trong có anh-hùng,
Miếu đường chống vững thấy còn
tài cao.

Có phen xem tượng Thiên Tào,
Kìa ngôi khanh-tướng nọ sao
quán thần.

Có phen binh pháp cao trần,
Điều xa là trận, phong vân ấy đồ.

Có phen thơ túi rượu bồ,
Thanh y qui trúc, hỏ nô miệng
đòi.

Chốn trong danh giáo có vui,
Bằng nhân chẳng biết rằng người
ăn trên.

Hùm ngâm gió thổi tự nhiên,
Chúa tôi sao khéo hợp duyên
thay là.

Ngạc thư vừa phứt tàu qua,
Xe loan tạm khuất năm ba phen
vời,

Dốc lòng phò chúa giúp đời,
Xoay tay kinh tế, ra tài đồng
lương.

Cả mừng gặp nước Nam-dương,
Rồng bay Thiên Hán, vội vàng
làm mưa.

Chín lần lễ đãi quán sư,
Phần vua lay bến, mốc mưa gọi
nhuần.

Hai vai gánh nặng quán thần,
Chín phần ở thảo, mười phần
trộn ngay.

Bình quyền việc ấy đương tay,
Lâm cơ chế thắng, một này địch
muôn.

Trận bày Bái-vọng Thiên-đôn,
Bạch-hà dụng thủy. Hầu Đôn
chạy dài.

Ra cờ mới biết sức trai,
Có tài thiện chiến, dư tài tấn
công.

Bằng nghiêm thuyền dựa vịnh
sông,

Đón muôn tên Ngụy nộp cùng
Châu lang,

Hỏa công đáng chước lạ
nhường,

Gió nàng Xích bích thổi tàn Ngụy
binh.

Ba dung khiến tướng phân-
doanh,

Gian hùng sớm đã nép mình bó
tay.

Thần cơ bí kế thông hay,
Kinh châu trước hẹn giục thuyền
rước mau.

Hỏa thân đối chước giấu nhau,
Tiên sanh kể ấy Châu hầu kể sa.

Chước dùng bày bắt, bày tha,
Oai trời nhường ấy giặc đã chạy
tênh.

Đôi phen Bắc phạt ra binh,
Tiết bền vàng đá, nhật tinh soi
lòng.

Éo le thủy lục chước dùng,
Khương Duy sớm đã kể cùn bó
tay.

Thần tiên mấy chước xe bày,
Tào châu lá rụng, khói bay ngút
ngàn.

Trên thành làm chước gây
đàn,

Sa cơ Trọng-Đạt nép gan kinh
hồn.

Nỏ thần phục cửa kiếm môn,
Mã-Lăng mất vía, Quyền - Tôn
khác gì.

Chước nào chước chẳng ngoan
ngụy?

Nơi thì lừa mã, chốn thì mọc
ngưu,

Rất bền đánh dựng công nhiều,
Hỏa gi tiếng dậy, dũ triều danh
hay.

Khăng-khăng một tiết thảo ngay,
Rắp tùy chinh thống sáng rày
nhật tinh.

Sửa sang nghiêm cần phân
doanh.

Tôi loạn con giặc chạy tênh bờ-
bời,

Hán gia chín vạc phù trì,
Suy thôi lại thịnh loạn thời lại an.

Công lệnh kể ở nhà quan
Cây bằng thạch trụ thái sơn kia
là.

Non xanh nước biết chẳng già,
Trai mà nhường ấy dịch là nền
trai.

Sợ xem đời lễ dẫu hai ? !
Tài này ai chẳng là tài quán sư ?

Luận đời Tam quốc hữu dư,
Luận đời tam đại còn chờ những
sau.

Gan trung dạ nghĩ làm đầu,
Bái tướng phong hầu ai dễ dám
ghen ?

Muôn đời nhân vật kinh khen,
Ghi tên trúc bạch, chép tên cần
thường.

Phúc trời còn tỏ Long-Cương,
Ắt là Hán thất khôn lường thanh
suy.

Hưng-vong bỉ-thái có thì,
Chớ đem thành bại mà suy anh
hùng.

Chốn này gặp được vua dùng,
Ắt là cũng có Ngọa-Long ra đời.

Chúa mình thì có tôi tài,
Mừng xem bốn biển dưới trời
đều yên.



RÁP NỐI — CHÈM, CHÈN — PỜ-LAY-BẮC HÒA TIẾNG

(Tiếp theo P. T. số 16)

Sau khi phim ngược chọn lọc, in qua phim sống, rửa xong liền đưa qua phòng ráp nối. Phim sống này tiếng chuyên môn gọi là rush. Có rush tiếng và rush hình riêng biệt. Nhưng nếu xài băng điện-từ thì khỏi cần làm rush tiếng, có thể dùng băng điện-từ so với rush hình.

Các bạn cũng biết phim quay theo một chương-trình phác họa do bản phân cảnh. Bản phân cảnh ghi rõ từng góc-ảnh, theo số thứ-tự từ 1 đến XX, plan chung, trung, đại, vĩ-đại... hay góc chết, góc xoay, máy đẩy tới, máy đẩy lui v. v... lại ghi rõ cả bối-cảnh, thời-gian: Sáng, trưa, chiều, tối v. v...

Nghe tiếng ráp các bạn có

thể tưởng-tượng ra là cứ theo thứ-tự từng plan một ráp nối đuôi nhau dễ ợt. Đại-cương vẫn là thế nhưng vì máy quay không thể theo dõi từng động-tác một và không thể «thấy chung» cùng một lúc như đôi mắt của ta, nên công việc ráp nối không dần-dị như trên. Và lại phân-cảnh ít khi được theo đúng rằm-ráp. Người thợ ráp nối ví như một văn-sĩ, phải trình bày cuốn phim cho mạch-lạc có LIÊN-TỤC.

Bên ta thường đạo-diễn ráp nối lấy. Bạn tưởng cả cuốn phim gồm gần 120.000 bức ảnh riêng biệt. Công việc ráp nối không phải là dễ. Nhiều khi đạo-diễn phải nhờ đến người

thợ, nhưng phải sát-cánh với họ. Đạo-diễn và bác thợ ráp nối trách-nhiệm tương - xứng. Giá trị cuốn phim tỷ-lệ với tài-nghệ của bác thợ ráp. Bác phải có óc thẩm - mỹ, cẩn - thận, làm có phương pháp, ngăn nắp, nhần-nại và trí nhớ ? Trí nhớ ! phải nhớ kỹ những hình hoặc tiếng mình vừa nghe qua và nhớ cả nơi để của mỗi đoạn hình. Bác lại phải có một tâm-hồn nghệ-sĩ và yêu-nghề. Cuốn phim là đứa học-trò mà ông thợ ráp uốn-nắn theo quan-niệm của mình. Nếu uốn-nắn lộn-xộn, đứa học-trò sẽ phá rầy khán-giả không ít !

Thoạt-tiên bác thợ ráp từng séquence một (tạm gọi là màn). Bác phải đọc kỹ bản phân-cảnh và biên-bản quay phim, nếu có thể dự vào các buổi quay phim nữa. Bác phải thấu-hiểu ý-nghĩa của cuốn phim, nhịp-điệu tình-cảm tiết-tấu phải đem lại cho cuốn phim tùy theo loại : trinh-thám tình cảm, bài-huớc, rùng-rợn... .

Dụng cụ của bác gồm có : máy rọi, dao cắt, keo dính kiếng lúp, găng tay và một căn phòng kín mít không thể để cho bụi bặm lọt vào !

Máy rọi có thứ của Mỹ (Moviola) của Pháp (Moriton) của Đức (Union) Thường dùng là Moviola. Dao cắt gồm đủ có từ 8 ly, 9,5, 16ly 35ly và thứ để cắt băng điện từ. Kéo cắt phim bằng thép,

nhưng kéo cắt băng điện-từ phải bằng đồng. Kéo có nhiều thứ, tùy ý chọn lựa !

Găng tay để cho khỏi các dấu tay chạm vào phim (nhất là phim ngược).

Máy rọi gồm có một bộ phận rọi (dèn rheostat) rọi phim lên một tấm kiếng mờ độ 1 tấc vuông. Máy có thể chạy lui, chạy tới, ngừng, đứng yên một chỗ. Băng tiếng và băng hình chạy song hành nhau. Tiếng được khuếch đại bằng một ampli ra một ống loa nhỏ (12-15 phân). Băng hình và tiếng có thể trật khớp ra, hoặc để cho băng tiếng chạy trước, hoặc để nhích băng hình lên xuống. Một bàn đạp chỉ-huy các cử-động ấy. Nhấn mạnh là máy chạy nhanh, nhận nhẹ máy chạy chậm. Có pô-tăng để cho tiếng lớn ra hoặc bé lại. Nơi tấm kiếng mờ có 1 cái que để xê dịch hình cho đúng tâm rõ rệt. Phim cuộn vào những đĩa bằng nhôm và chạy qua các róc-rách có gai bầu viú vào hai rìa phim để kéo phim hoặc lui hoặc tới.

Cách so phim hình và tiếng lúc khởi đầu một plan căn - cứ : 1) bên băng hình chiếc hình thứ nhứt ghi rõ thanh gỗ đựng vào tấm băng 2) bên băng tiếng là tiếng « cộp » theo sau tiếng của « thợ gỗ » đọc lớn : plan X prise Y. « cộp » !

Trước khi quay một plan, đạo diễn thường ghi lên một tấm băng ấy số plan chụp lần thứ

mấy, ngày, giờ v.v... Người thợ gỗ đưa tấm bản ấy (nhỏ độ 30/40cm) ra trước máy quay, đạo diễn hô « mô-tơ », bác thợ quay bấm máy, chàng thợ gỗ hô lớn những ghi-chú trong băng gỗ bằng đánh « cốp » một tiếng, rồi rút ra khỏi sân khấu, lúc ấy tài-tử mới bắt đầu đóng trò. Làm như vậy để khi so hình và tiếng, bác thợ ráp nối mới biết plan số mấy, và đoạn tiếng, câu trả lời nào ăn khớp vào màn nào... bắt đầu từ đầu.

Tìm ra xong cái điểm liên-hệ cho hai băng, người thợ mới ghi vào hai băng phim hình và tiếng một dấu riêng. Anh ta dùng một thứ bút chì riêng (bút chì mờ crayon gras). Cứ theo các dấu đã ghi bắt đầu so, và cắt ra từng đoạn. Chú ý cần phải giữ nguyên số của các đoạn ráp nối (ít nhất là một hai hình) để sau so với phim ngược cho dễ, nếu không, tìm cho ra đoạn nào cũng chết cửa tử!

Khi ráp xong một đoạn người thợ thường để qua một đêm, ngày sau mới xem lại. Thời-gian ấy rất cần-thiết để cho tiềm-thức làm việc và sự ráp nối hữu-hiệu hơn.

Ráp xong xuôi rush rồi, mới bắt đầu đem so với phim ngược. Công-việc này phải thực-hiện rất cẩn-thận, nắn như nâng-trứng, hững như hững hoa vậy. Vì hư một đoạn phim ngược (trầy, vệt, dấu tay v.v... cắt làm...) có nghĩa là đem tiền ném qua cửa sổ!

Người thợ ráp nối thường như nhà văn không ưa ồn-ào, phải bình-tĩnh trong yên-tĩnh để suy-nghiệm, tìm những giải-pháp cho những bài toán khó-khăn: vấn đề phim chèn, chêm, mà Pháp gọi là Raccord.

Từ đoạn này qua đoạn khác, từ góc ảnh này qua góc ảnh khác có lúc cần phải chèn thêm những đoạn phim ngắn *liên-hệ* đến cốt chuyện mục-dịch làm cho các động-tác có vẻ liên-tục (một đĩa tàn thuốc, một con dao, chiếc súng..., đồng hồ v.v... tuy nhỏ nhặt nhưng rất cần thiết).

Ví dụ: Một góc ảnh cho ta thấy một người từ xa xăm xăm đi lại về phía ta. Nếu cứ để plan ấy đứng chết thì rất nhàm. Muốn cắt bớt lại dựng phải vấn đề thời-gian. Ta có thể đem một plan trình bày một cảnh nhà cửa hai bên đường, hoặc một người đứng chờ... chèn vào, rồi nối với đoạn thứ 2 trình bày người đó đi sát gần ta trông rõ mặt mày (ảnh trung PM). Như vậy ta có cảm-giác trong khi ta xem đoạn raccord thì người đó đã « nuốt » hết đoạn-đường xa cách ta với y. Nếu không có đoạn raccord thì hoặc là plan đó chán hết sức, hoặc nếu đem nối I qua 2 liền ta sẽ có cảm-giác người đó nhảy vọt tới sát bên ta vậy.

Nhưng cũng có chỗ mà Đạo-diễn muốn gây ra một sự kinh-ngạc hay nhấn mạnh vào tình

chất bất ngờ, nên không để raccord (chèn).

Như trong phim Le Cauchemar de Dracula (tôi chỉ đề-cập cho các bạn dễ nhớ chớ không bình-quan gì cả, các bạn thông-cảm cho) khi người đàn bà nhẹ nhàng cấn vào cổ nạn-nhân thì cuối phòng công-tước Dracula hiện ra. Thợ ráp đặt ngay một ảnh đại (G.P.) của người đàn bà với nanh miệng nhuốm máu... liền đó đặt ngay một ảnh đại của công-tước. Xong rồi ta mới thấy công-tước chạy đến (ảnh chung). Lẽ ra phải chèn một plan công-tước chạy lại trước rồi mới đặt GP người đàn bà và GP công-tước (theo đúng mẹo luật). Thật ra không ai để ý quá tỉ-mỉ như vậy. Hình ảnh của đoạn phim này thay đổi mau lẹ GP rất ngắn. Nhưng đạo-diễn muốn nhấn mạnh vào hai hiện-tượng cùng xảy ra một lúc, làm cho sự bất-ngờ và sự ghê-tở càng tăng lên. Giác quan của khán-giả bị đập mạnh... Đó là chủ-ý của đạo diễn.

Nhiều khi hai plaas tương-tự nhưng chụp theo hai góc ảnh khác nhau, muốn nối mà khỏi giật, thì phải chèn với một plan khác. Cốt ý là thời-gian tĩnh của động-tác đừng sai với sự thật. Ví dụ plan trước chiếu một người đang đứng giấy, plan sau thì người ấy đến cửa. Từ khi người đó đứng dậy và đi cho tới nơi cửa cũng phải một thời-gian khá dài, nếu ráp không chèn thì ta có cảm-giác người ấy biến

phép hoặc nhảy một cái ra đến cửa v.v...

Về phương-diện tiếng nói cũng phải dùng chèn nhưng chèn đây là sự im lặng. Ví dụ hai người đang nói chuyện. Thường dùng lối quay champ, contre champ hoặc travel tròn cần phải cắt làm sao cho hình-ảnh tiếp-tục nhau có vẻ tự-nhiên, hết người này nói đến người kia. Tuy nhiên phải có những lúc nghỉ, lúc ngưng. Chính những lúc ngưng này làm tăng thêm không-khí cho đoạn phim. Nhiều khi người kia đang nói mà lại thấy mặt người đối thoại nghe. Như thế để nhấn mạnh vào cái « sự-nghe » của người này, phản ứng của người này.

Ví dụ: 1 chàng sở-khanh cổ tình rút bỏ một cô nường. Hình ảnh cho ta thấy mặt chàng Sở-lạnh lùng trong khi vọng ra những tiếng náo-nề trách-móc hoặc van-xin của cô-nường, làm cho ta thêm ghét-gờ hân.

Sau khi ráp nối lần đầu, đem chiếu lại để cử-soát xem có chỗ nào thừa - thiếu, vụng - về. Một người thợ có lương-tâm bao giờ cũng không ngại cắt xén... hoặc thêm bớt. Những đoạn cắt ra thường phải ghi số rõ ràng treo ngay trước mặt bàn. Cho nên khi bạn vào phòng ráp nối bạn có cảm-giác phim bừa-bãi treo lòng-thông, thật ra thấy đều có thứ-tự nếu không thì tìm chết!

Xong một đoạn phim dài, thường đem chiếu lại. Nhiều khi thiếu đoạn chèn (raccord) phải

quay lại. Cần phải trừ-tính cả các đoạn mở đầu, in chong, những đoạn phải có xảo - thuật.

Những đoạn đặc-biệt thường được ghi ngay lên phim sống để đưa qua phòng xảo-thuật.

Người thợ ráp phải cần đến máy đo phim để so cho đúng và ăn khớp với tiếng nói.

Thật là một công-việc tỉ-mỉ nhọc-nhân kỹ-luỡng cần-thận đòi hỏi một tánh tình điềm - đạm nhẫn-nại và một bộ óc thâm-mỹ.

Người thợ ráp còn lo về các việc như play-back. Lấy tiếng trước đóng trò sau. Một ví dụ : Trong phim « Hương-Thê Chưa dứt » lúc tài-tử đôn và ca là áp dụng lối quay play-back.

Nhạc và lời do một dàn nhạc hợp-tấu và một nam-ca-sĩ trữ-danh hát thâu vào băng. Đem băng ấy ra cho chạy để tài-tử đóng màn ấy lặp theo và đàn theo. Khán-giả khi xem có cảm-giác là tài-tử vừa đàn vừa hát.

Còn có những thứ tiếng không thể lấy được khi quay cho đúng lúc phải lấy tiếng sau và hòa-hợp (mixage) với giọng tiếng trước.

Ví dụ : tiếng rế kêu khi trời vừa sáng... tiếng chó sủa. v.v..

Trong phim « Chàng Ngốc Mê Đào hát » chẳng hạn tiếng chó sủa đúng với tiếng nhạc là lấy sau, kẻo cả hình con chó ! rồi dùng nghệ thuật ráp «nhét» vào phim.

Nhạc đệm cũng vào băng lối mixage. Tôi phác sơ qua cách vô tiếng này : Một băng điện từ số 1 có ghi tiếng đàm thoại, và tiếng động (ly rựu đưng vào bàn tiếng mở cửa v.v.v.) Một băng

thứ 2 có ghi nhạc đệm và các bài hát. Một băng thứ 3 ghi tiếng ở ngoài như chợ ồn-ào, nhà ga, còi xe, tiếng xe chạy v.v... Trước khi hòa-hợp, người thợ ráp nổi đã so đúng chỗ với băng hình sống (positif). Lúc bấy giờ viên kỹ-sur tiếng mời mở máy cho cả ba chiếc băng chạy cùng một lúc và tùy theo ông ta muốn cho âm-nhạc lớn nhỏ hay tiếng nói nhỏ, hoặc tiếng động lớn nhỏ tùy lúc tùy khúc bằng cách quay các pôtăng nơi máy vô tiếng. Thường dùng một chiếc máy khác rắc-rối, mục-dịch mỗi bộ-phận là đọc những tiếng đã ghi trên mỗi băng, rồi cả ba tiếng nhập lại cảm-hưởng một « đầu ghi » vào một chiếc băng thứ tư. Nếu có nhiều băng, phải hòa trước làm một, rồi lại hòa lại. Ví dụ cả thấy có 5 băng tiếng : âm-nhạc, tiếng động, tiếng súng, tiếng ở ngoài (ambiance) đàm-thoại. Bắt đầu ta hòa hai băng âm-nhạc với đàm thoại trước làm một băng, rồi tiếng động và tiếng ở ngoài làm chung một băng khác. Vì chỉ còn lại 3 băng, 3 băng này sẽ hòa làm một băng cuối cùng.

Người thợ ráp để ý phải cho chung vào một băng tất cả những tiếng thuộc về một loại, những tiếng quá lớn vào một loại cho viên kỹ-sur để vô. Vì 1 tiếng quá lớn đi theo một tiếng quá nhỏ sẽ khó vô (hoặc trái lại).

Sau khi vô chung 1 băng nghe lại nếu không vừa ý phải xóa hết để vô 1 lần nữa, hoặc nhiều lần cho đến khi đạt kết-quả.
(Còn nữa)

BÀ NGUYỄN-NHƯỢC-THỊ

« Hạnh Thục - Ca »

★ THIÊN-SINH

TÌNH hình nước ta, trước và sau khi vua Tự-Đức thăng hà thật là trầm trọng. Nhất là từ ngày vua mất đi rồi, triều đình Huế diễn ra một khung cảnh vô cùng rối loạn. Những cuộc phế, lập do hai tay quyền thần Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn - văn - Trường tự tiện hành động khiến cho việc triều chính mất hết kỷ-cương. Tôn-thất-Thuyết thì nắm hết quyền binh bị, Nguyễn-văn Trường coi trọn tiền tài, quan lại. Hai người này tha hồ chuyên quyền, đảo lộn cả triều cương : Bỏ Dục Đức, giết Hiệp - Hòa, lập Kiến-Phúc. Chỉ trong vòng năm tháng, ba ông vua theo nhau lên ngôi, rồi lại nối nhau mất. Vì thế, bấy giờ ở kinh thành có truyền ra câu :

Nhất giang lưỡng quốc nan phân Thuyết.

Ngũ nguyệt tam vương triệu bất Trường. (1)

(Một con sông ở giữa hai bên

là hai nước thì khó mà nối ra được. Năm tháng ba ông vua thật là diễm không hay.)

Sau đó hai người quyền thần này lại tự ý lập ông Ưng-Lịch (12 tuổi) lên làm vua, tức vua Hàm-Nghị.

Những biến cố đổ ều diễn ra ở chốn triều nội, nên khó mấy người biết được rõ. Lại còn bao nhiêu việc xảy ra nơi hoàng cung rất là bí mật, phi người trong cung nội thì không thể hay thấy dạng.

Nhưng bấy giờ, có bà Lê-Tân Nguyễn - Nhượng - Thị là người hầu cận và cũng là bí thư của Từ-Dụ Thái Hậu (mẹ vua Tự-Đức) mục kích tường tận những sự việc trên, lập tâm ghi chép tất cả.

Các sử gia sau này, căn cứ phần lớn vào những sử liệu đó của Bà mà trước tác hoặc bổ cứu sử nhà. Cụ Trần - trọng - Kim, trong bài tựa cuốn Hạnh-thục-ca,

có viết : « ... Bà Lễ-Tần Nguyễn
Nhược - Thị có thể biết đúng
những sự thực theo cái quan
điểm của người mình lúc bấy giờ,
mà quyền sách của Bà là quyền
sách có cái giá trị đặc biệt về
một đoạn lịch sử của nước ta... »
Xem như thế ; ta đã thấy rõ sự
quý giá, trên phương diện sử-
liệu, cuốn Hạnh-thực-ca của Bà
và ta có thể nói được rằng : Bà
là chứng nhân của một đoạn lịch
sử bi thảm của nước ta vào hậu
bán thế kỷ thứ 19, nhất là việc
kính thành thất thủ.

TIỂU-SỬ

Bà Lễ-Tần Nguyễn - Nhược-
Thị, chính tên là Nguyễn - thị-
Bích, tự là Lang-Hoàn, sinh năm
Minh-Mệnh thứ mười một (1830)
người huyện An-Phúc, đạo Ninh
Thuận, nay thuộc tỉnh Phan-Rang
(Khánh Hòa). Bà là con gái thứ
tư ông Nguyễn-nhược-San làm
bổ chính xứ Thanh - Hóa thừa
tuyên được làm Hộ - Lý Tổng -
Đốc, mẹ họ Nguyễn, hàm Thục
Nhân. Thuở nhỏ, Bà là người có
khieu thông minh, nổi tiếng văn
học. Năm 19 tuổi, tức là năm
Tự-Đức nguyên niên (1848).
Bà được quan Phụ chính là Lâm
đuy-Nghĩa làm biểu tiến lên vua

Tự-Đức sai làm bài thơ « Tảo-
mai » (quả mai sớm), Bà ứng ngay
được, trong bài có câu :

*Nhược giao dụng như hỏa
canh vị.*

*Nguyên tác lương thần phụ
hữu Thương.*

(Nghĩa là : Nếu bảo dùng
người cho vừa vị canh, thì xin
làm người bày tôi giỏi giúp nhà
Thương). Vua khen thưởng hai
mươi đỉnh bạc, tuyền vào cung,
sung chức Thượng Nghi Viên-
sư.

Năm Tự-Đức thứ ba (1850)
được phong làm Tài nhân thường
hầu trực trong cung và thường
theo hầu Vua. Thấy Bà là người
thông minh, kính cần nên vua yêu
quý lắm.

Năm Tự-Đức thứ mười ba
(1860) được phong làm Mỹ nhân,
rồi sau đó phong làm Quý nhân.

Năm Tự-Đức thứ hai mươi
mốt (1868) được tấn phong Tiệp-
Dư, Bà đã từng dạy học trong
nội đình. Khi các vua Kiến-Phúc,
Đồng-Khánh chưa lên ngôi, Bà
được vua Tự-Đức giao cho việc
dạy hai Hoàng tử ấy học kinh
diễn. Những người trong cung
gọi Bà là Tiệp-Dư phụ-tử.

Về sau, Bà được cử làm chức

bí thư hầu bà Từ Dụ Thái hậu.
Vua Tự Đức thờ mẹ rất có hiếu.
Mỗi tháng, cứ mười lăm ngày
thiết triều bàn việc nước cùng
các quan, 15 ngày sang châu mẹ.
Những lúc thỉnh an ấy, Vua
thường đem quốc sự tâm cho mẹ
biết. Do đó bà Nguyễn Nhược
Thị được nghe thấy nhiều sự
việc giữa Thái-hoàng Thái Hậu
với nhà vua.

Khi vua Tự-Đức băng (1.883),
bao nhiêu ý chỉ sắc dụ của Lương
tôn-Cung (tức cung bà Từ Dụ
và cung bà Trang Ý, vợ cả của
vua Tự Đức) đều do tay bà thảo
ra cả (2).

LOAN KINH-THÀNH

Năm Ất Dậu (1.885), tại
kinh thành có xảy ra việc binh
biến. Người chủ mưu là Tôn
thất Thuyết, định đánh úp đồn
Mang-Sá và tấn công Tòa Khâm
sứ hầu bắt buộc người Pháp giao
trả chủ quyền lại cho Nam triều.

Đêm ngày 4 tháng 7 năm 1885
(22 tháng 5 âm lịch), vào lúc nửa
khuya, Thuyết mật ra lệnh nổ
súng. Nhưng người Pháp chỉ
bắn cầm chừng, giữ thế thủ. Chờ
đến mờ sáng, quân Pháp mở cuộc
phản tấn công. Rồi thì kinh thành
thất thủ. (ngày 23-5 ất dậu).

Nguyễn văn Tường vào tâu xin
rước vua và tam cung (Thái hoàng
Thái hậu Từ Dụ, Hoàng thái
hậu Thuận Hiếu (Trang Ý), và
Học Phi vợ thứ vua Tự Đức)
lên tạm trú Khiêm cung (lăng
Tự Đức).

Lúc bấy giờ, bà Nguyễn Nhược
Thị cũng theo hộ giá. Trong cơn
cấp bách chỉ soạn đem theo được
một cái ấn ngự tiền chi bửu và
hai thanh kiếm. Vào lối 7 giờ
rưỡi sáng, xa giá và tam cung ra
cửa Chương Đức rồi lên ngã
Thiên Mỵ, Tường ở lại được
lệnh thu xếp công việc nhưng
liền sau đó Tường ra hàng Pháp.
Còn Thuyết phò vua và tam cung
chạy ra Quảng Trị. Tới đây, đức
Từ Dụ không chịu đi nữa, đồng
thời tiếp được sứ Tường gọi ra
xin rước xa giá về Kinh. Thuyết
rước vua Hàm Nghi lên Tân sở
để mặc tam cung lưu lại Quảng-
Trị. Ngày 30 lại tiếp được sứ
của Tường ra giục xa giá trở về.
Đức Từ Dụ quyết ý về Kinh.
Một lần nữa, bà Nguyễn Nhược
Thị lại vất vả hộ giá hồi loan.
Chiều tối ngày mùng 5, các bà
Thái hậu về đón Khiêm cung.
Tường dâng sớ lên thỉnh an và
kê trình mọi việc. (Về cuộc bạo
động và kinh thành thất thủ xin
xem đầy đủ trong sử).

BUỔI VĂN NIÊN

Trải qua cơn tao loạn, bà Nguyễn Phước Thị lại trở về nơi hoàng cung, kéo lê tuổi già sống bên cạnh các bà Thái hậu. Lợi dụng chuỗi ngày nhàn rỗi này, bà lục soạn ký ức, đem những điều mắt thấy tai nghe mà ghi chép tất cả. Riêng về chiếc ngai báu mấy lần đổi thay: Đồng - Khánh, Thành-Thái rồi Duy-Tân ...

Một đời người sống trong cung nội. Bà đã mục kích cái cảnh cốt nhục tương tàn của các ông hoàng cùng sự lên xuống trải mấy triều vua.

*Ngẫm cơ tạo hóa khôn lường,
Trải xem trị loạn lẽ thường
xưa nay.
Thịnh suy thế vận lần xoay.*

★ DANH-NGÔN

★ *Phải yêu đời mà không sợ chết* .(Aimer la vie sans craindre la mort).

DESCARTES

★ *Rốt cuộc rồi lý-trí phải có lý* .(La raison finira par avoir raison)

D'ALEMBERT

★ *Lamennais kết án những kẻ lãnh đạm với cha mẹ* : "Kẻ nào bỏ-bê cha mẹ trong cảnh thiếu-thốn, kẻ nào thờ-ơ lãnh đạm trước sự khốn-khò của cha mẹ, thì tên kẻ đó sẽ được ghi trong cuốn sổ của vị Quan-tòa tối-cao, cạnh những kẻ sát nhân, giết cha mẹ"

LAMENNAIS

*Non sông như cũ đời thay
khôn cùng.*

(Hạnh thực ca)

Năm Thành Thái thứ tư (1.892), cảm công lao khó nhọc của bà, đức Từ Dụ tấn phong làm Tam Giai Lễ Tàn. Tháng 11 năm Duy Tân thứ ba (1909), bà mất, hưởng thọ 80 tuổi, để lại cho sử nhà một tài liệu vô cùng quý giá : cuốn «Hạnh thực ca.»

(1) Trong hai câu này có tên Thuyết và Tương đối nhau rất hay.

(2) Tài liệu rút trong cuốn : Văn học sử V. N. Hậu bán thế kỷ của Nguyễn Tường Phượng và Bùi hữu Sùng, Việt-Nam Văn Học sử yếu của Dương Quảng Hàm. Hạnh thực ca của Trần trọng Kim.

TRUYỆN VUI

CON QUỈ CÁI

PHƯƠNG-THÀNH

X Ô M Ô-môi ở về phía tả kinh Xáng - Phong—Mỹ Tháp - Mười, cách bờ kinh độ 7 ngàn thước. Muốn vào xóm phải đi theo một con đường mòn dọc theo bờ kinh nhỏ chỉ vồn-vẹn cho chiếc xuống «cui».

Đời sống nhân-dân vùng này rất bình - dị, mộc - mạc như luống đất cày. . .

Mùa nước, Đồng-Tháp ngập như biển, dĩ-nhiên xóm Ô-môi cũng ở trong tình - trạng lênh-bênh ! Cỏ, lúa, thì nhau mọc, vượt lên khỏi mặt nước, cổ tranh sống cùng ngọn thủy triều. Cái cảnh :

*Muỗi kêu như sáo thổi,
Đĩa lênh như bánh canh.*

lắm lúc làm cho tôi khó chịu, bức mình nhưng dần dần quen.

Sự sống nhàn-hạ, lâu lâu chống xuống đi hái bông súng, gương sen, tôi cho là cái thú thanh-tao nhưt như trong thơ của Nguyễn-Hằng hay Nguyễn-bình-Khiêm.

Nhưng chống xuống không phải là dễ đối với kẻ như tôi từ trước tới nay không hề biết cầm cây sào, thành-thủ tôi lúng-túng, vụng-về. Có khi suýt ngã xuống nước... Ở đời : không có gì dễ mà cũng không có gì khó. Tôi chống mãi thành nhuần.

Một buổi chiều, cơn nước xong, tôi chống xuống ra « đĩa sen ». Xuồng lạng-lẽ lướt trên lúa, tạo thành một âm-thanh «rào

rao. Đứng bên sau lái xuồng, nhìn ngọn lửa rập hai bên, lòng tôi kiêu-hãnh.

Trời càng về chiều, bóng vàng càng bàng-lãng ! Hoàng-hôn nhẹ phủ lên biển lửa mênh-mông. Ánh sáng yếu-ớt còn vương trên cách đồng cỏ, lúa xanh rờn ! Bóng tôi, đứng trên xuồng, càng dài thêm, in trên màu lúa xanh một nét đậm. Nhìn xuống nước, tối lờ-mờ. Một con rắn lộn qua, mặt nước rung-rinh, như mảnh gương vỡ ! Vài con đĩa đen sì, lẳng-quảng rờn-rợn !

Muỗi đã bắt đầu tập-trung trong đám cỏ dày, tiếng vo-ve mỗi lúc mỗi rõ... Xa xa, làn khói thông-dong, quện lên một màu trắng đục và tan dần trên nền trời xanh nhạt không gợn một bóng mây. Thấp-thoáng, bác rông dân cắt cỏ, hối hả chống xuồng về xóm vắng ..

Ngọn gió chiều, mang cái hương-vị mát dịu của đồng quê, thổi vào tâm hồn tôi một thứ sinh-khí nhẹ-nhàng thư-thải... tưởng chừng như không còn bị gò bó trong cảnh mưu-sinh chật-vật !

Hái được ít gương sen mủm-mím, tôi trải nóp nằm trên xuồng, nhai hạt sen non, ngắm trời nước

bao-la, hy vọng một cảnh thanh bình thật sự.

Con muỗi bắt thần chích, tôi giật mình, cánh tay cử động... Tôi chui vào nóp, ngủ thiếp đi lúc nào không biết...

Giật mình thức giấc ! nhìn về phía nhà : đèn đuốc sáng trưng, xuồng bơi tới tấp, tiếng kêu, hú, ới ới. Tôi hoảng hồn, nằm im, lâu lâu ngóc đầu lên dòm. Khi tiếng ồn ào càng xa, ánh đuốc càng mờ, tôi len lén, chống xuồng nhẹ nhẹ về nhà. Tôi không dám lên nhà vội, cần thận nằm dưới ghe «cui» đậu sau hè, nghe ngóng tin tức. Thời giờ nặng nề qua. Tôi hồi hộp .. nghe cậu tôi thở ra và chắc lưỡi :

— Thằng ! không biết nó đi đâu, làm lờn ớn cả xóm.

Tiếng vợ tôi đáp :

— Còn anh Tư, thằng Cốp, anh Hai chống xuồng kiếm nát nước mà không thấy.

Cậu tôi hút nốt điếu thuốc, ngồi dậy bỏ tàn, thông thả nói :

— Người ta bảo rằng ở đây có con quỷ cái, gần cây gạo «mọt».. Nó dữ lắm, thường trấn nước những người đi cắt cỏ đêm — Từ khi có nó đến giờ ít ai dám

đi cắt cỏ hay lượm củi khuya nữa ! Cậu lo quá !

Vợ tôi tỏ vẻ không tin :

— Họ nói nhảm ! Chớ đâu mà lộng quá vậy cậu ? Cậu coi nhà, đề con đi kiểm lần nữa. Cậu tôi lo ngại, bảo :

— Khoan con, đề anh chị Tư con về rồi sẽ hay.

Vợ tôi hỏi :

— Anh chị Tư và mấy người đi kiểm sao lại chống xuồng ra ngoài vàm mà không chống xuồng vào lúa hồ cậu ?

Cậu tôi mỉm cười, giải thích :

— Anh chị Tư con và mấy người lối xóm sợ chổng con bị «quỉ cái» trấn nước nên chống xuồng ra ngoài vàm cầu ông «mun» hỏi thăm.

— Ông «mun» là ông gì hồ cậu ?

Cậu tôi ngần-ngại khó giải thích với câu hỏi đột-ngột :

— Cậu cũng không biết, chỉ nghe họ kêu ông «mun» thì hay vậy ! Họ lại bảo ông «mun» linh lắm : mười chuyện ông nói trúng mười !

— Chắc người trong xóm tin-tưởng lắm hả cậu ?

— Người ta tin ghê lắm ! Tôi nằm dưới nghe này giờ, nghe câu chuyện đối đáp giữa

vợ tôi và cậu tôi mà bất tức cười. Tôi lại «giật mình», không phải tôi sợ «quỉ cái», hay tin-tưởng ông «mun» khám phá sự thật của tôi, mà «giật mình» cho vấn-đề đi chơi của tôi trở nên quan trọng.

Bây giờ, phải đổi phé cách nào cho khỏi mịch lòng anh chị và lối xóm. Nếu đề lộ «tây» thì «ê» quá ; Tôi đang tìm một lối thoát cho «ồn». Tôi suy nghĩ : Ba mươi sáu kế không có kế nào hơn, tôi phải đóng kịch. Tôi mỉm cười khoái chí... nhưng vẫn chưa tin hẳn nơi tài bộ kịch-sĩ của mình.

Lỡ rồi ! Phải ráng chứ sao ! Lòng tự nhủ lòng như thế.

Tôi lặng lẽ nhảy xuống xuồng, lẹ làng chống ra sau hè độ 20 thước, đậu đó. Tôi vò đầu, thả nước vào quần áo, nghiêng xuồng nhận nước... Tôi không quên «vây vò» chiếc nóp cho «như tử» như trải qua một cuộc vật lộn kịch liệt !

Tôi dòm vô hướng vàm.., và chờ đợi...

Đèn đuốc ngoài vàm đỏ rực, mờ nổi lên từng hồi. Con kinh nhỏ hẹp, xuồng chống nổi đuôi, càng ngày càng gần và tiếng người bàn tán nghe rõ mồn-một.

Giọng oang oang như chuông
bè, than phiền :

— Từ khi có con “quỉ cái”
xuất hiện thì mùa nước năm nào
cũng náo động xóm làng !

Người khác, giọng rè-rè như
ngây ngủ :

— Xác “ông” nói sao chứ Ba ?

Người trước trả lời :

— Ông bảo : Thăng “Nam”
đang bị con “nữ” trấn nước,
phải cấp tốc đi cứu, nếu trễ thì
sẽ “tán mạng”.

Tiếng khàn khàn của ông già
Năm chen vô :

— Ông “mun” linh lắm. Ông
nói đâu, có đó ! Anh em nên tận
tâm cứu Dượng Bảy nó tội
nghịch !

Thăng Cọp — con ông Năm —
cãi lại :

— Ông nói vậy, chớ tôi tin
rằng Dượng Bảy không sao đâu ?

Ông Năm bất mãn, nạt thăng
Cọp :

— Mầy láo cá ! Đừng động
chạm tới Thánh thần ! Cụt hứng
thăng Cọp im thin thít.

Không ai bảo ai, họ cố sức
chống, chèo.

Đức tin là một sức mạnh phi
thường, giúp họ nỗ lực và xung-
phong trong mọi công tác khi đức

tin đó đã mọc rễ. Tôi cảm động
nhìn những con người lực lưỡng
đang làm việc theo một tư tưởng
vụ vỡ thiếu nhận xét, dưới những
cây đuốc đỏ rực.

Gần đến nhà tôi, họ tự phân
công do ông Năm chỉ huy :

— Thăng Tư và thăng Phồ đi
ngà “Đĩa sen”,

— Thăng Cọp và thăng Tân
đi hướng “cây gáo một”

— Tôi và thăng Khiết đi về
phía Kiềm Điền Ngăn. Báo hiệu
bằng tiếng hú.

Sau cùng, ông khuyến khích :

— Các em ráng, cứu người
sống hơn đồng vàng !

Rồi họ rập nhau, mỗi người
mỗi ngả, xuống lướt vùn vụt trên
lúa.

Tiếng người thừa thốt, ánh
đuốc lập lòe trong không gian mờ
mịt ...

Tôi lẹ làng chống xuống vào
nhà. Đầu bù, tóc rối, mặt mày hơ
hải, quần áo ướt át, hơi thở hỗn
hển, tôi nhảy lên sàn nhà không
kịp buộc dây.

Vợ tôi nghe tiếng động, ngó
ra :

— Anh !... Cậu ơi ! Anh về
nè !...

Cậu tôi đang nằm, lồm cồm
ngồi dậy, mừng quýnh :

— Trời ! con ... đi đâu ... mà
làm xôn xao cả xóm ? Ủa ... sao
ướt mem vậy ?

Tôi càng thở hỗn hển như trâu
bị cắt cổ, nằm chúi xuống văng ú
ô như kẻ vừa thoát nạn :

— Con ... con bị quỉ ... cái
trấn nước !

Cậu tôi và vợ tôi hét hồn,
xúm lại lo, thoa dầu và lau
mình cho tôi. Tôi nằm, nhắm
mắt và thì thầm kể lại :

«Hồi chiều như có sức mạnh
vô hình nào xui giục, con
chống xuống ra mé “Đĩa Sen”
tìm chỗ cỏ rậm đậu, con nằm
ngủ quên... Thình-lình, có con
“quỉ cái” lại rù con đi chơi.
Con không đi, nó níu tay...con
trì lại... nó lôi... Sau cùng nó
hăm trấn nước... Con sợ bị trấn
nước nên đánh nó...

Tôi ngừng, lấy hơi thở, tiếp :

— Con quỉ dữ thiệt... nó lắc
chiếc xuống... con vớ được
thanh củi, đánh thật mạnh trên
chân nó nên nó biến mất...

Giả như mệt lắm, tôi nằm
im và ngủ thiếp đi...

Chị tôi cũng vừa về tới, cậu
tôi hối chị tôi cho lối xóm hay.
Họ hú báo hiệu nhau.

Năm phút sau, tiếng người

và bóng đuốc đã gần, cậu tôi
hấp tấp ra đón :

— Nó về rồi Tư ơi !

Tiếng xuống rẽ nước, tiếng
sào khua, tiếng người xì - xào
làm át cả giọng rung rung của
ông già. Cậu tôi cao giọng :

— Thăng Bảy nó về rồi Tư à !

Anh Tư tôi lộ vẻ mừng,
những người khác đồng thanh :

— Ồ ! may quá !

Tất cả đều vui mừng giữa
những cây đuốc bập-bùng hoan-hỉ.

Thăng Cọp chỉ chờ cơ hội,
xì hơi :

— Đó, tôi biết lắm, Dượng
Bảy có sao đâu ?

Ông Năm lờm nó, nó lơ đi...
nhưng lòng hậm hực.

Họ buộc dây xuống, lên nhà
chặt núc. Họ xúm lại chỗ tôi
nằm.

Cậu tôi sợ họ phá sự yên-tĩnh
của tôi, nên dịu giọng :

— Nó mệt, vừa nằm yên.

Rồi, ông bắt đầu thuật lại
trường-hợp của tôi cho mọi
người nghe.

Họ thờ phì và nhiệt liệt tin-
tưởng :

— Đúng không ? Ông “mun”
linh lắm mà !

Riêng chú Cọp không nhích
mép...

Tôi vẫn nằm im, bất giác cười thêm trong khi họ lần lượt giải tan. Anh chị tôi không quên cảm ơn từng người và diêm nự cười xã-giao như thường lệ.

Suốt đêm ấy, tôi không hề chợp mắt, canh cánh bên lòng một nỗi băng-khoảnh. Lòng tự hỏi lòng : có nên nói toạc móng heo hay không ?

Sự dối trá vừa rồi đành rằng xấu, nhưng mục đích của nó là

giải quyết ổn-thỏa một vấn đề mà tôi không có cách nào tiện hơn, thì sự dối trá đó không đáng ngại. Nhưng đáng ngại nhất đối với những người thân trong gia đình, tôi tự thẹn với tôi.

Tôi tìm cơ-hội thuật kín lại cho cha, anh, chị và vợ tôi nghe.

Ca nhà đều chung-hưởng. Cậu tôi vuốt chòm râu bạc, mỉm nụ cười duyên dáng. mắng tôi :

— Mày là quỷ !

(Hè 1959)

* DANH-NGÔN

Sau khi đã cứu giúp một kẻ lâm nguy, khốn khổ mà ta thấy vui trong lòng và tinh-thần sáng-khoái, như vậy ta chưa hẳn là một người đạo-đức đâu.

Schiller (Thi-sĩ Đức)

* HỒI-HẬN

Nói về sự hồi-hận, trong vở kịch MACBETH của Shakespeare, (Đại kịch-sĩ Anh) nhân-vật Lady Macbeth không thể nào rửa cho sạch bàn tay đầm máu đã giết người : «Lúc nào cũng còn 1 cái vết... Lúc nào cũng còn mùi máu... Tất cả những chất thơm của xứ Arabie không thể làm cho sạch bàn tay bé nhỏ này được».

* DANH-NGÔN

Tôi còn sống thì không có sự chết ; khi chết đến, thì tôi không còn nữa (Tant que je suis, la mort n'est pas, dès qu'elle est, je ne suis plus).

VOLTAIRE

XÃ GIAO

★ CÔ BÌNH MINH



NÓI ĐIỆN THOẠI

DIỆN thoại là một trong những lợi khí của văn minh khoa học. Như vậy, người dùng điện thoại cũng nên có một phong độ văn minh. Mình nói chuyện với người ở bên kia giây nói, cũng nên lịch sự, nhã nhặn như mình nói chuyện ngay trước mặt người ta. Cầm máy nói lên rồi nói liền :

— «Có phải ông X đó không?» là một lối nói mà ai cũng phải cho rằng kém lịch sự. Trái lại, nếu mình nói :

— «Thưa ông, tôi muốn nói chuyện với ông X», thì dĩ nhiên lời nói ấy thanh nhã hơn. Nhiều người cầm máy nói gọi điện thoại

viên ở Bưu Điện :

— «Cho tôi số. . . ., Saigon»
Già sử người ấy nói :

— « Cô làm ơn cho tôi số. . . Saigon» hoặc :

— «Xin cô số. . . . Saigon», thì có phải là nhã nhặn hơn không ? Cũng như người ngoại quốc nói trong điện thoại :

— « Donnez - moi le numéro s'il vous plait », hoặc :

— « Le Numéro..... s'il vous plait », hoặc :

— «No, please.

Người lịch sự bất cứ nói với ai, cũng luôn luôn dùng những tiếng : Xin cô, xin ông, cảm ơn cô, cô làm ơn, v.v...

Lời nói đã không mất tiền mua, thì ta hà tiện gì mà không trao đổi những lời êm dịu, thanh tao, dù là với người lạ hay người quen cũng vậy. Thường có một

số người khi nói xong điện thoại liền bỏ máy xuống, không hề có một lời từ giả. Một số người khác lại nói điện thoại nhỏ quá, bắt buộc người nghe phải hỏi đi hỏi lại hai ba lần. Trái lại có một số người nói thật to như gào thét vào lỗ nhĩ làm nhức tai nhức óc người nghe. Như thế là kém lịch sự. Nhiều điện thoại viên ở các văn phòng lớn, công sở và tư sở, thường nói với người đối thoại bằng những lời hằn học, cụt gùn hoặc nói đứt câu chuyện rồi dăng mạnh ống nói xuống làm cho người đối thoại có cảm tưởng không tốt về mình.

Thỉnh thoảng, một tiếng chuông reo, mình cầm máy nói lên nghe, có tiếng nói :

— «Thưa Bà, có ông X..., muốn nói chuyện», mình trả lời :

— «Vâng, tôi nghe đây», rồi cứ cầm máy chờ miết 10 phút sau mới có tiếng nói. Ông X.... đó thật là kém lịch sự vậy. Vì thế nên mình đã cầm máy định nói chuyện với ai, thì phải nói ngay đừng để người ta chờ.

Nhân tiện đây, cũng nên nói qua về thái độ rất bất nhã của

một vài điện thoại viên ở một vài nhà Buu - Điện. Có nhiều khi chúng ta có việc gấp muốn gọi điện thoại, nhưng đến khi xin các Điện thoại viên số tự động, thì chúng ta phải chờ đến 10 phút mới nghe một tiếng trả lời yếu ớt :

— «Allo», hoặc những câu cộc lốc như :

— «Bà muốn gì» v.v...

Ở các thủ đô lớn như Paris, Londres, New-York v.v... có đến hàng triệu máy nói, các điện thoại viên bận rộn biết bao nhiêu, nhưng họ vẫn luôn luôn sốt sắng trước bảng điện thoại của mình và nhã nhặn với các thân chủ điện thoại, mặc dầu lúc ấy là 12 giờ trưa hoặc 3 giờ sáng.

Hiện nay nước Việt Nam chúng ta đang còn học hỏi những cái hay cái đẹp của các nước văn minh tân tiến, tôi thiết tưởng chúng ta cũng nên áp dụng các cách xã giao của họ trong việc xử dụng máy nói. Đó là một việc mặc dù rất nhỏ nhặt song không kém phần đề cao tư cách văn hóa của chúng ta.

B. M.

NORTON I

TỰ XƯNG

HOÀNG-ĐẾ

★★★★

NƯỚC MỸ

★★★★

THƯA các bạn, chuyện tôi sắp kể sau đây là một chuyện đặc biệt Mỹ. Vì chỉ có kỳ cục và lý thú như thế này. Các bạn cũng biết rằng cái xứ mà người ta gọi là «Tân Thế Giới», trước kia, hồi thời Christophe Colomb, chỉ là một xứ Mọi da đỏ, sau thành thuộc địa của Anh, mãi đến giữa thế kỷ XVIII, dân địa phương (tức là đa số người Anh di-cư lập nghiệp lâu đời ở đây) nổi dậy

chống chính-phủ Anh-quốc, và dựng cờ độc-lập, thành lập Liên-bang Huê-kỳ theo chế-độ Cộng-hòa cho đến ngày nay. Tuy nhiên nước Mỹ chưa bao giờ có một vị Vua chúa nào cai trị cả.

TÂN PHONG Thế mà vào khoảng giữa Thế kỷ XIX, nói đúng hơn là từ năm 1859 đến 1880, Hoa-kỳ đã có một vị «Hoàng-đế» ! Thế mới lạ ! Một vị «Hoàng-đế» lấy niên hiệu là NORTON THE FIRST, EMPEROR OF AMERICA

(Norton đệ Nhứt, Hoàng-đế nước Mỹ). Cũng như kiều vua Marie Ier, quốc vương Sédangs ở Việt Nam vậy. Cũng như Jacques Ier, vua xứ Sahara, của Pháp!

Nhưng chuyện "Hoàng-đế Norton I", vui hơn, tức cười hơn và lý thú hơn nhiều. Tôi xin kể lại lịch và "lịch-sử" của ông "Hoàng-đế" này theo các tài liệu sách báo Anh, Mỹ, Pháp, của Viện Viễn Đông Bác Cổ.

Đây là một chuyện có thật. Cái anh chàng phiêu-lưu hoàn-toàn vô-tội này được tôn làm "Hoàng-đế nước Mỹ", trong một trường-hợp ngẫu nhiên lạ lùng. Có điều lạ nhất là dân chúng Mỹ vẫn vui-vẻ " ủng-hộ " chàng, " hoan-hô " nữa là khác, và nhiều bậc Vua chúa trên Thế-giới, như Anh-Hoàng, Pháp-Hoàng, Nga-Hoàng, vẫn biết tiếng anh ta và giao-thiệp tử-tế.

Một vài quyển sách, vài tờ báo Mỹ, Anh, Pháp, có ghi chép lại lịch-sử và cuộc đời phiêu-lưu buồn-cười của Norton đệ Nhứt, Hoàng-đế nước Mỹ, một ông Vua độc-đạo trên Thế-giới, có danh-vị mà không có đất-đai, không có ngai vàng.

Ta hãy trở lại xứ Huê-kỳ vào

khoản năm 1859-1860. Huê-kỳ lúc bấy giờ vừa được thành-lập chưa bao lâu, và chưa được phát đạt hùng cường như ngày nay.

Tại SAN FRANCISCO, một thành-phố mới mở, và có tiếng là nơi có nhiều mỏ vàng, đang hấp-dẫn vô-số người phiêu-lưu các nước đến đây lập nghiệp. Đó là thời-kỳ " La Ruée Vers l'or ". (Chạy đi tìm vàng) mà Hê Charlot đã diễn-tả vô cùng khéo-léo trên màn-ảnh câm.

Đó cũng là thời kỳ mà ở bên Pháp, có chàng Văn-sĩ Alexandre Dumas fils, con trai của tác giả bộ truyện " Ba chàng Ngự-lâm pháo-thủ ", đã viết quyển sách mỏng tựa đề là " Lịch sử xổ số " — Histoire de la Loterie — đề lấy tiền giúp hàng nghìn người Pháp thất nghiệp sang Mỹ tìm vàng ở San Francisco.

Dân chúng ở thành phố San Francisco lúc bấy giờ gồm những kẻ phiêu lưu, bịp bợm, hoặc điên khùng, loạn óc, xen lẫn với các nhà tân triệu phú, các nhà kỹ nghệ, doanh nghiệp, thương mại, hầu hết là ở các xứ bên Âu Châu di cư sang làm ăn.

Vì vậy, San Francisco đã thành nơi gặp gỡ của anh hùng và gian

hùng tứ xứ, tụ hợp lại để xây dựng đời sống mới ở một vùng mới lạ, trước kia là hoang địa. Dân chúng hồ hởi đó bỗng trở thành những người mới, rất vui vẻ, niềm nở, dễ thương, hào-hiệp và sẵn sàng xung vào những công việc liều lĩnh, mạo-hiêm, thích hợp với bản tính phiêu lưu của họ.

Trong số người di cư đó, có một chàng tên là ZOSHUA NORTON, nghiêm nhiên được đa số dân chúng coi như một vị anh hùng mã thượng, được lòng mến thương của người giàu cũng như người nghèo, được mọi người đóng góp tiền để phụng-dưỡng, được Hội - đồng Thành-phố kính nể và tặng tiền phụ-cấp, được nhà cầm-quyền mời dự các cuộc lễ long-trọng, và hơn nữa, được dân chúng vui vẻ công nhận làm một chức vị hiếm có : Hoàng-đế nước Mỹ!

Người hơi lùn, bộ tịch gần giống như Vua Louis XVIII của Pháp, nhưng gầy ốm hơn, anh mặc áo redingote mà vạc trước dài xuống quá đầu gối. Trên nút áo trước ngực, anh gắn một bông hoa đỏ. Hai vai đeo

hai épaulettes bằng kim - tuyến vàng rực, quần có hai sọc đỏ hai bên, mũ nỉ đen bóng lộn, theo kiểu haut - de - forme của người quyền-quý Âu-châu lúc bấy giờ, nhưng phía trên có cắm một chùm lông đà-diều (autruche) giống như ông Hoàng-đế thật sự, và bên hông đeo một thanh gươm dài... Hôm nào trời mưa thì anh che một cây dù ba màu. Anh để râu cá trê và một chòm râu cằm phất-phơ, như Hoàng - đế Napoléon III của Pháp. Coi bộ vó của anh cũng oai lắm, và hằng ngày anh đi dạo chơi các phố với bộ y-phục đế-vương luôn luôn như thế đó. Người ta thường gặp anh nhiều nhất là trên đường Montgomery Street, một đại-lộ đông-dúc cũng như đường Tự-do hay đường Lê-Lợi ở Sài-gòn vậy. Nhiều người gặp anh, bắt tay hỏi :

— Thưa Bệ-hạ, Ngài được khỏe mạnh ả ?

Anh nghiêm-nghị đáp :

— Cám ơn. Trăm vẫn khỏe mạnh. Nhà người cũng thế chứ ?

(Còn nữa)



★ CÔ PHƯƠNG - THU

Thề theo lời yêu cầu của đa số bạn đọc phụ nữ khắp nơi gửi về, từ nay mỗi kỳ chúng tôi sẽ lần lượt thay đổi trong mục gia chánh Phở Thông các thực đơn thường ngày của ba miền Trung, Nam, Bắc. Cũng như những kỳ rồi, Bà Thường-Lạc đã trình bày về các thức ăn ở miền Nam. Lần này, Cô Phương-Thu sẽ phụ trách về các món nấu ăn Huế, và rồi đây chúng tôi sẽ đăng những bài về các món ăn Bắc để hầu đáp lại thịnh tình của quý bạn đọc Phụ-nữ.

PHỞ-THÔNG

• CHẢ HEO

VẬT LIỆU :

- 500 grs thịt heo nạc.
- 2 muỗng cà-phê mỡ
- 1 cái trứng vịt (lấy lòng trắng)
- 2 muỗng cà-phê nước mắm
- 1/2 muỗng cà-phê đường

Nửa muỗng cà-phê muối
1/4 muỗng cà-phê tiêu
1 múi tỏi, 1 củ hành.

CÁCH LÀM :

Thịt rửa cho thật sạch, xắt lát bỏ vào cối, trộn vào chút muối, quết cho thật nhuyễn, bỏ tiêu, hành, nước mắm, đường cát trắng, mỡ và lòng trắng trứng vịt, dùng dũa lòng đỏ, trộn cho đều, xong lấy lá chuối sứ lau sạch, hơ lửa cho mềm, vuốt đều mặt lá rồi bỏ thịt vào lá gói tròn lại giống như gói đòn bánh tét. Cột lạt cho đều, chắc.

Nấu nước sôi rồi thả đòn chả vào luộc độ chừng nửa giờ thì chả chín. Vớt ra để nguội ăn mới ngon.

• CHÈ BẮP

VẬT LIỆU :

Bắp trái thứ còn non
Đường cát trắng.

CÁCH LÀM :

Mua bắp non trái, lột vỏ rửa sạch, xong lấy dao sát thật mỏng sát gần đến cùi thì thôi để chừa mảy bắp lại. Múc soong nước, bỏ cùi bắp vào luộc, chín rồi, đổ nước xuống lấy đồ lọc nước cùi ấy mà đổ qua cái soong khác và đồ bắp đã sát rồi vào, bắt lên bếp nấu (dùng nước luộc cùi chè mới thơm, ngon).

Lúc bắp sôi, nhớ lấy đũa khuấy luôn, đều tay. Nếu không, bắp sẽ sít ở phía dưới soong, cho lửa vừa vừa dùng đồ làm chè sẽ bị khô, cháy. Độ chừng non nửa giờ thì bắp chín lên. Lúc ấy mới đổ đường cát trắng vào chờ cho sôi lại độ năm phút hãy xuống.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU



BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

IV

Cô làm dữ với y-sinh, nói năng nhiều lời khiếm nhã. Thế rồi, thuốc, chẳng chịu uống, lời khuyên-cáo chẳng đề vào tai, cô kháng-khàng một đi, không chịu cải-biến cách sinh-hoạt, và cứ giữ nguyên, chừng nào, tạt ấy.

Ở bên ngoài, cô ta giao-du với một số khá đông những thanh-niên nam, nữ. Lũ bạn này bám riết lấy cô ta, để huy-hoặc không

biết bao nhiêu tiền của cô ta và lôi cô ta vào toàn những việc ngang trái, cùng là những tai-họa.

Có một lần, cô ta bị một bọn vô-lại nhốt ở trong một căn phòng lữ-quán. Cô ta phải leo qua cửa sổ để trốn, thoát. Ba ngày liền, cô chẳng bén-mãng về nhà ; cô ở lì nơi lữ-quán, và bán hết đồ nữ-trang đi, để tiêu-sài ; cô làm cho cha mẹ cô rất đổi hoảng-sợ, lo-âu.

Đến nay, cha mẹ cô nghe theo

chủ-trương của y-sư Xa-lạp-Mỹ mà tìm một người để bảo-hộ cô, ngày đêm đi theo cô, khuyên nhủ cô, để dần-dần lối cô trở lại sự sinh-hoạt bình-thường. Bởi vậy mới có việc chiêu-khảo mấy tháng trước đây; và cái viên trợ thủ được tuyển-dụng đó tức là tôi vậy.

Trong bữa ăn, sau khi kể hết đầu cua, tai heo, cho tôi nghe, y-sư Xa-lạp-Mỹ mới ân-cần dặn-dò tôi :

— Đến đó, tiên-sinh phải hết sức khéo-léo, đừng để cho cô ta rõ sự quan-hệ giữa tôi và tiên-sinh và, thứ nhất, tiên-sinh phải làm sao cho cô ta đừng ngờ rằng, tiên-sinh đến để chữa bệnh cho cô ta. Y-sư lặng yên giây lát, uống một ngụm cà-phê, rồi lại nói tiếp :

— Để dễ bề biến-chế, thế tất tiên sinh phải nói rằng, thân-phụ cô đã thuê tiên-sinh đến chỉnh-dốn lại, các sách ọc của gia-đình. Ấy thế rồi, dần-dà, tiên-sinh sẽ tìm cách để gần cô ta, mà bắt thân vớ cô. Tiên-sinh phải hết sức lấy lòng cô ta, để cô ta tin-cần. Tôi sẽ ra dần chỉ-thị cho tiên-sinh để chữa bệnh cho cô ta. Đối với sự trị-liệu, thì việc cần trước tiên, là sự nghỉ ngơi. Cô ta có chịu nghỉ ngơi, không quấy phá, thì bộ thần-kinh của cô mới an-định và không bị căng thẳng nữa. Thế là xong được bước đầu. Đến bước thứ hai, phải đưa cô đến tĩnh-dưỡng ở một bờ bể hay một nơi thôn-dã.

Đợt thứ nhì đó xong-xuôi, ta mới sẽ dùng tới thuốc tiêm, tới y-sinh cũng là khán-hộ. Xong đợt thứ nhì, là tiên-sinh đã hoàn thành trách-nhiệm của tiên-sinh.

Từ trước tới sau, tôi chẳng hề thốt ra một lời nào. Tôi chỉ yên lặng nghe y-sư Xa-lạp-Mỹ căn-dẫn. Sau, y-sư lại nói :

— Thế nào ? Tiên-sinh có bảo, hai bữa nữa, tiên-sinh mới đi, sao ?

— Thưa vâng.

— Được. Nếu vậy, thứ tư, tiên-sinh mới dời khỏi nơi đây, vậy, tới bữa thứ Ba, vào hồi chín giờ, tiên-sinh đợi tôi ở bệnh-viện, tôi còn có việc nữa để nói với tiên-sinh.

Sở dĩ, tôi ở nán lại đây, là vì tôi còn muốn xem sự phản-ứng của ông già bệnh-nhân của tôi ra sao ?

Ngày hôm sau, tôi, một mình, lững-thững đến công-ty Bách-hóa, mua hai bộ quần-áo trẻ con, và sau đó, đem tất cả đưa cho lão-bệnh-nhân của tôi. Ông ta vui-vẻ bảo tôi :

—Ồ thế ra, chính ông, ông cũng tin rằng thằng con tôi nó đã có con rồi sao ?

— Cái đó đã hẳn như vậy. Hẳn có con, mà ông là một vị tổ-phụ, cố nhiên, ông phải sớm-sớm dự-bị mấy thứ quà này, cho đứa cháu nội chứ !

Tôi thấy ông ta rất dồi cao-hứng cầm mấy bộ áo quần cất đi. Tôi liền cáo từ ông ta.

Đến ba hôm sau, sáng sớm, tôi dời khỏi y-viện, tâm-tư sáng-khoái vì tôi yên-trí rằng lão bệnh-nhân của tôi đã được bình-tĩnh như thường. Giá vì thử, tôi cứ được làm việc ở đây và thỉnh-thoảng, tôi có thể làm thỏa-mãn một vài cái dục-niệm cồng-con của ông già này, tôi tin chắc rằng, chỉ trong một thời-gian chẳng lâu-la gì, những nỗi kết-uất trong lòng ông ta, sẽ dần-dần giải-trừ và tiêu-tán đi. Nhưng tiếc thay, công việc của tôi đã xoay đi một chiều khác. Thế là, tôi bắt buộc phải đến gia-đình « Thê-tư-lăng ». Tối hôm trước, y-sư Xa-lạp-Mỹ đã trao cho tôi một phong thư đề giới-thiệu tôi ; vả, hồi trưa hôm đó, y-sư cũng đã hội-diện với ông Thê-tư-lăng và đã cùng ông ấy, đàm-luận, về việc tiếp tôi. Tôi sẽ, chỉ một mình, đến biệt-thự của ông ấy, vào buổi sáng, trong khi ông ấy sẽ ở nhà chờ tôi.

Một giờ trước khi khởi-hành, y-sư lại gọi tôi, dặn thêm một vài điều. Y-sư đĩnh-ninh bảo tôi cố làm ; làm sao cho tiêu-thư Thê-tư-lăng đừng đổ-ky tôi, vì, như vậy, tôi sẽ khó bề hoàn-thành được trách-nhiệm. Bất cứ có việc gì khó giải-quyết, tôi phải lập-tức đánh điện-thoại cho y-sư, và, mỗi tuần cứ vào ngày thứ sáu, tôi phải đệ-trình một bản trần-tình cặn-kẽ, để y-sư kiểm-duyet.

Đây là một tòa biệt-thự ở vùng

ngoại-ô thành-phố Ba-Lê. Bước qua một cái cổng sắt, ta thấy một dãy nhà thấp, ở giữa có bọc thêm đá. Đứng ở đây, ta có thể nhìn rõ những nóc nhà ở phía sau, nhưng, khi đi tới, thì những kiến-trúc đó bị khuất hẳn. Cứ ở thêm đá đi sâu vào, trước mắt ta, là một con đường khá rộng, hai bên cây cối um-tùm, mùi hương thoảng ra ngào-ngạt. Mấy chiếc ghế đá đã được đặt dưới các lùm cây, chiếc ăn, chiếc hiện. Thế rồi, ta đi tới một cái hồ nhỏ, giữa hồ có vôi rồng phun nước và một pho tượng thần luyến-ái « Cupidon ». Con đường vây chung quanh hồ rồi chia ra làm nhiều ngánh đi ra các nơi ; hai bên đường có đề rải rắc rất nhiều tượng đá.

Người dẫn lối cho tôi, dẫn tôi đi thẳng đến một cái rừng cây nó cơ hồ như ngăn đường của chúng tôi ; nhưng không, đường vòng quanh rừng cây, mỗi đoạn có một cây cột đèn bằng sắt đúc, hình dáng tuyệt cổ-nhĩa. Ở đây, đường lại chia ra hai ngã, mỗi ngã đều đi theo ven rừng cây. Đi hết đường vòng mới nhận ra, đó là một sở vườn cực lớn, hình tròn. Ngánh nhìn về phía trước, tôi đã thấy cái biệt-thự chính, đứng sừng-sững ở trước mắt. Đằng trước biệt-thự, lại có một hoa-viên rất trang-lệ, vôi đủ thứ kỳ-hoa, dị-thảo; hoa, cỏ, thì nhau tranh hồng, đoạt-lục ; thoảng nhìn, người ta có cảm-tưởng đó là một tấm thảm đủ muôn màu,

muôn sắc. Dọc theo lối đường đi, ở mỗi bên lề, đều có đặt rải rác, những ghế bằng cẩm thạch. Xa, về phía hữu, có một lùm ba cây đại-thụ, dưới bóng rợp, có một chiếc đu tiên. Bên tả, thì lại là một cái hồ cũng có vòi rồng phun nước. Thế rồi, mãi về mé hông tòa biệt-thự, là cả một thửa đất trồng cỏ xanh mượt, xen bằng ; tiếp với thảm cỏ, là sân vòng-cầu để chơi ten-nít ; rồi, cách đó chừng vài trăm bước, là một cái gò. Ở chân gò, có một lạch nước một đầu ăn thông ra cái hồ phun nước, một đầu đi thẳng đến chân tường giậu, để ra ngoài.

Ở phía tả của biệt-thự, có một hoa-phòng, xây toàn bằng kính. Đi qua hoa-phòng tiếp tới một dãy nhà có gác, sau, tôi mới rõ, đó là nhà để xe hơi cùng là nhà bếp. Phía sau mấy gian nhà này, là tàu ngựa ; cưỡi ngựa, tất do nơi đây, đi ra cổng.

Vườn hoa đều hoạch theo kiểu của người Pháp, còn thảm cỏ cùng gò đồng thì hoàn-toàn có một vẻ đặc Anh-cát-lợi. Tòa kiến trúc chính này, thực là tráng-lệ, duyệt-mục, mỗi thứ đều cân đối và tương-xứng với nhau.

Lối xây dựng này có cả một tiết-tấu của những kiến-trúc của triều đại Lô-dịch thập tử (Louis XIV). Nguyên-do, cái bất-động-sản, đó là một di-sản của nội-tô Thê-tư-lăng truyền lại. Không một nhà tư-bản nào ở Âu-Châu lại không ao-ước có một dinh-cơ

nguy-nga nhường ấy. [Đấy cũng là một đặc-tính của những tay cự-phủ ở Âu-tây, họ thế-tất, phải có một gia-trạch đồ-sô, trong đó có đủ, hồ, lạch, rừng cây, và hoa viên. Còn mấy nhà tư-bản ở Mỹ thì khác hẳn, những người này, chỉ ưa những kiến-trúc tân-thời, như vậy, không rõ có phải, vì họ không hề có những cấu tạo có tính-cách lịch-sử.

Nói tới người Trung-hoa, thì, trước đây, mấy nhà giàu có, cũng có một phong-thượng hiếu-cổ đấy, nhưng gần nay, như tôi được biết, họ đua nhau xây dựng toàn thị một lối kiến-trúc « nửa mùa », tây chẳng ra tây, tàu chẳng ra tàu, đó là những thứ tạo-tác đất tiền, nhưng vừa dơ-dáng vừa xấu-xí, nửa lừa, nửa ngựa, nó tỏ ra chủ-nhân ông những kiến-trúc đó, là cái hạng người vừa ngu-muội, vừa kiêu-hãnh.

(Còn tiếp)

CÙNG CÁC BẠN THÂN - MẾN

Một số đông các bạn ở ĐÀ-LẠT và SÀI-GÒN muốn tôi ra ứng-cử Dân-biểu Quốc - Hội. Vì không thể trả lời riêng từng bạn, nên tôi xin thưa chung rằng tôi không ra ứng-cử, và không có ý định tham-gia chính-trị.

Xin các bạn thông-cảm cho và thành-thật cảm-tạ các bạn.
N. V.

Mình ơi!

EM MUỐN MÌNH BỎ HÚT THUỐC

★ DIỆU.HUYỀN

— Mình ơi !
— Ơi.
— Sao Mình cứ hút thuốc hoài-hủy vậy, Mình ?
— Hút thuốc là một thú tiêu-khiên chớ sao.
— Hút thuốc mà tiêu-khiên cái nỗi gì ?
— Chớ Mình không nhớ mấy câu thơ trong quyển kịch LE FESTIN DE PIERRE, của THOMAS CORNEILLE :
*Quoi qu'en dise Aristote, et sa docte cabale,
Le tabac est divin ! Il n'est rien qui l'égale !*

Nghĩa là :
*Sá gì Triết-lý huyền-vi,
Thiên-liêng là thuốc, có chi sánh bằng ?*

Hay là :
*Mặc ai tiếng bắc tiếng chi,
Thuốc là huyền-diệu, có gì ngon hơn !*

— Mình chỉ ngại - biện đề bào-chữa cho điều thuốc của mình, chớ em thấy thuốc là một vật đáng ghét nhất.

— Sao Mình ghét nó ?
— Cứ mỗi khi Mình hút thuốc rồi Mình hôn em, là cái mùi thuốc làm em muốn sặc vậy đó. Nếu

em mà làm Tổng-Thống, em sẽ ký đạo-luật cấm hút thuốc. Ai hút thuốc sẽ bị giam ở Chí-Hòa.

— Minh cấm hút thuốc thì cũng đã muộn rồi, Minh à. Vì trước Minh, đã có bao nhiêu Vua chúa độc-tài đã có lệnh cấm hút thuốc! Ở Pháp, Vua LOUIS XIII cấm hút thuốc. Ở Anh, Vua JACQUES I xử tử những kẻ hút thuốc. Một vị quan-hầu của Vua, tên là RAW LEGH lên hút một điếu bị vua bắt gặp, liền đem ra chém đầu ngay tại pháp-trường. Ở Ý, đức Giáo-hoàng URBAIN VIII, năm 1628, ra lệnh cấm các giáo-sĩ hút thuốc. Vua Ba-Tur, ABDULA, truyền lệnh hễ ai hút thuốc thì lấy dao rạch một đường trên môi, ai hút thuốc mà cho khói ra lỗ mũi thì bị xẻo mũi! Năm 1650, NGA-HOÀNG ra lệnh người nào hút thuốc một lần thứ nhất bị đánh đòn, lần thứ hai tái phạm bị tội chết chém. Đó, Minh coi, nếu bây giờ mình làm Tổng-Thống mà mình ký nghị-định cấm hút thuốc thì Minh theo một chánh-sách quá lạc-hậu rồi!

— Minh chỉ được cái tài đem các chuyện lịch-sử ra mà chứng-minh. Em thì em cho hút thuốc là một việc rất đáng ghét, và rất có hại nữa.

— Xí! Hoàng-hậu CATHERINE DE MEDICIS bị bệnh sẽ mũi không có y-dược nào chữa khỏi, thế mà chỉ nhờ một nhúm bột thuốc lá của Đại-sứ NICOT ở Lisbonne đem về dâng cho ngài, ngài chỉ uống một thìa con bột thuốc ấy mà hết bệnh liền...

— Tại vì thời đó chưa có Aspirine, nên phải dùng bột thuốc lá. Chứ thuốc lá có chất Nicotine là chất độc chứ đâu, phải chất bổ?

— Minh nói thế là Minh không biết rằng tình nhân của Vua LOUIS XV là bà POMPADOUR, mỗi sáng ngủ dậy hút một điếu thuốc lá, nhờ vậy mà da mặt của bà hồng-hào và tươi rói, làm cho nhà Vua phải say-mê như điếu-đỏ.

— Đó chỉ là một vài trường-hợp hiếm có, chứ bột thuốc lá có chất bổ da bổ thịt gì sao?

— Anh chỉ cho mình biết rằng khói thuốc-lá là tăng-cường trí thông-minh của con người. Người nghiện thuốc lá, thường là người thông-minh xuất-chúng. Cho nên hầu hết các bậc-vỹ-nhân trên Thế-giới đều là những người ghiền thuốc lá.

— Mình kể cho em nghe coi.

— Này nhé, Hoàng - hậu

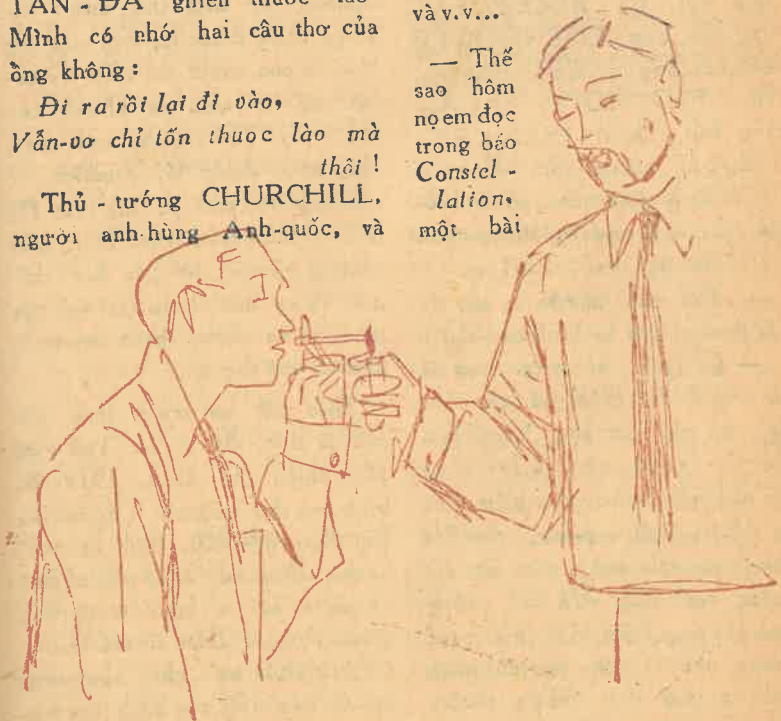
CATHERINE của Nga, mỗi ngày nhai 100 gờ-ram thuốc. Hoàng-đế NAPOLEON ĐỆ I lúc đi ra trận luôn luôn có hộp đựng thuốc trong túi áo gi-lê. Trên chiến-trường Austerlitz, ngài hút trên một trăm điếu là ít! Nhà Đại Thi-sĩ VICTOR HUGO viết 10 câu thơ là hút một hơi thuốc píp. Thi-sĩ VERLAINE, thi-sĩ RIMBAUD, là những tay ghiền thuốc và ghiền rượu. Thi-sĩ TẢN - ĐÀ ghiền thuốc Lào. Minh có nhớ hai câu thơ của ông không:

*Đi ra rồi lại đi vào,
Vấn-vơ chỉ tốn thuốc Lào mà thôi!*

Thủ - tướng CHURCHILL, người anh-hùng Anh-quốc, và

người đã thắng trận về-vang trong cuộc Đại-chiến vừa rồi lúc nào trên môi cũng ngậm một điếu xì-gà to bằng khẩu súng Bazooka. Đó là anh chưa kể Nữ - Hoàng ELIZABETH chuyên môn hút thuốc ang-lê... Nhà Bác-học EINSTEIN cũng là một tay tồ thuốc lá... CORNEILLE bi-kịch-sĩ, hút, MOLIERE hài kịch-sĩ cũng hút, BYRON hút, Nữ sĩ Nhật YOSANO hút, Nữ-sĩ Pháp DE NOAILLES hút v.v... và v.v...

— Thế sao hôm nọ em đọc trong báo Constellation, một bài



của MAURICE CHEVALIER từ-bỏ thuốc lá, vì ông hút thuốc lá bị khan tiếng ?

— Tại Chevalier là ca-sĩ, ông ta không muốn hút thuốc, để giữ giọng hát cho trong-trẻo.

Trái lại, MARLÈNE DIÉTRICH phun khói như đầu máy xe lửa, MARYLIN MONROË cũng ghiền thuốc lá Virginie, chồng của cô là Văn - sĩ ARTHUR MILLER cũng hút, Bà ROOSEVELT cũng hút, ông EISENHOWER cũng hút, ông NEHRU cũng hút, Nữ-sĩ FRANCOISE SAGAN cũng hút, Thi-sĩ JEAN COCTEAU cũng hút, Họa - sĩ PICASSO cũng hút... Trên thế-giới này ai là người thông-minh mà không hút thuốc đầu !

— Thế sao người ta nói là hút thuốc lá sẽ bị bệnh ung-thư ?

— Có một lần anh cũng đã hỏi ông BỬU HỘI về câu hỏi đó, thì nhà Bác-học Việt-Nam tìm-tìm cười mà trả lời rằng khi nào hút thuốc quá nhiều mới có thể bị bệnh ung-thư, chứ hút như anh mỗi ngày một gói thì không sao đâu. Vả lại, cũng theo lời ông Bửu Hội, hút thuốc không phải là một nguyên nhân sinh ra ung thư. Nhựa thuốc, nicotine, không phải là chất độc

sinh ra chứng bệnh ung thư, mà chỉ là một chất có thể thuận tiện cho sự xuất phát ung thư mà thôi.

— Em đọc báo thấy nhiều vị bác sĩ quả quyết rằng nhựa thuốc lá sinh ra ung thư.

— Nguyên do sự «phát-minh» này là năm 1952 các bác sĩ ở Viện Ung Thư New-York, và ở Trường Đại học Y Khoa Saint Louis có tuyên bố rằng họ đã thí nghiệm lấy một thứ nước rút trong nhựa thuốc lá, bôi một lớp trên da con chuột thì thấy trổ các vết ung thư trên da những con chuột ấy. Thế rồi họ quả quyết rằng nhựa thuốc lá, nicotine, có một chất độc sinh ra ung thư. Đó là khởi thủy cuộc tranh luận náo-nhiệt giữa các nhà bác học thế-giới về sự liên quan tai hại của thuốc lá và chứng bệnh ung thư, nhất là ung thư phổi.

Theo các bài tranh luận mà anh đã đọc, thì trước Thế giới Đại chiến thứ nhất, 1914-18, bệnh ung thư phổi rất ít người bị. Bắt đầu từ 1920, bệnh ấy mới bành trướng mỗi ngày mỗi nhiều, và gây ra sự lo ngại trong các giới Y học. Bác sĩ ALTON-OCHSNER nói chắc rằng theo cái đà tiến triển của bệnh ung thư hiện nay, thì đến năm 1970,

trong 10 người sẽ có 1 người bị bệnh ung thư phổi. Và theo tỷ-lệ thì cứ 10 người đàn ông bị ung thư chỉ 1 người đàn bà bị chứng bệnh ấy. Do sự nhận xét ấy, một số bác sĩ mới nghi ngờ ảnh hưởng nguy hiểm của thuốc lá, vì số người hút thuốc lá mỗi ngày mỗi tăng và đàn ông hút nhiều hơn đàn bà. Đàn ông từ 45 tuổi trở lên thường bị ung thư phổi. Thí dụ họ hút thuốc từ 20 tuổi, thì phải 20 năm nhựa thuốc đóng trong phổi mới có thể thành một địa điểm thuận tiên cho ung thư xuất phát.

Theo cuộc điều tra của nhà khoa-học thì phong-trào đàn-bà hút thuốc bắt đầu thịnh-hành từ năm 1920, và bành-trướng mạnh nhất từ 1930, thì cũng từ 1920, và nhất là 1930, số phụ-nữ bị ung-thư phổi lại tăng lên. Nhưng không nên căn-cứ theo những con số đó mà quả-quyết rằng ung-thư phổi do nhựa thuốc lá gây ra. Có lẽ đó chỉ là một ngẫu-nhiên thôi. Mình không nên dựa vào đó mà kết án thuốc lá...

Ông Tú nói đến đây, diễm-nhiên rút một điếu thuốc, quẹt lửa châm hút, thì bà Tú cãi lại :

— Hôm nay, em đọc trong tạp-chí « La Presse médicale » một

bài dài của Bác-sĩ OBERLIN nói rằng một bản thống-kê của Viện ung-thư Mỹ, năm 1950, đã cho biết trong số 650 người bị bệnh ung-thư phổi ở Bệnh-viện Ung-thư NEW-YORK, có 95 phần trăm bệnh-nhân là những người đã hút thuốc lá từ 20 năm. Tại các bệnh-viện Anh, hai Bác-sĩ RICHARD DOLL và BARD FORD HILL cũng khám-nghiệm rằng trong số 5000 bệnh-nhơn bị ung-thư phổi, chỉ có 7 người không bao giờ hút thuốc. Như vậy, Mình còn bào-chữa làm gì cho những điếu thuốc bao-xanh, bao đỏ, bao vàng, của Mình ?

— Anh không có bào-chữa hẳn, nhưng anh cũng không kết-án quá nghiêm-khắc như mình và các ông bác-sĩ có thù-oán với thuốc lá. Anh chỉ nhận thấy rằng nếu hút mỗi ngày một gói như anh thì chắc chắn là không bao giờ bị ung-thư phổi.

— Em muốn từ nay Mình hút mỗi ngày nửa gói thôi, nghĩa là 10 điếu, cho đến năm 1960, rồi từ 1960 mình rút xuống còn 5 điếu mỗi ngày cho đến năm 1965. Rồi từ 1965 cho đến khi mình già mình chết, cứ mỗi ngày mình hút 1 điếu thì vừa.

— Mình làm giống như ông
Tòa kết-án anh 10 năm khổ-
sai, rồi 5 năm, rồi 1 năm!

Anh không chịu đâu. Anh tin
rằng thuốc-lá mà hút ít như anh
thì hoàn toàn vô hại.

— Mỗi ngày 20 điếu mà ít sao
Mình? Với lại, mỗi khi miệng
mình còn đầy hơi thuốc mà Mình
hôn em, em không chịu được cái
mùi ấy đâu. Nếu Mình còn hút
nhiều như bây giờ, thì em không
cho Mình hôn em nữa.

— Thôi thì anh hút mỗi ngày
10 điếu vậy nhé? Bằng lòng
không?

— Em bằng lòng Mình hút
10 điếu, cho đến năm 1960
Mình sẽ hút mỗi ngày 5 điếu.

— Vâng, thì anh sẽ làm một
việc hy-sinh vĩ-đại cho tình-yêu

vậy... Anh chiều mình như thế
đó, Mình thấy không?

— Mình mới chiều em có
một nửa thôi.

Ông Tú vút tàn-thuốc gần
cháy hết, lấy một điếu khác, quẹt
lửa châm, hít một hơi, thả khói
ra lỗ mũi, rồi rung đùi ngâm:

*Quoi qu'en dise Aristote et sa
docte cabale.*

*Le Tobac est divin, il n'est
rien qui l'égale!*

.....
*Mặc ai tiếng bắc tiếng chì,
Thuốc lá huyền - diệu, có gì
ngon hơn?*

.....
*Mặc ai triết-lý tinh-oi,
Thiên-giêng là thuốc, có chi
ngon bằng!*

Ha! Ha! Ha!

* DANH NGÔN

• Nuôi con mà không dạy dỗ con, chính là một tội rất lớn
của người cha,

• Những người đàn bà cũng như những con cừu cần phải trở về
nhà trước khi trời tối.

* NHỚ

Vợ viết thư cho chồng:

«... Anh ở nơi xứ lạ quê người, anh có nhớ đến em
không? Riêng em nhớ anh đến nỗi đêm không ăn, ngày
không ngủ, mà uống nước chẳng buồn nhai...»

Chuyện cũ, người xưa

Nhị

KIỀU

Giang Đông

KHẮP nước Tàu thời
bấy giờ, ai cũng biết
tiếng TÀO-THỰC, con trai út
rất cứng của TÀO-THÁO, là
một tay làm Thơ có biệt-tài:
Chàng bước đi bảy bước, làm
xong một bài thơ. Chính vì thế
mà câu thơ sau đây của chàng
được các sĩ-phu đời bấy giờ
khâm phục, cho là rất tài tình:
*Liên nhị Kiều u đông tây hê,
nhược trường không chi
nhuế đống!*

*(Bắc hai chiếc cầu vồng,
Nối liền lầu Tây vót lầu
Đông,
Lơ lửng giữa lòng không!)*

* TÂN-PHONG

Đó là câu thơ tả hai chiếc cầu
mống nối liền ba tòa lầu Ngọc -
Long (bên tả) Đông-Tước (giữa)
Kim-Phụng (bên hữu) mà Tào-
Tháo vừa cất xong trên bờ sông
Chương-hà, để kỷ-niệm một diễm
lành.

Nguyên trước đó một năm,
Tào-Tháo đóng tổng-hành-dinh
ở trong thành Ký-châu, (tỉnh Hà-
Nam), một đêm thấy một tia
sáng từ dưới đất chói lên, báo
người đào đất thì bắt được một
con chim sẽ bằng đồng (đồng-
tước). Quan hầu của Tào-Tháo
là Hứa - Nhu, nhắc lại chuyện

mẹ vua Thuần hồi xưa năm chiêm bao cũng thấy chim sẻ, rồi sau đó sinh ra vua Thuần. Tào-Tháo vui mừng chính mình cũng bắt được chim sẻ bằng đồng, nên truyền lệnh xây cất tòa lầu Đồng-Tước và hai tòa kế cận hai bên, đề tượng trưng sự nghiệp hiển hách vinh-quang của mình.

Nhưng TÀO - THÁO không phải là chúa-tể cả thiên hạ. Y vẫn nuôi tham vọng diệt trừ hai vị Quốc-Vương khác đang chia ba sơn-hà xã-tắc của Trung-quốc : ấy là LƯU-BỊ và TÔN-QUYỀN.

Tôn-Quyền thế yếu hơn cả, cho nên Tào-Tháo coi rẻ. Nhưng Lưu-Bị thì quả thật là một tay anh hùng quân xuyến, lại có KHÔNG-MINH làm quân-sư, tức là Gia-cát-Lượng, một bậc tài đức, cao kỳ mà Tào-Tháo rất kiêng sợ. Muốn diệt trừ Lưu - Bị, Tào - Tháo mưu mô dùng áp lực quân sự để kéo Tôn - Quyền về phe mình, và đề xướng liên - minh, đề khởi binh đánh Lưu-Bị. Ý chàng là diệt Lưu-Bị xong rồi nhiên hậu mới thôn tính nước Ngô của họ Tôn.

Đó là chiến lược chia rẽ lực lượng địch quân để tấn công lần lượt, mưu đồ cuộc toàn thắng về sau.

Tôn-Quyền vẫn sợ Tào-Tháo lâu nay. Nhưng triều thần của y lại chia ra hai phe : phe Văn-quan, muốn an thường thủ phận, tán thành ký kết với Tào-Tháo để giữ vững nước Ngô, phe Võ-tướng thì chủ chiến, thà dân binh bố trận đề đánh Tào, chứ nhất quyết không chịu đầu hàng. Nhưng CHÂU-DU là vị quan có uy tín và quyền thế nhứt trong triều, biết thế nhà Ngô không sao địch nổi Tào-Tháo, nên nhứt định cầu hòa.

Được tin này, KHÔNG-MINH vội vàng đến nước Ngô, xin yết kiến Châu - Du. Ông khuyên Châu-Du đừng nhượng bộ và bày mưu lược đề chiến thắng Tào Tháo :

— Muốn đánh bại Tào-Tháo, không có gì khó.

Châu-Du kính cần hỏi :

— Chẳng hay Ngài có kế chèn thần diệu chăng ?

— Mỹ nhân chi kế ! Sắc đẹp của hai cô con gái sẽ đẩy lui được đại binh của Tào !

CHÂU-DU ngạc nhiên, hỏi :

— Hai vị giai nhân nào đấy, thưa ngài ?

KHÔNG - MINH chậm rãi thuyết :

— Chắc Tướng công có nghe

nói Tào-Tháo vừa cất xong tòa lầu Đồng-Tước trên bờ sông Chương hà ? Đây là nơi a - phòng của Tháo dùng để giam hãm không biết bao nhiêu gái đẹp ! Tào Tháo có nghe thiên hạ đồn rằng ở nơi quý quốc, có hai vị thiên kim tiểu thư, ái nữ của Kiều - Công, tên là Đại Kiều và Tiểu Kiều. Và Tháo có lời thề rằng : đời Tháo chỉ có hai ước vọng : thứ nhứt là tiêu hết giang sơn Trung quốc vào một đề nghiệp họ Tào, thứ nhì là bắt được nhị Kiều ở miền Giang-dông này đem về lầu Đồng-Tước để thỏa mãn thú nguyệt hoa. Tào-Tháo muốn thực hiện âm mưu đó, nên đem quân đến đóng trên đất Giang - đông của nhà Ngô, viện lẽ là đề cầu thân với Ngô, nhưng kỳ thực là đề thừa cơ hội cướp lấy nhị Kiều!

Châu-Du càng kinh ngạc, hỏi :

— Sao ngài biết rõ việc này ?

Thưa ngài, lấy gì làm bằng chứng ?

Không - Minh vuốt râu mỉm cười :

— Bì nhân xin Tướng công xá lỗi cho, chứ lẽ nào Tướng công không nghe bài « Đồng-Tước Phú » của Tào-Thực, là con trai út của Tào-Tháo hay sao ?

Châu-Du ngượng ngịu :

— Thưa ngài, quả thật là tôi

chưa nghe nói... Dám xin ngài đọc cho tiện-sĩ này nghe coi ra sao.

Không-Minh đọc hết nguyên bài phú của Tào - Thực, nhưng đến câu :

Liên nhị kiều ư đông tây hê, nhược trường không chi huế đông,

Ông lại đọc trại ra như sau :
Lâm - nhị - Kiều ư đông nam hê, lạc triêu tịch chi dữ cộng.
(Bắt hai nàng Kiều ở Đông nam,

Đem về cùng hưởng vui ngày đêm).

Thì ra, trong câu thơ trên do Không - Minh sửa trại ra « nhị Kiều » là hai nàng Kiều, khác hẳn nghĩa chữ « nhị kiều » của Tào-Thực, là hai chiếc cầu.

Mưu kế của Không - Minh thành công : vì ông vừa đọc xong câu thơ trên thì Châu-Du đứng phắc dậy, trợn mắt, bặm môi, ngó đăm đăm về phía Bắc, nơi đóng quân của Tào-Tháo, mà hét lên :

— Tào - Tháo khinh rẻ nhĩ Ngô quá đỗi ! Ta quyết một sống, một chết mà trả cái mối hận này !

Nhưng Không-Minh lại điềm-nhiên nói tiếp :

— Xin Tướng công chớ nổi giận ! Nhà Hán trước kia còn đem mỹ-nữ dâng cho Xiềng-Vu để cầu hòa, há lẽ ngày nay Tướng - công tiếc gì hai cô gái của Kiêu-công mà không đem nộp cho Tào-Tháo để giữ vững nhà Ngô hay sao ?

Châu-Du đỏ mặt, la to :

— Kiêu-Công chính là cha vợ của tôi. TIÊU-KIÊU chính là vợ của tôi đó, Ngài ạ ! Không ! Tôi không thể nào cầu hòa với tên giặc Tào kia được ! Cái nhục này; tôi phải lấy máu mà rửa họa may mới sạch được !

★

Sau đó không lâu, liên quân của LƯU-BỊ và của Ngô Tôn-Quyền đánh quân Tào-Tháo một trận tử-chiến trên sông XÍCH-BÍCH. Tào-Tháo đại bại. Ấy là nhờ kế cao của Khổng-Minh Gia-cát-Lượng vậy !

★

Thi - sĩ Đỗ - Mục, đời nhà Đường có làm hai câu thơ sau đây, (trích) :

*Đông phong bất dữ Chu-lang
tiện.*

*Đông-tước xuân thâm tỏa nhĩ
Kiều !*

Xin phông dịch theo ý :
*Gió đông chẳng giúp Châu-
du !*

*Thì lâu Đông-tước thâm - u,
hai Kiều !*

Và tiện đây, xin trích luôn mấy câu thơ của các Thi-sĩ Việt-nam đã đem diễn-tích nhị Kiều vào văn - thơ Việt :

★ *Của Nguyễn-Du :*

*Vẫn nghe thơm nước hương-
lân,*

*Một nền Đông-tước, khóa xuân
hai Kiều.*

(Đoạn trường Tân thanh)

★ *Của Nguyễn-huy-Tự :*

*Gió xuân Đông - Tước bằng
nhường là đây !
(Hoa-Tiên truyện)*

★ *Của Vô-danh.*

*Thôn hoan mấy năm cỏ khêu,
Ấy nền Đông-Tước, hay lâu
Nhạc-dương ?
(Bích-câu kỳ-ngộ)*

TÂN-PHONG



CÁNH

CHIM BẰNG

*Chim bằng xé gió, đuôi làn mây
Vùng vẫy muôn phương ngày tiếp ngày
Sông hồ thu gọn vào đôi cánh
Bóng đẹp oai hùng mưa ngất ngày.*

*Màu trắng một buổi thoáng to duyên
Chim bỗng ngừng trong sắc ảo huyền
Cánh xếp giang hồ; mây đứng lặng
Nghe đầu non trời nhạc khai nguyên,*

*Chim hỡi ! Dừng đôi cánh đợi gì ?
Nhớ chim trời nhạt sắc lưu ly.
Trăng thơ là của người thơ ấy
Nặng gọi lên đường, tung cánh đi !*

*Đề những chiều êm dịu nắng vàng
Trong rừng Hương Sắc đẹp mênh mang,
Suối mơ, hoa thắm ngời châu ngọc
Xoa dịu hồn chim những lỗ làng.*

THANH-NHUNG



✱ Phóng sự của NGUYỄN-THU-MINH

L. T. G.— Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý, ám chỉ một ai.

Mong quý độc giả hiểu cho

(Xem từ P. T. số 1)

NH U N G, thỉnh thoảng Dung vẫn xoay lại lay vai tôi cười hỏi chuyện như cố ý tránh những cái va chạm... gọi là kích-thích dục tính của con người mà Hoàng muốn

Đáng lẽ chúng tôi đỗ xe ở chợ Cũ để ăn cháo cá lóc đã thêm kẹo hời kia nhảy về khuỷa đùi bụng, thì chúng tôi lại thẳng đường ra bến tàu dạo mát và hướng lên miệt Tân - Định đảo quanh các ngã đường một vòng mới trở lại chợ Cũ để dự tiệc cháo cá đặt biệt này.

Đọc đường, thôi thì tha hồ... tuy nhiên, tôi vẫn không làm sao tìm thấy triệu chứng gì ở Dung biểu hiệu cho sự khoái cảm, dề - mê cả. Nàng bình thản và tự-nhiên quá khiến tôi ngạc-nhiên vô cùng, mặc dù nàng vẫn tỏ ra bằng những lời nói đầy ái-ân, triu mến với Hoàng. Thấy vậy, tôi càng tự hỏi lấy mình: về cuộc sống tình cảm của Dung như thế nào? Con người của nàng có còn là Con Người nữa không? Ngày trước, ngay với chồng nàng, nàng có như bây giờ không?

Có bao giờ nàng say mê qua hai tâm hồn và xác thịt gặp nhau không?

Nghĩ đến đây, hình ảnh Dung; chồng nàng — bạn tôi ngày trước — lại hiện ra trước mắt tôi, bằng vẻ mặt lạnh lùng, đau khổ như đạo nào, mà thương bạn quá!

Cũng do ý nghĩ thương bạn mà tôi nghĩ ngay đến sự trả thù... Dung; người đàn bà đang ngồi chung xe với tôi bây giờ đây, đang làm những việc mua vui cho nam giới trong chốc lát và ngay cả cho tôi bây giờ đây. Thế rồi không một chút đắn đo, suy nghĩ, tôi nhìn ngay mặt Hoàng nheo mắt ra hiệu dành nàng lại cho tôi «đùa» một chốc, mắt ra hiệu thì tay tôi đã đưa ra kéo Dung ngã vào lòng tôi rồi! Tóc nàng bị luồng gió tạt vào làm bay tung toé cả mặt tôi, càng gây ở tôi thêm nguồn xúc động, ngây ngất. Như cảm thấy vậy, nàng mỉm cười hôn nhẹ lên má tôi, đôi tay siết chặt lấy lưng tôi ra chiều môn môn, đặc ý.

Một phút điên cuồng trời dậy!

Tôi nhanh như chớp, cúi ngay xuống mặt nàng đặt một cái hôn dài lên môi, lên má, lên cổ nàng, và cuối cùng cắn mạnh vào má nàng như truyền tất cả khoái cảm ở người tôi sang nàng... một thứ khoái cảm bệnh - hoạn.

Tôi buông vội Dung ra, nàng nhìn tôi và lại cười hí hỏn như trên ghẹo tôi, thúc giục tôi hãy vuốt ve thân thể nàng nữa đi, hôn nàng, cắn nàng nữa đi cho nàng thỏa mãn...

Trước cặp mắt đa tình, nụ cười quyến rũ, đôi má phơn phớt hồng thơm mùi da thịt... ấy, tôi chỉ còn biết một cách là chịu làm theo tình cảm của con người tôi và sự đòi hỏi của Dung.

Giữa phút cao hứng đó, không hiểu sao, Dung vội trợn ra khỏi lòng tôi, nói rất nhanh:

— Trông anh vẫn không thay đổi gì mấy.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

— Thay đổi điều gì chứ? Và lại, mấy ai mà chẳng thay đổi. Như Dung cũng thay đổi vậy.

Nàng liền «ò» lên một tiếng có vẻ mỉa mai về câu sau cùng của tôi rồi hỏi lại:

— Em thì thay đổi hẳn rồi. Nhưng mà vì hoàn cảnh. Người ta đã vô tình với mình, đi tìm những cái mới lạ, đẹp... thì em cũng dại gì mà ôm giữ mãi con người cũ của mình, người ta cần mái tóc quần thật lả lướt, lưng thật eo, ngực thật nở, thật khiêu gợi, thì em cũng phải làm như người ta để mà sống, để mà trả thù.

Chữ «trả thù» của nàng càng làm cho tôi đắn đo, nghĩ ngợi,

bao nhiêu cơn khủng hoảng lùi dần theo xác thịt lịm chết ở người tôi. Tôi đang nghĩ đến sự trả thù thì nàng cũng nghĩ như tôi. Nhưng hoàn toàn là lối trả thù vu-vơ, vô nghĩa! Biết vậy, tôi vẫn hỏi nàng:

— Bây giờ Dung định trả thù ai ở đây?

Nàng nhìn tôi qua một phút suy nghĩ, mỉm cười đáp:

— Định trả thù... anh, chứ ai?

Rồi nàng lại cười lên ha hả để đánh lảng sang chuyện khác bằng cách nâng cằm tôi lên, đặt một nụ hôn ra chiều yêu thương... với tất cả con người khêu gợi của nàng.

Nhìn sang Hoàng, tôi thấy thương bạn vô cùng, vì Hoàng không còn là con người của phút trước, nằm ngã người lên nệm xe phi phà khói thuốc một cách thần nhiên.

Sau khi đặt cái hôn nhẹ lên má nàng để đáp lại, tôi hỏi Hoàng:

— Chúng nó định chạy đi đâu nữa mà không chịu trở về cho rồi!

Hỏi chưa dứt câu, Hoàng cười đáp với vẻ khôi hài muôn thuở:

— Hai cô, cậu mãi say sưa nên không để ý đấy chứ, xe gần đến nơi rồi, còn hỏi ngớ ngẩn. Cậu nhìn ra trước xem kia, chúng nó đang xuống xe không thấy sao?

Tôi vội nhìn ra đằng trước thì quả đúng như lời Hoàng, vội đùa:

— Không phải mình quá say

mà tại cậu quá cô - độc, nên mình mãi nghĩ đến cậu mà quên đấy chứ.

Xe ngừng, chúng lại quây quần như lúc trước, vừa ăn cháo vừa đùa giỡn.

Thái lại khôi hài bằng câu mở đầu:

— Chúng mình cả thấy bảy mạng, nhưng tính đời thì lẻ một. Vậy Nga, Thùy hay Dung, ai chịu khó tối nay cho vui chung nhé!

Thành lên tiếng phản đối:

— Gì chứ hưởng chung thì tờ xin đầu hàng trước. Giường tờ mục rồi đấy. Cho các cậu về chỉ tổ mang họa.

Thái nheo mắt nhìn sang Thùy

— Anh Thành từ chối, thế còn em, có chịu cho... không?

Dung góp thêm vào:

— Có lẽ anh Thái hỏi vậy để nhường đấy!

Hoàng vỗ nhẹ vào vế Dung, nói:

— Em chỉ được nói người ta, ngồi gần anh M. mà cũng dám ngang nhiên thế à? Không khéo tối nay về lại ôm người ra đấy!

Tôi vẫn thần nhiên cười một cách vô sự, nhìn theo cử chỉ, bàn tay của Hoàng đang làm việc...

Một ý nghĩ thoáng đến.

Tôi đưa tay ra đánh mạnh vào tay Hoàng đang đặt lên vế Dung:

— Cậu vờ nói để mà lợi dụng

Chợt thấy vậy, chúng tôi đều cười rộ lên có vẻ hứng thú khiến mọi người đều nhìn về phía chúng tôi. Tuy thế, chúng tôi vẫn phớt mặc, vui đùa theo ý thích đã.

Giữa lúc này, người đàn bà Tàu bước vào, tiến ngay đến bàn chúng tôi rồi đặt lên bàn hai gói « kẹo » và « ô-mai », xong quay sang bàn khác cũng để như vậy.

Tôi nhìn theo người đàn bà tàu với ý tưởng hay hay, định kêu lại hỏi để trả lại thì tiếng đàn vi-ô-lông ở ngoài cũng vừa vọng vào. Tôi và Dung vừa quay ra để tìm biết gốc của tiếng đàn, một người đàn ông tàu đã lù lù tiến vào đến sát bên người đàn bà. Đồng thời giọng hát của người đàn bà nổi lên réo-rắt, chất chứa cả không khí ồn ào đang tiếp diễn.

Vừa hát, đôi mắt người đàn bà vừa đảo quanh trên các bàn, trên các bộ mặt của khách như tha thiết mời. Đang mãi nghe, Hoàng ghé sát tai tôi bảo nhỏ:

— Mày thấy thế nào? Nom đây đây đấy chứ?

Lời nói của Hoàng đã làm tôi và Thái đều chú ý đến người đàn bà tàu. Một vẻ đẹp khá hấp dẫn, cặp mắt hơi diễm quầng xanh của lớp phấn thoa phớt qua, đẹp nhất là bộ ngực, tròn đầy mơn hiện dưới nếp áo nylon hoa. Cái bụng thon phía dưới đầy-tròn khá gợi lòng quân tử thời nguyên tử.

Thái gật đầu, tặc tặc khen thầm:

— Khá thật cậu. Giá biết được « áp phe » này. Dân này mới nhập tịch hay sao chứ lâu nay đâu thấy mạng này, cả anh chàng này cũng vậy.

Tôi nghe thế, vội hỏi:

— Cậu cho rằng mới, còn « áp-phe » cũ thế nào?

— Miếng nói ra, cậu muốn thì hôm nào đi chợ-lớn chơi một tối, tớ sẽ cho rõ. Nhưng ít nhất cậu cũng đem phòng theo một ít nước hoa để trả, chứ không thì hết cả thủ vị... Nghĩa là, nhìn người thì « số dách » trắng nõn trắng nà, thế mà cậu hấp tấp ôm bừa, kẻ mũi hít đại thì ối thôi khỏi nói, mùi « Lô-xông-ca-ta » ở cô ả tòa ra, ba ngày người cậu còn thơm...

Hoàng cắt đứt câu chuyện của Thái đang cao hứng kể:

— Mày chỉ được cái miệng chuyên môn nói giọng « đều ».

— A, mày thì... tốt... Xưa nay, anh em ai cũng khen cậu là con người đàn ông hoàng, đẹp giai, con nhà giàu... mà, nhưng phải cái tội... phải không các cậu? Phải không Nga, Dung? Trả lời hộ cho anh nghe với!

— Nhưng vẫn còn thua cậu một bậc đấy!...

Thành xen vào, để trở lại câu chuyện:

— Chúng mày chỉ mỗi việc nói móc nhau thì không ai bằng.

(Còn tiếp)

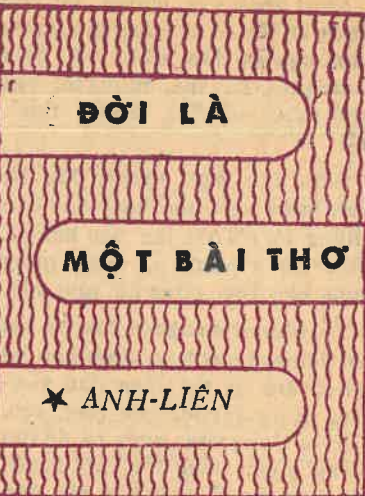
L. T. S.— *Lâm-Ngũ-Đường* là nhà tư tưởng số một của Trung-Hoa hiện đại, cũng là một chiến-sĩ văn hóa tiên-phong của thế giới tự-do.

Ông trước tác rất nhiều về văn học, triết học...; từng làm Cố Vấn văn hóa trong phái đoàn Trung-Hoa Quốc-gia tại Liên Hiệp Quốc, hiệu trưởng Đại Học Đường "Nam-Dương" v. v.. Bài sau đây là một thiên tùy bút giá trị của *Lâm-Ngũ-Đường*.



Tôi cho rằng cuộc đời như một bài thơ, nó cũng có những nhịp nhàng, những tiết điệu, phút hồi sinh, giờ tàn lụi, với sự tuần hoàn của nó.

Đời người bắt đầu bằng chuỗi ngày niên thiếu thơ ngây, tiếp theo là những bông bột thanh-xuân. Và cũng từ đây, người bắt đầu thích ứng với hoàn-cảnh xã-hội, bông bột một cách man-dại, xây đắp những mộng tưởng cao xa. Rồi người sẽ bước sang giai-đoạn thành-niên. Thời kỳ này là thời kỳ hoạt động cuồng-nhiệt, và do những vấp ngã cuộc đời, người dần dần tiến bộ. Và cũng do thiên tính, người sẽ thu-thập nhiều kinh nghiệm. Giai đoạn thành-niên đã qua, giờ đây phải



bước thêm bước nữa : giai đoạn trung niên. Lúc bấy giờ sức hoạt động đã bớt hăng-hái, bản tính trở nên già dặn. Như trái cây đã chín, như rượu vừa đúng chữ, người sẽ nhìn đời bằng con mắt đại-lượng, ôn-hòa.

Tiếp theo đó, người sẽ bước sang giai đoạn cuối cùng của đời người. Hạch nội tiết sẽ làm chậm chạp năng lực hoạt động. Nhưng nếu ta đặt quãng đời xế chiều này vào một quan-niệm triết-học đứng đắn, lấy quan-niệm đó điều-hòa nhịp sống, những ngày xế bóng sẽ trở nên nhàn-hạ, yên-tĩnh và vững-vàng.

Sau hết, những đốm lửa cuối-cùng của cuộc đời sẽ bùng cháy

lên một lần rồi tắt hẳn; người sẽ trở về trong giấc ngủ nghìn năm.

Ồi ! tự bao giờ cuộc đời vẫn nhịp-nhàng như vậy. Xin người hãy chiêm-ngưỡng vẻ đẹp những tiết điệu, những âm ba cuộc đời cho đến phút cuối cùng, như người đang lắng nghe một bản hợp-tấu.

Một số người trong chúng ta, tự đáy tâm linh vẫn lạc loài ít phím đàn không mấy điều-hòa. Dần dần cung đàn lỗi nhịp sẽ lẫn át bản nhạc. Cho đến khi âm-thanh hỗn độn quá, bản nhạc không trình bày được nữa, người sẽ nhảy xuống sông hay tự bắn vào đầu mình mà chết.

Nhưng đây chỉ là con người hất bại, đã khiến cho cái lễ nhạc có sẵn trong lòng mình xáo trộn đi ...

Trái lại, những nếp sống đều hòa sẽ giữ được những tiết-tấu nhịp nhàng, cuộc đời luôn luôn hướng về cứu cánh duy nhất mà thẳng tiến.

Rất có thể, trong bản nhạc đời

rất rác những âm thanh rung động mạnh quá, làm người nghe khó chịu, nhưng ta cần có những âm luật vĩ-dại, hùng tráng như nước sông Hằng Hà, luôn luôn hướng về đại dương mà ồ ạt chảy đi...

Một đời người trải qua thời kỳ thơ ấu, trung niên và lão thành, tưởng không nên đòi hỏi gì hơn. Một ngày có sớm mai, ban trưa và xế chiều. Một năm có xuân, hạ, thu, đông ... kề đã đầy đủ vậy.

Trong một đời người lại không nên nói nhiều đến xấu tốt, mà chỉ nên nói : «trong giai đoạn này, trong mùa này có những gì tốt...» Thế thôi ! Và nếu biết quan-niệm cuộc đời bằng quan-niệm sinh vật học đó, nếu biết sinh hoạt nhịp nhàng đúng với thời tiết, có lẽ ngoại trừ một số người tự phụ đến điên-rồ, ta nhất định phải thừa nhận rằng : đời quả thật là một bài thơ !

(Tạp văn của *Lâm-ngũ-Đường* phỏng dịch *Anh-Liên*)



* DẠ CON KHÔNG BIẾT

MẸ.— Hồng, con có thấy Ba con dấu bức thơ hồi sáng & đầu không ?

CON.— Dạ, con thấy Ba dấu trong tủ, nhưng con không chỉ cho má dấu, Ba đánh chết.

Nhờ các bạn trả lời giùm

- 1.— Nhà thám-hiểm xứ nào, Tên gì, Vào năm nào, đã khởi đầu cuộc mạo hiểm vòng quanh thế giới ?
- 2.— Bài thơ « Sur le Fleuve des Parfums (Nocturne) » đăng đầu tiên năm nào ? ở tạp chí gì ? tác giả là ai ?
- 3.— Vợ vua Quang Trung tên gì ? con ai ?
- 4.— Thủy Tồ vật lý học là ai ? ngời xứ nào ? sinh năm nào ? ở đâu ? mất năm nào ? mất tại đâu ?
- 5.— Nguyễn nhược Pháp con ai ? sinh ngày, tháng, năm nào ở đâu ? Mất ngày, tháng, năm nào ?
- 6.— Tác phẩm « Voyage autour de la lune » của văn sĩ nào ?
- 7.— Người đi tới Nam cực đầu tiên vào ngày, tháng, năm nào ? người ấy tên gì ?
- 8.— Emmanuel Kant sinh ở đâu ? con ai ? là thi sĩ ? văn sĩ, thợ in, hay kỹ sư ?
- 9.— Bài Thơ « Đoàn ca hành » được sáng tác vào lúc nào ? và tác giả bài Thơ ấy là ai ?
- 10.— Câu thơ : « láng giềng đã đổ đèn dầu
Chờ em ăn giập miếng giầu em sang »
là của thi sĩ nào ? Trong bài thơ, tập thơ nào ? ... xuất bản tại đâu ? năm nào ?
- 11.— Là độc giả trung thành với « Phở-Thông » bạn có biết bộ I số 1 của tạp chí này ra vào tháng, năm nào ? Tòa soạn và Ty quản lý đặt ở đâu ? ; Những người đã có bài đăng trong số ấy bạn còn nhớ tên không ?

HƯƠNG-THU
(Huế)

HAI ĐÊM CẦU CỎ

★ NGUYỄN-BÍNH-THỊNH



Tôi xin thú thật là tôi không tin những chuyện hồn người khuất mặt có thể tiếp xúc với người sống, nhưng câu chuyện tôi kể ra dưới đây hoàn toàn có thật và đã xảy ra cách đây 14 năm, khiến cho nhiều người được chứng kiến còn băn khoăn chưa tìm được câu giải đáp. Nhon dịp mới rồi, có một bạn đọc thân mến gửi thơ về tòa soạn P. T. hỏi về việc cầu cơ chấp bút, tôi xin cố hiến những điều tai nghe mắt thấy ra đây và hy vọng sẽ được các vị cao minh chỉ giáo...



T HUỖ ẤY, vào khoảng tháng 6 âm-lịch 1945.

Chúng tôi gồm hơn ba trăm chánh trị phạm của các đảng phái quốc-gia chống đối chế độ thực dân Pháp, trong số năm ngàn tù nhân ở Côn-đảo, vẫn hoàn toàn không hay biết gì đến chánh tình trong nước lúc bấy giờ đã biến chuyển ra làm sao. Chúng tôi đã tiên luận sự bại trận của quân-phiệt Nhật từ khi

bị nhốt cá mỗi hộp trong khám lớn Sài-gòn và hy vọng vì lẽ ấy mà họ sẽ đảo chánh Pháp gấp, để chúng tôi khỏi phải bị Pháp đày ra hòn đảo đã nổi tiếng là lò sát sanh kinh khủng nhất của thực dân, mà nơi ấy, ngàn đời còn ghi lại những trang huyết sử trong cuộc cách mạng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam !

Nhưng chuyển này lại chuyển khác, con tàu Tàì-Pô-Sếch cũ kỹ và ọp-ẹp chực chìm đắm trong sóng

NƠI CÔN ĐẢO

nước trùng dương, cứ năm ba tháng một lần, lại lết mình ra biển khơi với một khoang hầm ngọt ngọt khó thở, chứa chất hàng mấy trăm tù nhân bị còng, cả chân lẫn tay, ngồi sát lưng vào nhau, và bị bỏ mặc trong việc ăn uống, tiêu tiện, phóng uế bừa bãi... mà những ai yếu đuối, già

nua không chịu đựng nổi thì cứ chết lẫn ra đấy, hai tay còn mắc kẹt trong còng mãi đến Côn-đảo mới được mở !...

Bốn tháng trước đây, có hai tàu binh Nhật cập bến Côn-đảo, bắt viên Thiếu-tá Giám-Đốc Đề-Lao Cồn-đảo, trước khi giới của đồn binh bảo vệ đảo và ban quân-đốc khám-đường, nhưng không rõ ràng cho tù nhân biết những gì đã xảy ra trong đất liền. Họ chở viên Giám-đốc, cùng cả đại đội lính phòng thủ nọ về nội địa, và cho ban quân-đốc khám đường hoạt động trở lại : hằng ngày bọn sắp khám với những thầy chú người Việt cũng đưa tù nhân đi làm từ lúc mờ mờ sáng mãi đến tối mịt mới trở về, và mọi việc cứ tiến hành như cũ chứ không có gì thay đổi, ngoại trừ một điều làm mát bụng tù nhân là bọn giữ tù kia không còn mang súng hống hách như trước nữa !

Dần dần người Nhật chú ý đến các chánh trị phạm quốc gia, chọn trong đám, một người thông tiếng Nhật để làm thông ngôn phụ. Anh Tư Có, người ở Mỹ-tho, biết nói và viết được tiếng Nhật và Pháp, lại thông chữ Hán, được viên Nhật chỉ huy trung-đội ấy, mà người Nhật vẫn quen

gọi là Tài-Chồ, tin dùng anh. Anh cố nói cho Tài-Chồ hiểu các chánh trị phạm khác với thường phạm là sao, và Tài-Chồ có ý muốn chọn lựa trong mỗi đảng phái bị tù đầy ra đấy một người đại diện để đưa thỉnh nguyện lên cho ông. Tội được cái may mắn cùng bảy người nữa về sống chung dưới mái nhà thân mật với anh Tư Có, trong vòng dinh Giám-đốc bấy giờ đã đổi ra làm thành lính Nhật, và chúng tôi gọi đùa nhau là cửu cá hỏa đầu quân, vì ngoài việc thay phiên nấu ăn cho nhau, chúng tôi chỉ nghiên cứu chánh trị chứ không phải làm gì cả.

Tài-Chồ cư xử tử tế với chúng tôi lắm và bảo anh Tư Có nói cho chúng tôi hiểu.

— Các ông là người yêu nước nên mắc phải sự bất công và cực khổ như thế này, người Nhật cũng hiểu lắm, và coi các ông như bạn. Tôi tin rằng thế nào rồi các ông cùng những bạn của các ông sẽ được về đất-liền, vậy các ông cứ yên trí tĩnh dưỡng trong dinh, và có gì thắc mắc thì nói với các người đội-hai Sai-tô, chánh trị viên của trung đội, sẽ được giúp đỡ tận tình.

Viên đội Sai-tô tiếp chúng tôi

vào ngay buổi tối ấy, trong văn phòng làm việc của y. Không có gì buồn cười bằng trông thấy một quân phiệt mong làm bá chủ Á-Đông, đã đường hoàng vào thành lính Pháp giải giáp cả một đại đội lính ngoại quốc cao lớn sầm sầm, với vồn vện có hai tay súng, mà giờ phút ấy đang ngồi làm việc tại một căn phòng nguy nga tráng lệ với chiếc khăn lông bịt trên đầu như một anh chèo ghe, và nửa thân mình trên chỉ mặc có cái áo ba lỗ xem không ra vẻ đường vệ. oai nghi gì cả. May là giờ tiếp khách có ấn định trước, nên y không đóng khố và còn giữ được chiếc quần sam sẫm vận xề xề dưới bụng.

Đội Sai-tô đứng lên bắt tay chúng tôi một cách niềm nở và mở lời xin lỗi ngay :

— Khí hậu ở đây nóng nực quá, các ông nể tình cho...

Y mời chúng tôi ngồi. Đã được lời dẫn trước của anh Tư Có là người Nhật không thích kiểu cách, chúng tôi cũng ngơ-ngàng nhìn vào những chiếc ghế bành bọc nệm da quá ư sang trọng đối với cảnh áo tù chúng tôi còn khoát trên vai, mà nếu ban quân-đốc khám đường cũ còn đủ oai quyền thuở trước, thì nội cái tội

ngỗ ngáo và phạm thượng vì đã dám ngồi vào những chiếc ghế ấy cũng đủ để cho bị đánh đập, thôi bĩ khai, nhục phá, máu me đầm đìa và rồi còn bị phạt ít nhất mười lăm ngày hầm tối và cơm lạt nữa ! Sự tăng công và nhinh bọ bề trên của bọn xếp khám và thầy chú không cho phép người tù được đi đứng đường hoàng và đồng dạt nơi chốn công môn, và nếu ai có việc gì bị đòi hỏi đến đấy nên khôn khéo tìm một kẹt tường nào ngồi thu hình lại, bó gối, khoanh tay, cúi đầu để khỏi ngứa mắt lũ hung-tàn hay chà-đạp trên nhân phẩm của tội nhân bằng cách bắt gục đầu vào giữa hai bắp vế và gập cúi mặt gần sát đất ! Trường hợp đặt chân lên tư dinh lộng lẫy bằng tòa công sứ của viên Giám đốc Đề-Lao như chúng tôi là một việc hi-hữu chưa từng thấy, vì viên Thiếu tá giám đốc cai trị ở đấy, như một tiều-vương, nắm trọn quyền sinh sát tù nhân trong tay.

Viên đội Sai-tô dục đã đến hai lần chúng tôi mới ngồi vào những ghế bành êm-ái lạ thường đối với thân mình của chúng tôi đã quen với sàn gạch và gối đá. Thấy ai còn ngồi kể né, đội Sai-tô không bằng lòng, bảo phải dựa lưng ra sau thành ghế, đường

hoàng đặt hai tay trên tay ghế, và nếu cần, cứ việc gác tréo ngỗng chân mà trò chuyện cho thông thả. Y nhờ anh Tư có thông ngôn lại cho chúng tôi biết :

— Nơi đây, các ông là khách, chúng tôi có bồn phận tiếp đãi tử tế với các ông, nếu ai còn kiêu cách là không thành thật.

Đội Sai-tô xé ba bao thuốc Esquire ra mời chúng tôi :

— Có hút thuốc vui vẻ mới nói chuyện lâu dài được.

Đã mấy năm không có mùi thuốc thơm, chúng tôi hoan hỷ nhận lấy. Có anh Vàng không biết hút thuốc, đội Sai-tô liền đứng lên lấy một gói đường to trao cho anh và ép anh cầm lấy :

— Ông không hút thuốc được thì ăn đường cho thông cổ cũng như chúng tôi hút thuốc vậy.

Đội Sai-tô bắt đầu hỏi chúng tôi về chế độ nhà tù ra làm sao, có gì phải thay đổi, nguyện vọng của anh em chánh trị phạm quốc gia thế nào...v.v...

Câu chuyện kéo dài một cách vui vẻ đến một tiếng rưỡi đồng hồ mới chấm dứt. Đội Sai-tô tiễn chân chúng tôi ra khỏi cửa phòng sau khi ép mỗi người trong tôi phải nhận hai

gói thuốc Esquire « đem về hút cho thông cổ ».

Theo người Nhật nói sẽ cho tàu ra rước chúng tôi về nước, nhưng chúng tôi mòn mỏi ngày qua ngày, tuần nối tuần, tháng tiếp tháng, nào có thấy tin tức gì từ đất liền gửi ra đâu.

Trong những khi hoàng hôn về chầm chậm, chúng tôi quanh quẩn bên ánh đèn dầu trên chiếc bàn dài kê ở giữa nhà, chúng tôi cùng thắc mắc bàn đến những vấn đề thiết yếu được chúng tôi xem như là mạch sống đã tiếp sức cho chúng tôi qua những ngày chờ mong dang dở. Hiện tình nước nhà ra thế nào ? Người mình đã tự do và độc lập chưa ? Gia đình, và bà con quyến thuộc cùng những bạn bè thế nào...

Bỗng một người bạn của chúng tôi thở ra, ngao ngán :

— Ước gì mình có phép lạ được biết những gì đang lo nghĩ !

Ông giáo sư Trần văn Quế là cao niên hơn hết liền vui miệng nói :

— Tôi đề nghị một việc chẳng biết các ông có tin theo và tán đồng không ; trong lúc vô phương kế này, chúng ta thử cầu-cơ xem sao ?

Chúng tôi tin lắm ở sự huyền bí ấy, nhưng cũng tò

mò tìm hiểu, và lại cũng là một sự giải khuây nên ai nấy đều tán đồng.

Ông Quế liền bảo với một giọng tin tưởng :

— Cầu cơ có nhiều lối khác nhau và phải có dụng cụ riêng như một chiếc rô nhỏ phát giấy ở trên mặt tre đưng, có cán dài, theo hình thất tinh, và cần phải một hay hai người nương cơ, để diễn nhập xuống xui khiến cơ chuyển động và viết thành chữ. Nơi đây, trong lúc bất cập này, chúng ta nên dùng lối chấp bút là hơn.

— Chấp bút là thế nào, hở ông ? — Anh Hoàn vội hỏi.

— Một người làm đồng tử, đặt thành tâm khấn vái và ngồi cầm bút cho diễn linh nhập vào tay khiến tay họ tự viết những chữ mà đồng tử không nghĩ đến. Nơi đây, tôi tin là đất địa linh thiêng vì có biết bao anh hồn uất hận còn phảng phất chưa tan, nếu chúng ta tưởng niệm anh linh các tiền bối quá cố giúp cho chúng ta được thấy con đường sáng, ắt chúng ta cũng được hài lòng.

Chúng tôi làm y theo lời ông giáo sư Quế chỉ biểu. Ông viết ra trên nhiều mảnh giấy bài Kinh cầu hồn, trao cho chúng tôi cùng đọc với ông. Ông lại bảo anh

Vàng và tôi :

— Hai ông chưa có vợ con gì cả, có lẽ diễn mau nhập, vì các đồng tử thường là trai tân.

Tôi lắc đầu nói :

— Thưa thầy, tôi không chắc nhập diễn linh vì người ta bảo tôi nặng bóng vía lắm, thuở giờ có thấy được ma cỡ gì đâu.

Nhưng tôi cũng làm « đồng tử ». Cầu mãi có hơn nửa giờ, trông các anh đã có người ngáp lén, mà chả thấy có ma nào nhập. Khi đó, anh Tư Có ngồi bên giường gần đó liền nói :

— Hồi nhỏ tôi có học bùa lả bùa và hay nghiên cứu khoa học huyền bí chắc sẽ hạ diễn chẳng ?

Anh Tư Có lấy một cái khăn-lông khoát lên mình trần, vì thật ra anh cũng không tin tưởng lắm, và cũng bởi anh vừa mới xúc thuốc lát ; mà khoảng thời gian đồn cũi cực khổ ở bên Đất Dốc đã ghi thành những « giề kỷ niệm » trên lưng anh. Ông giáo sư Quế nói cho chúng tôi đừng nản lòng :

— Có nhiều khi cơ bút nhập thật, và cũng lắm khi nhập giả, hay là không linh hiển vì người ngồi đàn không trai giới thanh tịnh, hoặc thiếu tin tưởng. Nhưng việc thí nghiệm hôm nay không phải vô ích...

Chúng tôi bắt đầu đọc kinh cầu

hồn, và độ mười lăm phút sau anh Vàng khều lấy tay tôi bảo nhìn xem anh Tư Có. Tôi đề ý thấy anh này gật gờ như ngủ gục, và tay cầm run rẩy dường thề như sắp cử động. Một lát sau, đầu anh Tư Có không còn nhúc nhích nữa, hai mắt anh nhắm nghiền lại, và tay cầm bút vẽ nguệch ngoạc những hình vô nghĩa trên giấy trắng.

Chúng tôi liền hỏi :

— Vị nào về đó, xin cho biết tên.

Người chấp bút viết ba chữ xưng danh : Trần Thành Huân. Ông Huân là một cố-vấn của đảng tôi và vừa bị chết cách hai tháng trước. Chúng tôi sững sốt nhìn nhau, không ngờ ! Chúng tôi hỏi về chánh tình trong nước, hồn ma, — nếu quả thật là có hồn ma —, không biết và than thở cùng chúng tôi bị nhức nhối chân tay và đau ghê quá. Điều này thật lạ : ông Huân hấp hối có tôi bên cạnh và ông, sau khi lành ghê, bị tê bại mà chết ! Hay là anh Tư Có bị tự kỷ ám thị ?

Lúc bấy giờ, chúng tôi có kết hợp các chánh trị phạm quốc gia đề dự định thành lập một Mặt Trận Quốc Gia với dụng ý cho

toàn thể anh em được hưởng một chế độ như thường dân và cùng được về nước một lượt. Chúng tôi liền hỏi hồn ma tiền trình sẽ ra sao, hồn ông Huân có cho một bài thơ tứ tuyệt mà tôi có chép trong cuốn sổ tay sau này bị rơi mất dưới biển. Ý tứ bài thơ ấy cho biết Mặt Trận Quốc Gia chỉ có cái tên mà thôi, nội bộ sẽ lũng củng không thành và rồi ngày về kế tiếp theo liền trước khi đùm vá nó... (Lời này sau ứng nghiệm mới lạ cho chứ !) Sự trả lời ấy làm cho chúng tôi không tin vì chúng tôi đã cố gắng và đặt thiện chí vào đấy quá nhiều...

Người xuống cơ - bút kể đó xưng là Nguyễn-An-Ninh Lại một sự bất ngờ thứ nhì nữa ! Chúng tôi ngưỡng mộ ông lắm, thường lên lút viếng mã ông. Chúng tôi hỏi việc trong đất liền, hồn trả lời lúng túng không lấy gì làm chắc, lúc lại nhớ đầu quên đuôi, không ăn nhập vào đầu cả. Chúng tôi nghi ngờ, đặt vật hỏi đồ hồn ma, hồn ma cũng nói sai bét. Chúng tôi liền bảo :

— Ông còn sanh tiền là người thông minh quán chúng, lẽ ra sống khôn chết thiêng chứ sao lại vậy, hay là kẻ nào mạo danh chăng ?

Lúc bấy giờ, mặt anh Tư Có

lộ những nét đau đớn và tự dưng nơi hai mí nhắm khít của anh rờn rờn tuông tràn đôi hàng lệ :

— Tôi bị tội nó hãm hại đến chết, rồi còn phải bị chôn sấp mặt xuống đất nữa, hồn tôi làm sao minh mẫn được ? Tôi sẽ vật học máu hai đũa chôn sấp tôi đấy !

Những giọt nước mắt vẫn đầm đìa mãi trên má của anh Tư Có. Tôi nhận xét kỹ rằng không phải anh Tư Có đã đóng kịch. Những vẻ xúc động thật tình hiện rõ rệt trên nét mặt của người trung niên đã cứng rắn lòng vì những phong ba bão táp của đời. Sau này, chúng tôi có dò hỏi đến hai người đã chôn ông Ninh cách hai năm về trước thì có kẻ cho hay một trong hai người ấy đã bị bệnh ho lao, khạt ra máu mà chết, còn người thứ nhì ra thề nào thì không ai được biết. Nghe vậy hay vậy, chúng tôi cũng không thề dò hỏi thêm cho đích xác được quả có thật như thế chẳng ? Sự bí mật ấy đến nay vẫn còn trong bí mật. Anh Tư Có là người độc nhất có thể trả lời cho chúng tôi biết thật tình anh có chi phối chút nào trong việc chấp bút ấy chẳng, thì hơi ối, anh cũng đã thành người thiên cổ vì bàn tay độc

hại của Dương Bạch Mai ở Mỹ-tho, trong những ngày đen tối của lịch-sử nước nhà. Và việc hồn ma ông Ninh về chấp bút, vẫn còn là một nghi vấn !

Chúng tôi mong mỗi sau này, thân quyến của ông Ninh có cải táng hài cốt của nhà cách mạng quốc gia kia, xin đề ý xem ông Ninh có quả đã bị chôn sấp hay không ? Và những vị nào thấu đáo việc này xin lên tiếng cho chúng tôi được rộng đường hiểu biết...

Buổi cầu hồn hôm ấy không làm cho chúng tôi thỏa mãn. Chúng tôi định vào hôm 17 tháng 6 âm lịch, sau ba ngày trai giới thanh tịnh chúng tôi lại cầu hồn một lần nữa.

Đêm 17 ấy, lối 10 giờ khuya, trước một bình hoa và ba cây nhạn tỏa hoa trăm ngào ngạt, chúng tôi ngồi im lặng và thành tâm nghe ông giáo sư Quế đọc bài thỉnh tiên. Cầu đi cầu lại trên nửa giờ, chả thấy có gì lạ ? Anh Tư có ngẫm nghĩ giây lát mới bảo rằng :

— Hay là tôi ít năng tâm rửa nên đền của thần thánh không nhập ? Tôi có biết bùa trừ ô-ước trong mình ra, thử xem có ứng nghiệm hay không...

Anh đi rót một ly nước trà uống xong, lại ngồi đồng như cũ. Độ năm phút sau, đầu anh găm xuống sát mặt bàn một lúc rồi tay anh viết lia lịa :

Lữ khách giáng đà lâu,

Đồng tử không được đầu...

Anh Tư có găm đầu xuống, mãi sau mới viết nữa :

Tân thê còn khuyến nhục,

Tiên giáng để gì đầu ?

Nếu ghép bốn chữ đầu-câu, thì là ông tiên Lữ-Đồng-Tân giáng. Sau bài thơ, ông có cho những lời răn dạy ý như sau : cái bọn Lưu-Linh Đế Thích thân thê ô-trọc (anh Tư có dùng chữ ô-trọc này) mà dám đeo bông phù cơ thỉnh tiên. Ta muốn cho quỷ nhập cho nó biết, nhưng vì nó có họa phù, đồng tử trước khi chấp bút đã lấy lưới họa phù Chúc-Do đề ma quỷ khỏi nhập vào xác —, nên xuống bút đề nói cho biết.

Chúng tôi không hiểu gì hết. Sao ông tiên này,— mà quả phải nên nhập không —, lại gặt gao và rắc rối đến thế. Cầu mãi mà ông nói ông giáng từ lâu là nghĩa gì ? Lại còn tính phá hoại cuộc cầu cơ mà chúng tôi thành tâm hoai tưởng luôn trong ba hôm !

Chúng tôi hỏi ông về tiền đồ ra sao. Cơ bút lại cho một bài

thơ trường thiên thượng lục hạ bát mà bây giờ, mất quyền sở tay, tôi không còn nhớ được. Nhưng dụng ý bài thơ là tả ngày về rất vui mừng của chúng tôi có nhiều đón rước, trong ấy tôi mang mộng trong hai câu thơ đã làm nát óc của chúng tôi :

.....
Bốn ngày, bảy bữa xa khơi
và :

Đêm kia trăng cũng cở này,
.....

Cho bài thơ xong, cái ông xưng là Lữ - Đồng - Tân ấy liền thăng. Anh Tư Có thuật lại cho chúng biết :

— Khi đi vào, tay chấp bút của tôi tê rần lên cả, viết những gì không kiểm chế lại được. Ốc vẫn sáng suốt như thường, nhưng miệng nói không được lời, và khi này, thú thật cùng anh em, tôi toan cưỡng ý không muốn viết những lời xi nhục quá lễ, nhưng cưỡng không nổi...

— Ừ, mà tại sao ông xi nhục dữ vậy — Anh Hoàng hỏi ngay.

Anh Tư Có nhìn chúng tôi và ông giáo-sư Quế, có ý hồ thẹn :

— Việc này tôi bày thật vì tôi dẫu anh em, nhưng cũng tưởng không quan hệ gì. Ba hôm trước, đã lỡ nhận lời mời, tôi

phải đi dự một tiệc rượu, mà ố hại thay, chủ nhà lại làm thịt cây là món hiếm có ở đây đề khoảng dài... Khi cầu mãi không thấy nhập, tôi nghỉ ngơi trong lòng và lấy lưới vẽ bùa trong miệng, uống nước vào...

Liên sau đó, tôi có việc cần phải đi ra ngoài. Tôi nhìn khắp trời tỏa một ánh sáng xanh huyền diệu. Mặt trăng tròn như chiếc đĩa bạc lơ lửng khỏi ngọn dừa, với tấm thân cô độc muôn đời kia, có thông cảm nỗi cô đơn trống trải trong tâm hồn tôi ? Cũng con trăng này, xưa kia nơi quê nhà, vui vẻ biết mấy, rồi nơi chốn tù đầy này, trăng sáng chói làm chi nữa cho buổi lạnh lẽo cùng đồ ! Tôi lầm bầm đọc lại câu thơ trên. Không nghĩa lý gì cả !

«Đêm kia trăng cũng cở này», là đêm nào đây ? Tại sao còn phải « bốn ngày bảy bữa xa khơi » nữa, từ đây vào đất liền tàu đi chỉ không tới một ngày. Hay là chúng tôi về bằng ghe, nhưng ghe biền cũng không thể lâu như thế được ! Còn đóng bè, bè là việc buồn cười hơn nữa, vì bây giờ đã tự do rồi lại mạo hiểm bồng bè vượt ngục sao ? Hay trong câu ấy có ẩn ý là 28 ngày nữa (4 nhân cho bảy) chúng tôi sẽ được về ? Như vậy, ông tiên Lữ-Đồng-Tân nào đó không phải là tiên !

Sau cùng, tôi kết luận rằng : anh Tư Có đã bị tiềm thức của anh dân độ, vì cái giác quan thứ

sáu là phần sáng suốt nhất của con người vẫn được linh ứng trong vài hạng người.

Một tháng sau, có tàu ra rước chúng tôi về. Chúng tôi lên đèn trên xà-lan đề chờ khi tàu vào lòng nước sâu, mãi đến mười một giờ khuya mới bước lên boong tàu, với những hơi thở ra khoan khoái... Vầng trăng sáng tỏ soi mình dưới nước chấp chiếu ánh bạc sáng ngời...

Ông giáo sư Quế thì thăm bên tại chúng tôi :

— Đêm kia, trăng cũng cở này... Trăng hôm nay là trăng của Tự do, của Giải thoát !

Anh Tư Có liền nói thêm :

— Thầy ơi, bây giờ tôi mới tin là linh ứng thật. Tàu ra rước tụi mình bị bom gày bánh lái phải sửa chữa mất bốn ngày, và cuộc hành trình ra đến Côn-đảo mất cả tháng đúng một tuần !

Đêm nay, ngồi viết lại những giòng lưu niệm, đồng hồ nhà hàng xóm gõ mười một tiếng kính-coong, tôi dòm ra song cửa thấy trăng sáng lâu lâu chợt giật mình lại lịch treo tường xem, quả ngẫu nhiên đúng vào ngày 17 tháng 6 âm-lịch 1959, và nhớ lại câu thơ thần thuở trước « đêm kia trăng cũng cở này » mà bất giác nôn nao lòng cảm động tự hỏi trong nhóm chúng tôi đã chứng kiến buổi cầu cơ giờ đây còn lại được mấy người ?...

(Trích trong *Hồi ký Địa ngục Côn Nôn dưới thời Pháp thuộc*)



★ « PRÉSENCE DU BOUDDHISME »

Ấn-phẩm đặc biệt của tạp-chí FRANCE ASIE. chủ nhiệm : René de Berval, 1024 trang — Giá 500đ.

Bạn đồng nghiệp René de Berval, một nhà học giả Pháp ở Việt-Nam đã lâu năm, chủ trương Nguyệt-san văn-hóa FRANCE ASIE (Pháp Á) từ mười ba năm nay, là một người có công lớn trong việc sưu-tầm, kê cứu, và đề cao nhiệm vụ của Văn-hóa Á-Đông trong Thế giới. Nhờ Pháp văn là một từ ngữ thích ứng vào bậc nhất của Văn hóa, nguyệt-san FRANCE ASIE đã được phổ biến rộng rãi khắp các nước.

Bộ sách «PRÉSENCE DU BOUDDHISME» (Hiện-tại Phật-giáo) mà bạn đồng nghiệp vừa phát hành là một công trình vĩ đại về tổng hợp của tất cả các trạng thái Phật-Giáo, viết bằng Pháp ngữ và Anh ngữ do các nhà học giả trừu danh Âu-Á chuyên môn về Phật học.

Bộ sách trên một ngàn trang này kê cứu tường tận về lịch-sử hoạt động và văn hóa Phật-giáo từ 2500 năm, từ khi đản-sinh của Thái tử Siddharta, cho đến lúc Parinibbana (Paranirvanâ), — cũng như từ phát khởi của Phật-giáo nguyên thủy cho đến Phật học đương-kim, trải qua những phong trào lịch sử Phật giáo bành trướng khắp các vùng Đông-nam-Á, và những biến hóa triết-lý và lý-thuyết của Mahayanâ (Đại thừa) và Hinayana (tiểu thừa).

Chúng ta gặp nơi đây các nhà học giả, và bác học rất quen thân trên lĩnh vực khảo cứu Đạo giáo của Çakya Muni : J. Filliozat, André Migot, Suziki, Kusalasaya, Narada Mahathêra, Allen, Paul Mus, G. Coedès, C. Lounsberry, P. Lévy, v.v.. với những đề tài súc tích uyên thâm.

Với những người muốn hiểu đạo Phật mẫu nhiệm, thấu triệ, tư lưỡng và giáo lý rất nhân đạo của đức Thích-Ca Mâu-ni, bộ sách « PRÉSENCE DU BOUDDHISME » có thể đem đến cho họ tất cả những tài liệu sáng tỏ nhất và vững chắc nhất của Tôn giáo Hòa-bình, và Bắc-Ái : Tôn-giáo của con Người.

★ VĂN TÂY của Giáo-sư TỪ-PHÁT

(THANH-QUANG xuất-bản)

Quyển sách vở lòng Pháp văn rất dễ học, mau hiểu và dễ nhớ. Rất cần cho các người mới bắt đầu học Pháp-văn — Sách dày 69 trang — Giá 18đ.

★ GIÓ THIỀNG (thơ) của ĐỨC NHUẬN

(Do VẠN-HẠNH xuất bản)

Tập thơ gồm 23 bài đượm màu sắc và tư tưởng của Phật-giáo — In trên giấy Blanc-fin rất đẹp — dày 50 trang — 40đ.

★ DANH NGÔN

— Trong một quốc gia phải có nhiều bàn tay đen dũi và nhiều tâm hồn trong trắng.

(Will Rogers)

★ CỨ CÁN CHẾT THẦY GIÁO

Ở Thành phố Jal bên New-Mexico, có một tấm bảng đồng gắn công một trường học, báo hiệu cho tài xế xe hơi :

« Trường học. Coi chừng.

Kẻo cán chết học trò »

Có ai lấy phấn viết thêm một câu ở phía dưới :

« Nhưng cứ việc cán chết thầy giáo ».

MỸ-LAN

(Trường Tân-Thanh)

★ LỖI NHIỀU QUÁ !

Một hôm, ba cụ Tèo sau khi kiểm soát về sự học của con, ông nhìn thấy vở Cu-Tèo bị thầy giáo cho rất nhiều điểm xấu vì làm bài lỗi nhiều quá, ông hỏi :

— Tèo, Mày học hành thế nào mà bài vở lỗi nhiều thế này ?

Cu-Tèo vòng tay vội thưa :

— Thưa ba, không phải tại con đâu ạ, mà tại vì thằng Méo bạn con nhớ nhắc sai cả.

B. TH.



Truyện dài của cô VÂN-NGA
(Tiếp theo P. T. số 17)

TRONG khi bác Ba và anh Thuận tiếp khách, má tôi vào nhà sau trình bày cùng bà nội tôi về mục đích của buổi đi thăm viếng ấy. Hôm ấy bà tôi vui vẻ lắm liền gọi anh Ba vào hỏi thăm đến người vợ chưa cưới của anh, xong rồi bà mới lần la hỏi dò tánh tình của Thanh, vị hôn phu bất ngờ của tôi.

Tuy nhiên, khỏi cần phải nghe anh Khanh tán dương nhiều cho bạn, bà tôi cũng biết rõ về Thanh qua anh Thuận đã nói trước. Sau khi anh ra chợ thu xếp việc của bác Ba.

Bà tôi bảo cùng má tôi :
— Năm đã hỏi ý con Vân chưa ?

— Con chưa hỏi nhưng xưa rày nó thương anh nó lắm, chắc nó sẽ vâng lời. Bà tôi gật đầu nói thêm :

— Phải rồi, đó là gia đình mình có phước. Dầu vậy, việc này can hệ cả đời nó, cần nên hỏi qua nó một chút. Con vợ thằng Ba thì tao chưa thấy mặt không biết sao ; chứ còn thằng chồng con Tư, tao chấm được rồi da.

Má tôi liền nói :

— Má bằng lòng thì tui về lo tính tới việc đó.

— Ừ cứ lo đi, chừng đến đám cưới sẽ cho tao hay.

Bà tôi kêu Bê Ba là bác Ba gái của tôi dọn cơm khoảng đầu khách. Tiệc rượu dọn xong, bà tôi kêu anh Thuận lấy rượu chát rót mời Thanh uống, anh Thuận lấy rượu không vừa ý bà, bà bắt đổi chai khác. Bà ép Thanh uống nhiều rượu, và khi giữa buổi tiệc bà hỏi Thanh :

— Cháu uống rượu đó mà thấy nó làm sao ?

Thanh không hiểu ý bà, vội trả lời :

— Cháu yếu rượu nên thấy hơi ngà ngà...

— Mùi rượu ngọt không ? Ngon không ?

— Thưa ngon...

Cả nhà đều cười dài. Bà tôi mới nói :

— Rượu này là rượu của

thằng Kim-Hến hồi năm trước muốn đi hỏi con Tư mà không được đó. Nay cháu uống rượu của nó, sau đi ngang nhà nó phải nhớ ghé cảm ơn nó da...

Bà cụ thâm thật ! Thanh cười tùm tùm không nói gì...

Cơm nước xong, má tôi và các anh ở lại nói chuyện một lúc mới kiêu từ ra về. Má tôi đưa các anh đến nhà ông ngoại tôi ở trên khoảng giữa đường về.

Ngoại tôi là một ông đồ nho ngà nghiệp làm lang vườn, tánh tình hòa-nhã và vui vẻ. Ngoại tôi sống trong cảnh đạm bạc thanh bần, ưa những thú tiêu dao hơn mãi mê vòng danh lợi, nên khi trò chuyện với Thanh xong, tuy đầu bạc đầu xanh có khác, nhưng lòng đã tương ứng một thanh khí giao hòa của những kẻ vẫn đặt mình trên nghĩa vụ.

Ngoại tôi bảo riêng cùng má tôi :

— Cháu đây có chí khí hơn người, con Tư gặp được nó thật là tốt phúc, nhưng có lẽ nữa đời người nó còn lận đận vì quyết tâm đeo đuổi một công nghiệp hiển hách với đời.

Má tôi liền hỏi :

— Cha nghĩ thế nào về nó ?

Ngoại tôi vuốt râu, gật gù đáp :

— Ở đời có hai hạng người lương thiện khác nhau. Thứ nhất là hạng người sống vì một tư tưởng đẹp, đem hết cuộc đời mình ra để phụng sự cho một

cái gì cao quý và thiêng-liêng, lắm lúc hy-sinh cả bản thân của mình, quên lửng cảnh vợ bâu con dúi, mà chỉ nghĩ tới sự an vui và hạnh phúc cho mọi người : đó là tâm chí của những nhà chí sĩ. Thứ hai là hạng người làm ăn cần cù, quyết đồ mồ hôi ra tạo riêng một sự nghiệp cho mình, trọn đời sống vui trong lòng hạnh phúc của gia đình, hết dạ thương yêu vợ con và chỉ tranh đấu vì quyền lợi của họ mà thôi. Hai hạng người ấy không phải hạng nào dở hơn hạng nào, nhưng khác nhau chỉ có sự lập chí lớn hay là nhỏ : người muốn danh thơm để đời, kẻ chỉ lo sung sướng một nhà đó thôi. Thằng Thanh thì cha nhận thấy nó có khẩu khí vào hạng người trên...

Má tôi lo ngại :

— Vậy có nên gả con Tư cho nó không ?

— Theo ý cha, gả không cho nó cũng còn được. Ngoại tôi cười sáng khoái. Nhưng ít ra con Tư cũng phải hiểu qua chí hướng của thằng nó, và suy gẫm lấy mình kéo nữa hạnh phúc gia đình có nhiều chuyện lục đục đáng tiếc...

Chiều tối, má tôi và các anh mới trở về đến nhà. Anh Ba tôi chờ trong một dịp vắng vẻ, gọi tôi ra góc hiên mà chúng tôi vẫn thường đưa ra đẩy để nói chuyện thân mật với nhau.

Ahh tôi có vẻ trình trọng lắm !

— Mày biết Thanh vào đây để chi không ? Có lẽ dì Tư đã nói

rồi chứ ? Ừ, vậy thì câu chuyện dễ khởi đầu. Hôm nay tao cần phải biết ý kiến của mày có cùng đồng quan điểm hay không ? Gia đình đã bằng lòng gả mày cho Thanh, và các anh em trong đoàn hoan nghinh hết sức, duy chỉ còn hỏi lại mày có chịu ưng nó làm chồng không...

Tôi lơ đãng nhìn về một ánh đèn xa trong đồng, tay mân mê bút những tàu lá dừa và lòng đang vẩn vơ suy nghĩ đến một sự nương cậy vững vàng mai sau. Anh Ba tôi vẫn nói với một giọng thâm trầm và nhỏ nhẹ :

— Tuy gia đình chủ trương hôn nhân, nhưng con gái đời bây giờ cũng có quyền nhận định sáng suốt tương lai của mình để góp phần ý kiến và ưng thuận hay không bằng lòng thì cứ thẳng thắn nói ra vì nguyên do gì để cho gia đình dễ bề định liệu. Ép dẫu ép mở, không ai nỡ ép duyên, gia đình phải ý thức hạnh phúc của con em và cần thông cảm những nguyện vọng chánh đáng của người con gái sắp bước chân về nhà chồng để tránh sự gò bó trong những thành kiến hủ bại mà cả một đời người con gái phải cam chịu cảnh thiệt thòi khi vấp đã đóng thành thuyền. Vậy ý kiến mày thế nào, mày cứ nói đi. Má kêu tao hỏi dò mày, và tao cùng các anh em cũng muốn biết xem lòng mày định làm sao ? Mày cứ nói đi, đừng ngại gì hết, vì mẹ và anh vẫn đặt tình yêu của mày trên mọi quyết định...

Tôi không biết mở miệng thế nào, mãi sau mới ấp úng bảo :

— Má và anh... tính sao cũng được...

Tôi quày trở vào nhà, và đêm ấy tôi không sao chợp mắt trước nửa đêm. Tôi quan niệm hôn nhân là một bài toán cộng và là một bài toán trừ. Cộng thêm tình yêu và hôn phận vào mình, đồng thời cũng trừ đi những cá tánh kỷ kỷ của mình để lo cho người khác không phải là mình nhưng lại là tất cả của mình...



VMI

TÂN-TÁC !...

Sáng hôm sau là buổi tạm biệt đầu tiên thiết thiết nhất trong đời tôi !

Thanh vì phận sự không thể chơi lâu trong nhà, anh phải về tỉnh và sẽ có mặt trong một cuộc bỏ thăm của các đoàn thể chánh trị để bầu một phó chủ tịch Việt-Minh, mà Thanh có nhiều hy-vọng được đa số tín-nhiệm.

Anh Ba tôi cũng đi theo các anh để lên đường về Hà-tiên. Má tôi cũng có việc phải ra Giồng-riêng, người dự bị nấu cơm sáng dưới ghe, nhà nông thường dùng bữa vào lối chín giờ sáng, và sẽ đón các xường câu tôm để mua thức ăn. Tôm càng đạo ấy nằm các bạc một cân, tha hồ cho các anh xơi.

Má tôi soạn những thức cần dùng và gắt tôi :

— Mày đi theo chai nước màu tím gì, tôm kho tàu có cần dẫu thứ này ? Lại còn nước chấm để ăn với tôm nướng phải là mắm muối tiêu chứ sao là nước mắm chanh ?... Con nhỏ này bữa nay nó đi hờn nó ở đâu chứ ?

Quả thật hôm ấy tâm trí tôi xôn-xao lạ. Tôi cảm thấy buồn-buồn như đánh mất một vật gì. Tôi hơi thờ đờng nhìn theo mái con thuyền từ từ nhạt bóng trong lòng rạch xa mà, bỗng dừng, cặp mắt trong suốt của người xuân lần đầu tiên in hình một chàng trai trẻ hiền ngang đã ướt nhòa những lệ một cách rất là vô lý.

Người ý hôn phu của tôi, chỉ nói được với tôi có một câu, sẽ bao giờ trở lại nữa ? Chàng đã đưa mắt lưu luyến nhìn về tôi trước khi con thuyền tách bến, đôi cặp mắt biểu lộ bao nhiêu tình nồng nàn say đắm trong buổi chia ly, mà rồi đây cách mặt, xa người, chàng có còn giữ mãi được hình ảnh của người con gái bé nhỏ bên bờ sông vẫn đem tâm tư theo rồi mãi bên chàng chăng ?... Nơi xa hoa đô hội, trong công việc hằng ngày, chàng vẫn tiếp xúc với bao bóng hồng duyên dáng, lòng chàng nghiêng nặng về ai ?...

Tôi nghe nhiều người bàn đến ái tình, hôm nay tôi mới nhận thức được mãnh lực vô cùng của nó.

Có người xem ái tình như một độ nắng mùa thu có bướm đẹp nhơn nhơn bên hoa thắm, bướm

hoa tương đắc giao hòa cho đến khi nắng hồng đã tắt, hoa ở lại bướm bay đi để chờ một ngày nắng khác lại về vãng tìm một mùi ngọt của cánh hoa mới, tuy thắm thiết đấy mà cũng dễ lững quên nhau đấy. Tình yêu nơi họ không duy nhất, và họ quan niệm đời không có gì mà không thay đổi, dẫu là tiếng nói thiêng liêng của lòng !

Có người vì ái tình như một tiếng sét, và khi họ tiếp nhận được thì dấu vết ghi khắc bên lòng mà dù cho thời gian luân chuyển, biến cả cồn dâu, tình yêu của họ cũng không xóa nhòa. Yêu một lần và yêu mãi mãi, họ chỉ trung thành với mối tình đầu và không bao giờ có thể yêu được đến lần thứ hai.

Trong trường hợp của tôi, có lẽ tiếng sét ấy đã đến...

Thanh dẫu phải là người đầu tiên đến hỏi cưới tôi, trước chàng còn nhiều người khác thường tới lui để được lòng tôi, thế mà sao tôi vẫn đứng vững với họ và tự nhiên chợt cảm thấy có cái gì thiêng liêng gắn bó tôi vào kẻ đến sau...

Vài hôm sau, có gia đình của ông Phan Ba làm ở nhà thương Giồng Riêng tản cư vào nhà tôi ở. Vợ chồng ông có đông con ; ba gái đầu lòng là Thanh, Con, Dung vẫn chơi thân với tôi từ lâu, hai trai thứ tên Tân và Hưng là bạn của các em trai tôi, và hai cô gái nhỏ là Lệ và Lan làm bạn với em Mười. Cùng một trạc

tuổi vô tư, chúng tôi sống trong một bầu không khí vui vẻ và cư xử với nhau như anh em một nhà. Bọn lớn đùa nhau khoe tài khéo trong bếp, còn đám nhỏ nô đùa ngoài sân, tốp giả làm lính Tây, tốp giả làm du kích, bắn súng miệng om xòm.

Từ ngày anh Ba được trở về, nhà tôi thường được nhiều dịp vui nhưng chưa khi nào ồn ào như lúc này.

Một bữa nọ, trong khi tôi và các bạn gái đang ngồi thêu thùa và tâm sự với nhau, bỗng có chú chín Miên đến nhà. Chú đi đồ sung công và có liên lạc viên chào cho, xem oai ra phết.

Chú hỏi ngay tôi, cặp mắt không có tí gì là thiện cảm:

— Hôm trước Thanh vào đây làm gì vậy?

— Anh vô chơi với anh Ba...

Chín Miên cười gằng:

— Và chị Năm đã hứa gã Vân cho nó !...

Tôi nín lặng không nói gì. Chín Miên lại bảo:

— Thăng Khánh lếu lảm, tính chuyện không lợi chút nào cả. Vân biết thằng Thanh bây giờ ra sao không?

— Không.

— Nó bị bắt rồi. Chín Miên đặc ỳ nói như vậy.

Tôi ngán ngời, lắp bắp trong miệng:

— Không !... Không đúng thế..

— Không đúng sao được chứ?

Nó là tên Việt-gian nguy hiểm, ai để yên cho nó. Người ta đã

bắt nó đưa về Sóc-trăng cho Tòa án Nhân dân xử. Ít người bị ra tòa án ấy mà còn sống trở về lắm...

Tôi đứng dựa vào cột, nửa tin nửa ngờ. Mọi cách xa không đây một tuần lễ mà việc xảy ra ư? Sao Thanh bị bắt? Và về tội gì chứ? Còn cảm tử đoàn của anh ra sao? Hay là Chín Miên nói láo? Không. Một tin tức như vậy. Chín Miên không thể bày đặt ra được...

Chín Miên nhìn vẻ hoảng hốt hiện trên mặt tôi, giả bộ thương tình:

— Không ngờ thằng Khanh nó làm khổ em nó đến bậc này. Nhưng dù sao việc còn cứu chữa được vì hai bên mới hứa hẹn xuông với nhau, và thời gian sẽ là môn thuốc quên hay nhút...
(Còn nữa)

BẢO MỜI

Chúng tôi vừa nhận được Nhật báo « Công Dân » do 2 bạn Lê Trọng Quát, Chủ nhiệm Phạm Bá Nguyên, Tổng Thư ký tòa soạn, vừa phát hành số đầu ngày 26-27-7-59 tại Huế.

Ấn-loát sạch sẽ, trình bày sáng suốt và tỉu tức đầy đủ, có nhiều bài giá trị.

Trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả của Phở Thông và chúc quý đồng nghiệp mạnh tiến trên đường ngôn luận.

P. T.

Trả lời những câu hỏi ở trang 100

1.— Nhà Thám hiểm « Bồ đào nha », Tên Magellan đã khởi đầu cuộc mạo hiểm vòng quanh thế giới vào năm 1519.

2.— Bài thơ *Sur le fleuve des parfums* (Nocturne) đăng lần đầu trong Tạp chí « Đô thành Hiếu cổ » năm 1916. Ký tên : F. G. H. (Bulletin des Amis du vieux Huế), có người cho rằng F. G. H. là Henri Guibier, giám đốc sở làm chánh trung kỳ.

3.— Vợ vua Quang Trung là Ngọc Hân Công Chúa ; con vua Lê Hiến Tôn 1740-1786.

4.— Thủy tổ vật lý học là Galileo galilée, người nước Ý, sanh năm 1564 ở thành pise, mất năm 1642 ở quận Toscane (Ý).

5.— Nguyễn Nhược Pháp con nhà văn hào Nguyễn-văn-Vĩnh, sinh ngày 12 décembre 1914 ở Hà Nội; mất ngày 19 Novembre 1938.

6.— Tác phẩm « voyage autour de la lune » của nhà văn Jules Verne.

7.— Amundsen tới Nam cực đầu-tiên ngày 14 tháng 12 năm 1911

8.— Emmanuel kant sinh ở Konigaberg. Con của một người thợ đóng yên ngựa nghèo hèn. Ông là nhà triết học danh tiếng

9.— Lúc đem quân đi đánh Đông Ngò, Ngụy vũ Đế (tức Tào Tháo) đã làm bài «Đoãn-ca-hành» trên sông Xích Bích.

10,— «Láng giềng đã đổ đèn dầu?

Chờ em ăn giết miếng giàu em sang».

là của thi sĩ Nguyễn Bính (ông sinh năm 1919 ở làng Thiên Vĩnh, huyện Vụ bản (Nam định). Chỉ học ở nhà với cha và cậu. Làm thơ từ năm 13 tuổi. Năm 1937 ông đã được Tự lực văn đoàn tặng giải khuyến khích về thơ.). Trong bài « Lãng lơ » :

Đôi ta cùng ở một làng

Cùng đi một ngõ, vội vàng chỉ anh?

Em nghe họ nói mong manh,

Hình như họ biết chúng mình với nhau.

Ai làm cả gió, đất cau,

Mấy hôm sương muối cho giàu đồ non»

(Trích tập « Tâm hồn tôi » do Lê cường Hà nội xuất bản năm 1940).

11.— Bộ I — số 1 của tạp chí Phở Thông ra vào tháng giêng năm 1952. Tòa soạn và ty quản lý đặt ở nhà số 2 đường Khai định Đalat, Nguyễn-Vỹ, (Bất tiểu nhân) — Nguyễn-Hữu-Thứ — Phạm ngọc-Chiếu — Trần-trọng-Kim — Trịnh-dinh-Thảo — Trúc Quân — Trần-thanh-Phong — Phạm-Văn ! Là những tác giả đã có bài đăng trong số ấy.

HƯƠNG-THU



★ BA-TEO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

- 2739.— Ra về ngõ trước ngõ sau,
Ngõ nhà mấy cột, ngõ
cau mấy buồng ?
- 2740.— Ru hời ru hời là ru,
Con cá thù-lù có sạn đầu
đuôi.
- 2741.— Rủ nhau xuống biển mò
cua.
Đem về nấu quả mơ
chua trên rìng.
- 2742.— Rủ nhau đi cấy đi cày,
Bây giờ khó nhọc có
ngày phong lưu
Trên đồng cạn dưới đồng
sâu
Chồng cày vợ cấy con
trâu đi bừa
- 2743.— Rung-rinh nước chảy,
qua đèo.
- Ngựa đua dưới biển
thuyền chèo trên non.
- 2744.— Rung-rinh nước chảy
trên đèo,
Bà già lật đặt mua heo
cười chồng.
- 2745.— Rượu không uống, mang
bầu chịu tiếng,
Ngồi bên miệng giếng,
chịu chữ khát khao,
- 2746.— Sáng ngày tôi đi bán dầu,
Gặp hai anh ấy ngồi câu
thạch-bàn.
Hai anh em đừng dầy
hỏi han.
Hỏi rằng : « Cô ấy vội-
vàng đi đâu ? »
— Thưa rằng tôi đi bán
dầu,

- Hai anh mở túi đưa
trầu cho ăn.
— Thưa rằng bác mẹ
tôi rần.
Làm thân con gái chớ
ăn trầu người.
- 2747.— Sáo treo ba bức lễ loi,
Không cho bướm đậu,
lại đòi bướm bay.
- 2748.— Số em là số làm giàu,
Ăn cau vọng nguyệt, ăn
trầu cạnh dơi.
- 2749.— Số anh là số làm giàu,
Trông ngời sáo vẽ, nhà
tôi đứng hầu.
- 2750.— Sông Mơ, sông Mạn,
sông Đào.
Ba ngọn sông ấy chảy
vào tuần ty.
Tôi trót yêu anh bụng
đã phát phì.
Thuốc thang đau khỏi
anh thì báo tôi.
— Phềnh - phềnh lớn
giữa lớn ra.
Mẹ ơi ! con chẳng ở
nhà được đâu.
Ở nhà làng bắt mắm
trầu,
Cho nên con phải dăm
đầu ra đi.
- 2751.— Sông càng ngày càng
cạn.
Núi càng ngày càng cao.
Thuyền-quyên ước hỏi
anh hào.
- Sự tình thắm - diễm,
chàng tỉnh làm sao cho
thiếp nhờ.
- 2752.— Sông ngân hà vệt lợt
không ước lỏng,
Rũa kêu đá nổi thiếp
không gặp chàng.
- 2753.— Sông ngân ó-thước bắt
cầu.
Thành-nhơn chi mỹ cú
đầu tạ ơn.
- 2754.— Tay mang khăn gói
sang sông.
Mẹ gọi mặc mẹ theo
chồng cứ theo,
Thuyền bông gởi lái về
đông.
Con đi theo chồng để
mẹ cho ai ?
— Mẹ già đã có con trai
Con là phận gái đảm
sai chữ tông
Chỉ thề nước biết non
xanh.
Theo nhau cho trọn tử
sinh cũng đành.
Trời cao bề rộng mộng-
mênh,
Ở sao cho trọn tâm-tình
phu-thê.
Trót đã ngọc ước vàng
thề.
Dẫu rằng cách trở sơn
khê cũng liều.
- 2755.— Tìm em như ná tìm
chìm,
Em đi ngã bắc, anh tìm
ngã nam.

(Còn nữa)

CÁ DAO VỀ BẦU CỬ QUỐC-HỘI

Mặt trời đã mọc mình ơi !
Dậy đi bỏ phiếu cho tôi theo cùng.
Lá thăm là khẩu súng đồng,
Bắn tan Việt-Cộng, yên lòng nhân dân.

★
Anh đi đâu ? Chị đi đâu ?
Ba mươi tháng tám đi bầu cho đông
Anh em cha mẹ vợ chồng,
Cùng đi bỏ phiếu một lòng hân-hoan.

★
Ba mươi tháng tám mình ơi !
Đi bầu Quốc-Hội mình thời rủ tôi.
Ba mươi tháng tám đến nơi,
Đi bầu Quốc-Hội thì tôi rủ mình.

★
Dù ai buôn bán trăm nghề,
Ba mươi tháng tám nhớ về tham gia.
Bầu cử Quốc-Hội nước nhà,
Cộng đồng Nhân-Vị, quốc-giao hùng-cường.

★
Ba năm mới có một lần,
Tham-gia bầu-cử, góp phần công dân.

ĐÁP BẠN

BỐN

PHƯƠNG



- ★ **Bạn Duy Châu-Hội An**
Chúng tôi đã nhận được thư của bạn. Rất tiếc không đăng được.
- ★ **Bạn Hồ Công Ân-Quảng trị**
1) Trên các hóa-phẩm ngoại quốc có ghi năm chữ Breveté S. G. D. G : Sans Garantie Du Gouvernement, nghĩa là được bằng-cấp chứng-chỉ nhưng không có sự bảo đảm của Chánh Phủ. (Nói về phương-diện Độc-quyền thương-mãi, chứ không phải về giá-trị của món hàng).
2) Các hóa phẩm bạn kể, tuy nói làm tại Việt Nam, song nguyên liệu toàn là của ngoại quốc nên dùng chữ ngoại quốc để tên các hóa phẩm ấy.
3) Những chuyện « tiên » ấy đều là di-đoan cả.
- ★ **Ông Phan Ngọc Dung — Nhân viên hành chánh — Quảng-trị**
Về tiền phụ-cấp hồi thời Pháp, ông nên gửi đơn khiếu nại lên ông lãnh-sự Pháp ở Huế.
- ★ **Em Nguyễn Tấn Phương — Đề lục B — Tây Hồ — Đà Nẵng.**
Em có thể viết tay hay đánh máy bài gởi đến tòa soạn. Cần nhất là viết hay đánh trên một mặt giấy.
- ★ **Bạn Lữ phụng Ba — đường Phan chu Trinh Tam Kỳ**
Bạn nên viết thư lại hỏi các cơ quan có thẩm quyền ở địa-phương, có lẽ sẽ biết đầy đủ chi tiết hơn.
- ★ **Bạn Hoàng-Hùng — đường Nguyễn Hoàng — Đà Nẵng.**
1) Muốn mua các quyền sách Pháp, bạn nên viết thư hỏi các hiệu sách lớn như nhà sách Xuân-Thu ở đường Tự Do Saigon

2) Gửi tem để mua báo Sélection, tức là gửi tem Pháp, chứ tem Việt-Nam sang Pháp không thể dùng được.

3) Về cách mua các bài hàm thụ ngoại quốc, bạn nên hỏi ở nhà Bru-Điện.

★ **Bạn Phạm-Phú — An Giang.**

1) Tôn-giáo có sau luân-lý. Luân-lý có ngay từ khi loài người biết phân biệt điều phải trái. Tôn giáo đặt ra cũng có một mục đích là duy trì luân lý.

2) Hoặc : so sánh hai sự kiện tương phản : Lúc trời mưa HOẶC trời nắng.

Hay : so sánh hai sự kiện tương đồng : Chúng tôi, HAY các anh đều nhận thấy rằng...

3) Thể thao hay thể thao : môn tập thể dục (sport)

Thể dục : một môn giáo dục thân thể (Education physique)

★ **Em Phạm-văn-Hóa — 331/112 Vườn Chuối — Saigon.**

1) Bút hiệu : tên riêng của nhà văn để ký dưới một tác phẩm.

2) Chừ : bây giờ (tiếng Huế)

3) Phở thông bộ cũ chỉ in 3.000 quyển, Phở Thông bộ mới mỗi kỳ phát hành 15.000 quyển, vì vậy có nhiều độc giả không xem được bộ cũ, nên yêu cầu chúng tôi in lại các bài trong Phở-Thông cũ. Tuy vậy chúng tôi chỉ lựa in một đôi bài thôi.

4) Tên Ba Tèo không phải một tên hài hước, Có lẽ một bạn nào đó thấy cái tên hơi lạ ấy rồi có ý nghĩ như thế chăng ?

★ **Bạn Hoa Ngô Đồng — Quảng Nam**

1) Đặc-sứ : (Ministre plénipotentiaire), đại diện đặc biệt trong một thời hạn nào để giải quyết một vấn đề quan trọng.

2) Đại sứ : (Ambassadeur). đại diện thường xuyên của một nước.

2) Câu «A trompeur, trompeur et demi» cũng như «Ả malin, malin et demi» có nghĩa là dối trá mà không thật dối trá, chỉ dối một nửa còn bị lộ tây một nửa.

Tiểu thuyết Wuthering Heights (Núi Gió Hú) của Emily Brontë dài quá và không hay lắm.

4) Ông N.V. quê ở Quảng Ngãi.

★ **Bạn Huy Văn — Gia Định,**

Nếu bài gửi lâu rồi mà không thấy đăng tức là không đăng được

★ **Bạn Bình Sơn — Sinh viên — Phú-nhuận.**

Theo báo C.M.Q.G. ngày 1-6-59, thi nhà văn Vũ-anh-Khanh vượt tuyến vào Nam vào tháng 5-59, khi qua Bến-Hải bị V.C. bắn chết.

★ **Một độc giả ký tên TR. HM (Huế)**

Tòa soạn có xem thư của bạn, không có gì cần trả lời. Chủ trương P. T. rất rõ rệt, nếu không vừa ý bạn đó là điều chúng tôi rất tiếc.

★ **Bạn Trần Việt Thanh — Phú-Nhuận.**

1) Những bài đã đăng rồi có thể cho xuất bản thành tập.

2) Thạch Lam tên thật là Nguyễn trường Lưu . T.T. KH : Trần thị Khánh

★ **Bạn N.B.T — Huế**

Chúng tôi đã chuyển lời yêu cầu của bạn đến bà Thường-Lạc, bạn nhớ đón xem. Chữ C ghi trên Hàn thử biểu nghĩa là Chaud (nóng) F tức là Froid (lạnh)

★ **Bạn Nguyễn Thới Tây-Giang — Qui-Nhon**

Bạn có hồn thơ rất dồi-dào, chỉ tiếc rằng lời thơ chưa được điều luyện lắm và còn nhiều đoạn hơi rườm. Tuy vậy nếu bạn tiếp tục cố gắng trau giồi, bạn sẽ thành công. Thành thực cảm ơn thư bạn.

★ **Bạn Nam-Tuấn — Sài Gòn**

1) Phở-Thông bộ cũ (1952) hiện ở tòa-soạn cũng không còn.

2) Người Pháp đặt tên, thường lấy tên Thánh rồi đến tên gia tộc và chót hết là họ.

Thí dụ : tên Jean-Jacques Rousseau (Jean = tên Thánh, Jacques = tên gia tộc, Rousseau = họ).

★ **Bạn Đặng văn Nhơn — Huế**

Tín-đồ Phật-giáo không những cử ăn thịt Trâu, thịt chó, và cá gáy, mà cử ăn tất cả các sinh vật. Làm thịt các con vật để ăn tức là hại một linh hồn, phạm vào giới sát sanh.

Về Thiên chúa giáo, muốn cho các Tín-đồ kèm chế bớt dục-vọng và chuộc bớt những tội lỗi đã qua, Giáo-hội bắt buộc mỗi Tín-đồ phải kiêng thịt, mỗi tuần vào ngày thứ sáu.

★ **Ông Cao minh Quán k.b.c 3045**

Đã nhận được thư ông. Xin cảm ơn những ý kiến xây dựng của ông.

★ **Bạn Kim Huyền — Bến Ngự — Huế.**

Trên thế giới có Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo có nhiều tín

đồ nhứt. Về đạo Cao-Đài, chúng tôi không thể bàn rộng trong phạm vi nhỏ hẹp của mục này được. Rất tiếc.

★ **Bạn Lê hoài Diên — Tịnh Tâm — Huế.**

Câu « Có hai người vợ tức là thừa một người. Có một người vợ, cũng là thừa một người, » nghĩa là có hai người vợ đối với pháp luật là thừa một người. Có một người vợ cũng là thừa một người, đó là ý kiến của những người thờ chủ-nghĩa độc thân, nếu chỉ có một người vợ, đối với họ cũng là dư rồi.

★ **Bạn Nguyễn minh Hoàng — Trung Thành**

Eduquer, do gốc La-tinh Educare : giáo dục

Education (Educatio) : sự giáo hóa.

— La vie doit être une éducation incessante (Flaubert)

— Nous recevons trois éducations différentes ou contraires : Celle de nos pères, celle de nos maîtres, celle du monde (Montesquieu).

★ **Bạn Võ văn Bé — học sinh — Cai Lậy, HỒI :**

« 1) Do đâu mà có Tòa án quốc-tế? và tại sao lại phải đặt ở La Haye ?

2) Quyền hạn của Tòa án ấy như thế nào? Có thể coi nó như một Tòa Án của Liên-hiệp-Quốc không?

3) Quốc ca của những nước Nhứt — Pháp — Anh, Mỹ, Thái Lan, là những bản nào? ĐÁP :

Quốc-thiên Nhứt

Ni mi ga yo wa tchi yo ni ya tchi yo
ni sa za re i shi no i wa wo to na ri le ko ke
no mou sou ma de

Tạm dịch:

Câu chúc Hoàng-triều muôn năm và tam
muôn năm, cho đến bao giờ đá vẫn còn
đá, và cây đồng dây dặc

Quốc-thiên Pháp

Al-lons, en-fants de la pa-tri... e. Le jour de gloire est ar-ri-vé!
Contra nous de la ty-ran-nie L'é-ten-dard sanglant est le-vé!
L'é-ten-dard sanglant est le-vé! Enten-dez vous dans les cam-pagnes Mu-
gisse ces fi-ro-ce-sol dards? Ils vien-nent jus-que dans nos bras:
E-gor-gez nos fils, nos com-pa-gnes. Aua ar-mes, ci-toy-ens!
for-mez vos ba-tail-lons! Mar-chez! Mar-chez! Qu'un sang pur a breu-
ve nos sil-lons!

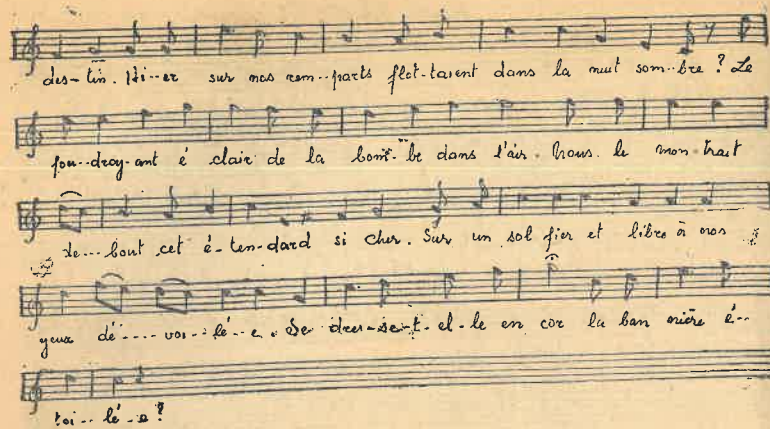
Quốc-thiên Anh

God save our gracious King Long live our no-ble King God save
the King! Send him vic-tor-ies hap-py and glo-rious. Long to
reign o-ver us God save the King.

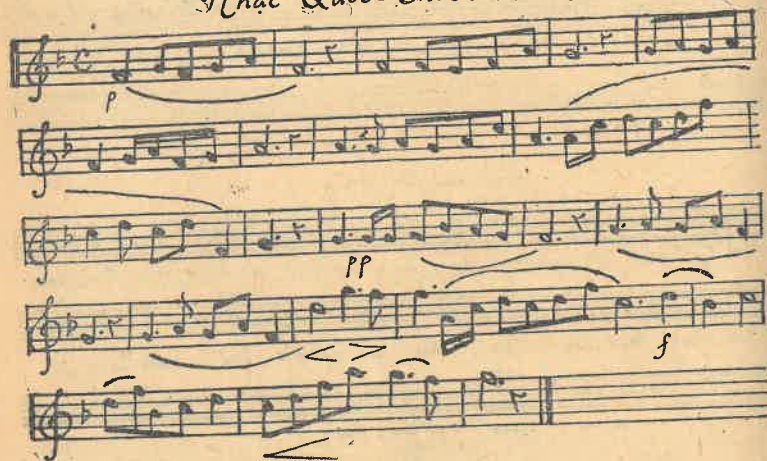
Quốc-thiên Mỹ

Maestoso

Oh! di-rect us to the stars and the sea-son of the dra-geon que vos
es-ces ont sa-lu-é dans l'am-bre. Dont les fils d'or-lis di-fi-ant le



Nhạc Quốc-Chiêu Xiêm



—TÒA ÁN QUỐC TẾ (Cour internationale de Justice) Tòa án này lúc mới đầu, có tên là «Cour permanente de justice internationale» (Tòa án quốc tế thường trực) được hội Vạn Quốc (Société des Nations) đặt ra năm 1919, sau thế giới đại chiến thứ nhất (1914-18), áp dụng điều khoản 36 của Nội quy Hội Vạn quốc, theo đó tất cả các nước hội viên phải tuân theo trong các trường hợp tranh chấp về pháp lý quốc tế. Mỗi năm tòa án ấy phải nhóm họp ít nhất là một lần tại LA HAYE, thủ đô Hòa-lan. Năm 1945, sau Thế giới đại chiến

thứ nhì, cơ quan ấy đổi tên là Cour internationale de justice (Tòa án quốc tế) cũng do nội quy của Liên Hiệp Quốc O.N.U. — Organisation des Nations Unies, hay là U.N.O. — United Nations Organization tức là Hội vạn Quốc (S.D.N. — Société des Nation) hồi trước. Tòa án này gồm 15 nhân viên do Hội đồng Bảo an (CONSEIL DE SÉCURITÉ) của L.H.Q. (Liên-Hiệp-Quốc, O.N.U.) đề cử, để giải quyết các vấn đề tranh chấp về pháp lý Quốc tế do một hay nhiều hội viên nêu ra

BACH YẾN

CÙNG CÁC BẠN GỞI MUA CÁC SỐ BÁO CŨ

Chúng tôi rất cảm ơn thịnh tình của quý bạn gửi tem đến tòa soạn để mua các số báo thiếu. Nhưng vì hiện ở tòa soạn, các số báo cũ đã hết và còn đang thiếu hồi các nơi đại lý, khi nào có, trong một ngày gần đây, chúng tôi sẽ tin các bạn biết trên mặt báo và sẽ gửi các số báo thiếu đến các bạn đã gửi tem mua. Chúng tôi sẽ cố gắng thỏa mãn nhu-cầu của các bạn. Xin các bạn nán chờ.

Thân mến
P.T.

CÙNG CÁC BẠN GỞI BÀI

Xin trân trọng nhắc lại các bạn có thịnh-tình gửi bài đến P.T. (nhất là THƠ): chúng tôi rất hoan-nghênh, nhưng vì tạp-chí ra mỗi tháng chỉ 2 lần, mà bài các bạn gửi về thì nhiều, nên chúng tôi không thể trả lời ngay là đăng được hay không đăng được, hoặc sẽ đăng trong số nào. Mong các bạn thông cảm cho.

Vạn tạ
P.T.

TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

- ★ Ông Tôn văn Hứa — K.B.C. 6086 — Đại đội 14,
Ngày 19 tháng 4 năm 1934 tức là ngày Canh thân, tháng Mậu-Thìn năm Giáp Tuất ngày mồng 6 tháng 3 âm lịch.
- ★ Ông Huỳnh Cừ-m — Số ba Rọc Rau muống — Nha-trang.
Ngày 10-5-1934 Dương lịch nhằm ngày 27-3 ngày tân tị, tháng Mậu Thìn, năm Giáp Tuất — chín giờ là giờ thìn.

★ Ông Lê Dương — k.b.c. 4091.

Ngày 8 tháng 8 năm Nhâm thân tức là ngày thứ bảy 8-9-1932
Dương lịch.

★ Ông Nguyễn văn Hảo — Nông tín cuộc — Ninh Lộc — Huế.

1) Ngày 2-12-1932 là ngày 5 tháng 11 năm Nhâm thân, ngày Đinh-
dậu, tháng Nhâm Tý.

2) Ngày 7-12-1934 là ngày mùng 1 tháng 11 năm Giáp Tuất, tháng
Bính Tý, ngày Nhâm tý âm lịch.

3) Ngày 22-6-1937 tức là ngày 14 tháng 5 Năm Đinh sửu, tháng
Bính ngọ, ngày Canh thìn.

4) Ngày 4-3-1944 tức là ngày mùng 10 tháng 2 năm Giáp thân,
tháng Đinh mão, ngày Đinh mão.

5) Ngày 1-5-1955 là ngày mùng 10 tháng 3 năm Ất mùi, tháng
Canh thìn ngày Nhâm tuất.

★ Ông Cao kim Long -- ty Thủy nông — Kiên giang.

Ngày 14 tháng 6 năm Ất sửu (chữ không phải Tân sửu) là ngày
thứ hai 3 Aout 1925 Dương lịch.

★ Ông ... văn Sửu — 17 Trương tấn Bửu — Cho lon.

1) Ngày 14-1-1951 là ngày mùng 7 tháng chạp năm Canh dần tháng
Kỷ sửu, ngày Giáp dần.

2) Ngày 9-5-1952 là ngày 16 tháng 4 năm Nhâm thìn, tháng Ất tị
ngày Ất mão.

3) Ngày 4-8-1954 là ngày 6 tháng 7 năm Giáp ngọ, tháng Nhâm-
thân. ngày Nhâm thìn.

4) Ngày 15-5-1925 là ngày 23 tháng 4 năm Ất sửu. tháng Tân
tý, ngày Kỷ Hợi.

★ Ông Nguyễn như Ý — Phan rang.

Ngày 12 tháng 10 năm Canh ngọ tức là ngày thứ hai 1-12-1930
Dương lịch.

NGUYỄN-TRIỆU

BẠN ĐỌC VIẾT

★ Nhắn bạn :

Của ông Thanh Sơn — 38J đường Phan đình Phùng
— Phong Dinh

Đơn thành nhắn gọi bạn THANH-CHÁU

Đó đã quen đây cũng khá lâu

*Duyên nợ văn chương thơ ráo mực
Đáp đền thi phú rượu nghiêng bầu !
Song Long giòng nước là đà chảy
Núi vọng áng mây đứng đỉnh sầu !
Cảnh trí thiên nhiên đường ý thức
Ai là tri kỷ thấu cho nhau ?*

★ Của ông Lương trọng Minh — Huế
Cảm kích bài « tại sao tôi dịch quyển Bonjour Tristesse »
của Diệu Huyền.

*Bonjour Tristesse của Diệu Huyền
Dẫn-dắt muôn người viếng cảnh Tiên
Bất-bề nô-đùa, ôi ! nhĩ-nhánh !
Tâm-tình vạn nẻo, tình rồi điên... !
Diệu Huyền Tristesse lại Bonjour !
Ngao-ngán cho ai kẻ khóc cười ?
Riêng một tâm-tình Ông Nguyễn-Vỹ
Vui lòng cho dịch sách thời xưa !
Diệu Huyền đồng điệu với Sagan ?!
Giám đốc tinh-thần báo Phê thông,
Khuyến-kích cho Nàng phôi dịch mãi...
Làm tôi réo-rắt nhạc tơ lòng...
Sagan ắt hẳn có Lang-quân !
Khép chặt khuê-phòng : mộng bốn phương,
Không hiểu Diệu-Huyền : chưa, có, nhĩ !
Nhờ ông Giám-đốc mách dùm chẳng !
Mai mỗi dùm, tôi sẽ trả công !
Buồn ơi ! thất vọng ! lại chào Ông !
Bonjour Tristesse, Bonjour mãi
Giám-đốc tinh-thần báo Phê Thông !*

LƯƠNG-TRỌNG-MINH

★ Em Quốc Minh — đường Trần quý Cáp — Hội An

1) Chúng em thường nghe người ta hát:

Quăng Nam hay cãi

Quăng Ngãi hay co

Bình Định hay lo

Thừa Thiên nich hết

Câu hát ấy có nghĩa là sao ? Vì đâu mà sinh ra ?

2) Và câu này nữa gây dư luận xôn xao không ít cho thơ sinh
xứ Quảng.

*Học trò trong Quảng ra thì
Thấy cô gái Huế chân đi không dành*

Theo thiên ý của riêng em, câu ấy hoàn toàn trái ngược hẳn — Vì không phải tự phụ — chứ nhìn vào lịch sử ta khách quan mà xét học trò Quảng đi thi cũng có lắm người đỗ đạt cao chứ có ít đâu — các cô gái Huế mơ ước :

« Vỡn anh đi trước, vỡn nàng theo sau »

Thưa cô ! từ xưa đến giờ, đàn bà hình như dư, trong Quảng không có cô gái nào mà ra đến Huế mới « chân đi không dành » Như thế hơi độc đoán và oan cho thư sinh xứ Quảng lắm cô à ! Thưa cô ! Xin cô lấy tư cách khách quan mà trả lời hầu thư sinh xứ Quảng được nhờ, chứ nếu ra Huế mà nói tiếng Quảng đặc sệt chị em người ta cười, và đọc cho hai câu thần chú ấy chỉ còn có cách độn thổ là xong !

Cho nên em xin sửa chữ « Thấy » ra chữ « Mấy » Thế mới đúng cô nhĩ ! nghĩa là : *Học trò trong Quảng ra thì, mấy cô gái Huế chân đi không dành.*

ĐÁP :

1) Câu hát ấy có ý nói về đa số người ở Quảng Nam hay cái người Quảng Ngãi hay « có đầu cứng cổ » và người Bình Định thì ưa lo lót trong các việc kiện tụng, còn các quan lại phần nhiều là người Thừa Thiên chỉ thích ăn hối lộ (ca dao hồi xưa không thích hợp với tâm lý quần chúng hiện giờ ở các địa phương nói trên)

2) Câu ca dao thứ hai cũng chỉ là đùa giỡn các học trò hồi xưa ra thì ở Thần-Kinh, thấy các cô gái Huế thì mê. Chớ không có ý nói xấu học trò Quảng.

BẠN CỬU-LANG ỨNG-CỬ DÂN BIỂU RẠCH-GIÁ

9 đồng bào bị án chánh trị dưới chế độ cũ vừa gởi đơn đến Tòa Phá Án đề điều chỉnh tình trạng hợp lệ ra ứng cử Quốc-hội khóa 2, có 6 người Tòa tuyên bố là đủ tư cách.

Trong 6 người ấy, có ký giả Nguyễn Bình Thịnh tức là Cửu Lang, thường ký bút hiệu Nguyễn Bình Long, dự định ứng cử tại đơn vị I (Kiên Thành và Phú Quốc tỉnh Kiên-Giang (Rạch Giá).

Bạn Nguyễn Bình Thịnh đang hoàn thành quyền sách « Địa Ngục Côn Nôn dưới thời thực dân Pháp » là một thiên hồi ký rất hấp dẫn.

Đính-chánh ; THƯƠNG-NGUYỆT

★ Vì có sự sơ sót của ấn-công, ở trang 22 bài thơ « TÌM NHAU » của bạn THƯƠNG-NGUYỆT chớ không phải Trương-Nguyệt.

Vậy xin cáo lỗi tác giả cùng quý bạn đọc.

P.T.

K. D. số : 182/HĐKD — Saigon ngày 4-8-1959
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

Bạn muốn tặng

« PHỔ-THÔNG »

làm quà Trung-Thu ?



Một số bạn đọc khá đông có đề-nghị với chúng tôi gởi số « PHỔ-THÔNG đặc-biệt TRUNG-THU » làm quà cho các bạn-hữu ở xa của quý bạn, và các bạn yêu-cầu chúng tôi cho biết điều-kiện gởi như thế có thuận-tiện không ?

Chúng tôi xin trả lời chung sau đây :

Nếu Bạn có hảo-ý muốn có một quyền « PHỔ-THÔNG TRUNG-THU », làm quà cho thân-hữu của Bạn trong dịp lễ Trung-Thu, mà do chính nhà báo gởi đến tận nơi, thì yêu cầu bạn gởi gấp đến chúng tôi trước ngày 10-9-59 :

1) Tên, họ và Địa-chỉ thật rõ-ràng của những người bạn ấy.

2) Số tiền tem đúng theo giá báo (Phổ-Thông Trung-Thu vẫn bán 10\$ một quyền). Như bạn muốn gởi 3 quyền báo tặng 3 người bạn, thì bạn gởi kèm trong thư : 30\$ bằng tem 2\$00 hoặc 1\$00.

Chúng tôi sẽ dán nơi trang đầu kế trang bìa, một mảnh giấy in mấy giòng chữ sau đây :

« Số PHỔ-THÔNG TRUNG-THU » này là món quà đặc biệt của bạn ở
..... thân tặng Bạn
..... ở
nhờ tạp-chí PHỔ-THÔNG hoan-hỷ chuyển giao trong dịp lễ Trung-Thu Kỷ-Hội (15-9-59).

Và có con dấu của tạp chí Phổ-Thông đóng kèm một bên.

Bạn khỏi phải trả tiền cước-phí. Chúng tôi xin vui lòng chịu tiền tốn kém gởi tặng phẩm của bạn đi nội TRONG LÃNH-THỔ VIỆT-